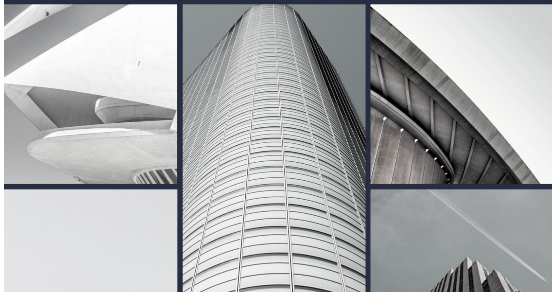
TÂM LÝ HỌC

DIỆP MỘC NHIÊN

HỒ SƠ

TỘI PHẠM



TÀI LIỆU THAM KHẢO

Mục lục

HỒ SƠ TỘI PHẠM

Diệp Mộc Nhiên
www.dtv-ebook.com

Hồ Sơ Tội Phạm 1

Đừng đọc trong khi ăn nhé...

1.Armin Meiwes (Đức)

Tháng 3.2001, Armin Meiwes (lúc đó 46 tuổi) tự tay quay phim cảnh hắn giết chết và xẻo thịt một nạn nhân, rồi sau đó đem 20kg thịt người đi nướng và làm món bít tết thịt người, sau đó tung đoạn phim lên mạng.

Armin Meiwes bình thản mô tả cách hắn ăn thịt người trên truyền hình Đức

Nạn nhân là một kỹ sư máy tính đến tìm Armin sau khi đọc được quảng cáo của kẻ ăn thịt người có nội dung "cần tìm đàn ông để xẻo thịt". Armin bị bắt vào năm 2002 và lãnh án tù chung thân.

2.Yoo Young-chul (Hàn Quốc)

Yoo Young-chul sinh ra trong một gia đình nghèo khó, cha của Yoo từng là cựu quân nhân.

Từ năm 2003-2004, Yoo Young-chul đã giết chết 21 người và ăn thịt ít nhất 11 nạn nhân là gái mại dâm và người cao tuổi giàu có.

"Phụ nữ không nên hành nghề mại dâm, người giàu phải biết họ đang làm gì", Yoo giải thích động cơ ăn thịt người của hắn trên truyền hình.

Năm 2005, Yoo bị kết án tử hình và trở thành kẻ sát nhân ăn thịt người man rợ nhất lịch sử Hàn Quốc.

3.Tsutomu Miyazaki (Nhật Bản)

Tsutomu Miyazaki sinh năm 1962 tại Tokyo (Nhật Bản), làm nhân viên văn phòng tại một công ty.

Từ năm 1988-1989, sau giờ làm việc, Tsutomu đã bắt cóc và ăn thịt 4 bé gái tuổi từ 4-7, khi chuẩn bị tiếp cận nạn nhân thứ 5 thì sa lưới pháp luật.

Tên thủ ác Tsutomu bắt nạn nhân về nhà cưỡng hiếp,

cắt hết tứ chi để ăn, uống máu rồi đốt xác nạn nhân.

Kinh khủng hơn, hắn chụp lại hình ảnh chi tiết hắn giết nạn nhân như thế nào, sau đó gửi ảnh và hài cốt về gia đình của nạn nhân.

Vào ngày 17.6.2008, tên tội phạm ăn thịt người Tsutomu lãnh án tử hình.

4.Vince Weiguang Li (Canada)

Vince Weiguang Li sinh ra tại Trung Quốc năm 1968, sau đó định cư ở Canada năm 2011. Đa số những tên ăn thịt người hành động bí mật tại nhà, còn tên Vince thì ăn thịt người ngay trên xe buýt.

Chiều ngày 30.7.2008, trên một chuyến xe, Vince dùng một con dao lớn đâm tới tấp một nam hành khách đang ngủ, chặt đầu nạn nhân rồi xẻo thịt ăn sống trước sự chứng kiến của hàng chục hành khách trên xe.

Tài xế cho dừng xe và tất cả hành khách gào thét hoảng loạn, ói mửa, chạy khỏi xe buýt.

Sau 5 giờ trên xe buýt, tên sát nhân định tẩu thoát thì bị cảnh sát bắt.

Vince lãnh án chung thân và bị biệt giam trong một buồng giam dành cho tù nhân bị tâm thần, được đảm bảo an ninh cao độ kể từ năm 2009 đến nay.

5.John Bunting và Robert Wagner (Úc)

Từ năm 1992-1999, John Bunting cùng đồng phạm Robert Wagner giết chết và ăn thịt 9 nạn nhân. Chúng bắt cóc các nạn nhân mà chúng cho đó là những người ấu dâm và đồng tính, đem về một căn nhà cạnh bờ sông ở Nam Úc.

John và Robert xẻo thịt nạn nhân bỏ vào chảo chiên lên rồi ăn. Sau đó, chúng nhét xác nạn nhân vào vại chứa rượu loại lớn để "ngâm rượu".

Mãi đến 2005, cảnh sát mới bắt được hai tên ăn thịt người man rợ trên. Cả hai đang thụ án chung thân.

Ngoài ra, còn nhiều vụ án ăn thịt người ghê rợn trên thế giới. Các nhà tâm lý học cho rằng những tội phạm ăn

thịt người thường sinh ra trong gia đình không hạnh phúc, thường bị đối xử tệ và bị bạo hành trong gia đình. Một số kẻ ăn thịt người là do cuồng tín, sở thích bệnh hoạn hoặc bị mắc bệnh thần kinh...

Chủ Đề: Triệu Chứng Chung Của Người Bị Biến Thái Nhân Cách

Chấn thương đầu

Hành vi hung hăng và bạo lực liên hệ mật thiết với các chấn thương vùng đầu sau tai nạn, các chấn thương vùng đầu tái diễn trong quãng thời gian con người bị lạm dụng thể xác hoặc hứng chịu các tổn thương từ trong bụng mẹ.

Tổn thương não giữa, vùng dưới đồi hoặc thùy thái dương có thể gây ra những hoạt động gây hấn tự phát, co giật và chứng hay quên.

Ảnh minh họa: ListverseẢnh minh họa: Listverse70% tên giết người hàng loạt chịu những chấn thương vùng đầu khi chúng còn nhỏ hoặc ở tuổi vị thành niên. Điều đó cho thấy mối liên hệ giữa các loại thương tật trên cơ

thể với các vụ giết người hàng loạt. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng vùng vỏ não trước trán (khu vực tham gia vào hoạt động lập kế hoạch và đánh giá) của những tên tội phạm nguy hiểm không hoạt động đúng chức năng.

2. Tàn nhẫn với động vật

99% kẻ giết người hàng loạt thừa nhận rằng chúng thường tưởng tượng về cảnh bạo lực đối với động vật trước khi "ra tay" với con người.

Đa số sát thủ máu lạnh xuất thân từ gia đình không êm ấm. Người thân thường bỏ qua những biểu hiện bệnh và tính khí bất thường của chúng. Những hành vi tàn ác với động vật chính là sự khởi đầu cho quá trình phạm tội của những tên sát nhân trẻ.

3. Tình dục lệch lạc

Ngay từ lúc nhỏ, nhiều tên giết người hàng loạt thích các hoạt động thị dâm, loạn dâm đồ vật cũng như các dạng lệch lạc tình dục khác. Nhiều tên bước vào con đường lầm lỗi từ hành vi nhìn trộm tưởng chừng vô hại.

Sau đó chúng thực hiên các việc manh động hơn như phá phách nhà cửa, hiếp dâm và giết người.

4. Ám ảnh tình dục

Hình ảnh 10 đặc điểm phổ biến của những kẻ giết người hàng loạt số 1

Ảnh minh họa: Listverse

Đa số kẻ giết người hàng loạt thừa nhận rằng chúng không tham gia các buổi tiệc và những sự kiện xã hội khác khi còn trẻ. Chúng chưa bao giờ trải nghiệm các hoạt động tình dục như nhiều thanh niên khác. Thay vào đó, chúng lựa chọn cách thủ dâm. Nhiều tên tự gây ra những vết sẹo trên bô phận sinh dục vì ảm ảnh tình dục.

Do thiếu nền tảng xã hội quan trọng, nhiều tên giết người không thể tham gia vào hoạt động tình dục bình thường và buộc phải tự thỏa mãn. Trên các tạp chí trinh thám, chúng ta dễ dàng thấy những câu chuyện khủng khiếp về mối liên hệ giữa hoạt động tình dục và các vụ án giết người.

5. Ảo tưởng tiêu cực

Hành vi ngoài tầm kiểm soát và bạo lực thường xuất hiện trong trí tưởng tượng của những kẻ giết người hàng loạt. Trên thực tế, các nghiên cứu cho thấy các tên tội phạm nguy hiểm không có ký ức về những tưởng tượng mang tính tích cực khi chúng còn nhỏ. Nhiều tên còn tưởng tượng về việc tự hành hạ hoặc cắt bỏ bộ phận sinh dục của bản thân.

Thậm chí ảo giác về các chấn thương trên cơ thể xuất hiện liên tục trong tâm trí của những tên sát nhân. Đặc biệt, trong những lần tưởng tượng đó, chúng trở thành những kẻ giết người hàng loạt. Chúng sẽ không bao giờ kể với ai về những ý nghĩ kinh khủng đó. Những tưởng tượng về việc phạm tội sẽ tái diễn thường xuyên. Trước khi chúng thực hiện phi vụ đầu tiên, tâm trí những sát nhân luôn hướng về những suy nghĩ độc ác. Sau đó, ảo tưởng về các vụ giết người trót lọt sẽ lởn vởn trong đầu chúng.

6. Lớn lên trong đơn độc

Các thành viên trong gia đình của những kẻ giết người hàng loạt thường bất hòa và mâu thuẫn với nhau. Mối quan hệ giữa họ hay gặp trục trặc và dễ đổ vỡ. Những gia đình như vậy có xu hướng chuyển chỗ ở thường xuyên nên những đứa trẻ cũng không thường xuyên sống ở một nơi cố định trước tuổi 18. Chúng không sống trong mối quan hệ gắn kết nên không có khả năng xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp khi đến tuổi trưởng thành.

Hình ảnh 10 đặc điểm phổ biến của những kẻ giết người hàng loạt số 2

Ảnh minh họa: Listverse

Những sát thủ máu lạnh hiếm khi nhớ đến các bạn cùng lớp và cũng không có bạn thân. Việc những đứa trẻ khác thường xuyên bắt nạt chúng khiến xu hướng chống đối xã hội hình thành trong chúng ngay khi còn nhỏ. Chúng bắt đầu trộm cắp, phá phách, sử dụng vũ khí nguy hiểm, hay gây gổ và coi thường quyền lợi của người khác.

7. Tè dầm

Sát nhân tè dầm là cụm từ có vẻ khôi hài, nhưng trên thực tế hiện tượng tè dầm liên quan đến hành vi cố ý gây hỏa hoạn và tàn ác với động vật. Các nghiên cứu cho thấy rằng, khi cha, mẹ hoặc bất kỳ ai trêu chọc một đứa trẻ khi nó liên tục đái dầm trong giai đoạn 5 tuổi, đứa trẻ đó có thể sẽ ngược đãi động vật hoặc đốt phá nhà, cửa để thể hiện sự giận giữ và nỗi thất vọng. Hơn 57% kẻ giết người hàng loạt sống chung với bệnh tè dầm từ bé đến lúc trưởng thành.

8. Ký ức tiêu cực về bạo lực tình dục

Việc chứng kiến cảnh bạo lực tình dục giữa các thành viên trong gia đình hoặc giữa cha và mẹ trong suốt quãng thời gian thơ ấu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của mỗi cá nhân. Nhiều tên sát nhân mắc các bệnh hoa liễu ở tuổi vị thành niên, một số khác từng chịu phạt vì hành động thủ dâm, hay bị chính cha mẹ hoặc các thành viên trong gia đình lạm dụng tình dục. Những ký ức kinh hoàng đó sẽ tạo ra những ảo tưởng mang tính bạo lực kéo dài tới lúc trưởng thành.

Trẻ bị người khác lạm dụng khi còn nhỏ sẽ cô lập với xã hội, gặp khó khăn trong học tập (46% tên giết người hàng loạt tại Mỹ không tốt nghiệp trung học), khả năng tự chủ kém và dễ động kinh.

9. Bị bỏ rơi và bạo hành khi còn nhỏ

Hình ảnh 10 đặc điểm phổ biến của những kẻ giết người hàng loạt số 3

Ảnh minh họa: Listverse

Hầu hết những kẻ giết người máu lạnh đều trở thành đối tượng lạm dụng của người khác từ khi còn nhỏ. Theo kết quả từ các cuộc phỏng vấn và trao đổi với những tên giết người, 50% trong số chúng từng hứng chịu hành vi ngược đãi hoặc bỏ mặc của người lớn khi chúng còn nhỏ. Thông thường những đứa trẻ bị cha mẹ bỏ rơi sẽ trở nên lầm lì và coi thường thế giới xung quanh. Vì vậy chúng sẽ lớn lên mà không có sự đồng cảm với người khác.

Bạo lực tinh thần bào mòn lòng tự trọng của trẻ và

trở thành chướng ngại vật cho sự phát triển năng lực cũng như xây dựng các mối quan hệ lành mạnh. Đó là lý do tại sao những tên giết người hàng loạt thường thất bại trong công việc trong mọi giai đoạn và hiếm khi có mối quan hệ tốt đẹp.

10. Lạm dụng rượu và các chất gây nghiện

Việc người mẹ sử dụng rượu và chất gây nghiện khi đang mang thai khiến đứa trẻ mà họ sinh ra có thể chịu những dị tật bẩm sinh nghiêm trọng như mắt bé, phát triển chậm, đầu và não nhỏ cùng các vấn đề liên quan đến hệ thần kinh trung ương.

Mọi thứ còn tồi tệ hơn nếu trẻ lớn lên trong một gia đình nghiện ngập. Các biểu hiện như rối loạn tăng động giảm chú ý, rối loạn chức năng gắn kết, tâm lý ngờ vực, cảm giác hụt hẫng, trầm cảm cùng các vấn đề liên quan đến hành vi của trẻ sẽ bộc lộ từ rất sớm. Theo thống kê của Cục Điều tra liên bang Mỹ (FBI), tuổi thơ của hơn 70% kẻ giết người hàng loạt gắn liền với trải nghiệm liên quan đến việc lạm dụng chất gây nghiện.

Tội Phạm Biến Thái

Bà Budd thân mến!

Vào năm 1894, khi nạn đói đang hoành hành ở Trung Quốc. Thịt của tất cả các loài động vật đều rất đắt đỏ. Chính vì thế người nghèo ở đây đã bán những đứa con dưới 12 tuổi của mình cho các cửa hàng thực phẩm. Vào thời điểm đó, nếu bạn vào bất kỳ cửa hàng thực phẩm nào và yêu cầu mua thịt. Tôi dám chắc đó không phải thịt động vật mà là thịt người.

Tôi có một người bạn ở đó rất lâu và anh ta đã nhiễm hương vị thịt người. Khi về đến New York, anh ta bắt cóc 2 đứa con trai của mình, một đứa 7 tuổi và 1 đứa 11 tuổi. Đầu tiên anh ấy giết chết cậu bé 11 tuổi bởi vì thịt của nó béo hơn. Tất cả các phần cơ thể của cậu bé được nấu chín trừ đầu, xương và ruột.

Anh ta chế biến cậu bé trong lò với đủ các món luộc, nướng, chiên và hầm. Đứa con thứ 2 cũng được làm theo đúng cách như vậy. Thời điểm đó tôi đang sống gần đấy và luôn mong muốn sẽ có cơ hội nếm thử món thịt người này'.

Vào tháng 6/1928, tôi đến nhà bà và mang theo chút pho mát, dâu tây. Chúng ta cùng nhau ăn trưa, Grace ngồi trong lòng tôi, hôn tôi và từ đó tôi quyết tâm ăn thịt cô bé.

Tôi giả vờ nói đưa cô bé tới một bữa tiệc sinh nhật và gia đình đồng ý để Grace đi. Tôi đưa cô bé đến một căn nhà trống ở Westchester. Khi đến đó, cô bé ở bên ngoài nhặt hoa dại còn tôi đi lên lầu lột sạch quần áo của mình ra vì sợ chúng sẽ bị vấy bẩn bởi máu.

Khi tất cả đã sẵn sàng, tôi đi ra cửa sổ và gọi Grace lên phòng. Khi nhìn thấy tôi không mặc gì trên người, cô bé bắt đầu khóc và chạy xuống phía dưới cầu thang. Tôi túm lấy và lột hết quần áo trên người của Grace. Dĩ nhiên cô bé có đá và cắn tôi nhưng vô ích. Tôi giết chết Grace sau đó cắt từng miếng thịt nhỏ để nấu nó và ăn.

Tôi mất 9 ngày mới có thể ăn hết cơ thể cô bé. Và Grace qua đời khi còn là "trinh nữ". bức thư mà kẻ sát nhân gửi cho gia đình nạn nhân

Top 5 Nữ Đồ Tể Khét Tiếng Nhất Trong Lịch Sử Nhân Loại

Top 5 nữ đồ tể khét tiếng nhất trong lịch sử nhân loại

Chiến tranh thế giới thứ 2 đã qua đi, đến nay đã tròn 70 năm nhưng nỗi ảnh mang tên "trại tập trung phát xít" vẫn còn đó. Và nhắc đến trại tập trung phát xít, không thể không nhắc đến những cái tên như Irma, Ilse Koch...Họ là những phụ nữ Đức xinh đẹp, nhưng thực chất lại là công cụ giết người ghê rợn của chế độ phát xít. Cùng tìm hiểu xem những nữ đồ tể này là ai nhé.

1. Irma - kẻ hận thù phụ nữ đẹp

Irma, tên đầy đủ là Irma Grese, sinh năm 1923. Cô có một vẻ ngoài xinh đẹp, nhưng thực chất Irma nói năng thô lỗ, tính tình phóng đãng và đặc biệt "xuất chúng" trong việc tìm ra những cách thức ngược đãi,

dày vò tai quái đối với các nữ tù nhân, đặc biệt là những nữ tù nhân Do Thái.

Top 5 nữ đồ tể khét tiếng nhất trong lịch sử nhân loại

Irma là một phụ nữ khá xinh đẹp.

Hơn nữa, chồng Irma - bác sĩ đồ tể Josef Mengele là một kẻ trăng hoa, đã tư thông với rất nhiều phụ nữ Do Thái xinh đẹp ở trong trại tập trung, chính vì vậy, cơn thịnh nộ của nữ đồ tể này được trút hết lên đầu nữ tù nhân, đặc biệt với những phụ nữ có chút nhan sắc. Theo thống kê không đầy đủ, dưới sự đày đọa của Irma, hàng ngàn phụ nữ trong các trại tập trung Ravensbruck, Auschwitz, Belsen và Birkenan, nơi Irma từng làm quản giáo, đã vĩnh viễn không có ngày về.

Phương thức mà Irma dùng để tra tấn phụ nữ trong tù rất dã man. Đó là dùng roi da vút thẳng vào mặt, quất không thương tiếc vào ngực, bắt nữ tù nhân nằm xuống, dạng hai chân ra, dùng báng súng đánh thẳng vào vùng kín tới khi không thấy động đậy mới thôi.

Sau khi chính quyền phát xít Đức sụp đổ, Irma đã bị bắt và đưa ra xét xử tại tòa án binh. Cuối cùng, nữ đồ tể khét tiếng này đã phải trả giá cho những tội ác dã man gây ra. Khi đó, Irma mới vừa tròn 22 tuổi.

Top 5 nữ đồ tể khét tiếng nhất trong lịch sử nhân loại

Irma Grese (đeo số 9) trong phiên tòa xét xử tội phạm chiến tranh năm 1945.

2. Ilse Koch - Ác quỷ đội lốt người

Cái tên tiếp theo trong danh sách này là "nữ bạo chúa" hay "sói cái" Ilse Koch. Ilse Koch là một phụ nữ xinh đẹp, có mái tóc rất dài nhưng thực chất lại là một con quỷ đội lốt người. Cách quản lý tù nhân của Ilse Koch cực kỳ máu lạnh, đó là cô sử dụng thuật xăm hình để phân loại tù nhân. Khi vết xăm đã liền sẹo và lên mầu, Ilse ra lệnh cho tất cả tù nhân cởi hết áo. Những tù nhân có hình xăm lọt vào mắt Ilse sẽ được chọn ra và người ta mãi mãi không bao giờ thấy họ trở về nữa.

Top 5 nữ đồ tể khét tiếng nhất trong lịch sử nhân loại

Ilse Koch (mặc váy, đứng) tại Tòa án quân sự Mỹ năm 1947 ở Dachau (Đức)

Trong số đó, thanh thản nhất là những tù nhân được "vinh dự" đem đi bắn. Xấu số hơn là những ai bị tống vào phòng hơi độc bởi trước khi lên thiên đường họ phải quằn quại trong đau đớn. Ilse giết họ để lột da lấy những hình xăm đẹp, đem đi thuộc rồi làm chao đèn, găng tay và bọc sách. Ilse còn có một sở thích quái đản khác là sưu tập đầu lâu người và sấy khô ngón tay cái của các tù nhân sau khi bị giết dùng làm công tắc điện.

Cuối cùng, IIse bị các cơ quan chức năng Đức bắt năm 1951 và nhận mức án chung thân. Ngày 1/9/1967, Ilse treo cổ tự vẫn trong nhà tù ở Bavaria.

3.Juana Bormann - Kẻ sát nhân với đàn chó

Juana Bormann là một nữ đồ tể khét tiếng với biệt danh "Kẻ sát nhân với đàn chó". Juana đã nhiều lần sử dụng liệu pháp "thả chó" để "điều trị" tù nhân "lười nhác", "ương bướng". Cụ thể, khi cảm thấy "chướng mắt" với bất cứ tù nhân nào, Juana sẽ thả những con

chó bécgiê Đức lực lưỡng và để chúng lao thẳng tới đối tượng, tấn công nạn nhân cho đến chết.

Top 5 nữ đồ tể khét tiếng nhất trong lịch sử nhân loại

Hình ảnh thảm hại của một nữ tù nhân trong trại tập trung thời phát xít Đức

Ngoài ra, Juana còn có một thú vui khác là đánh đập tù nhân bằng gậy gỗ và dùi cui cao su, lột truồng họ ra rồi bắt biểu diễn những bài tập thể dục gắng sức. Mặc dù Juana gần như phủ nhận mọi lời cáo buộc, nhưng với những bằng chứng không thể chối cãi, nữ đồ tể này đã phải cúi đầu nhận tội. Án tử hình là hoàn toàn thích đáng đối với những tội ác mà Juana gây ra.

4. Vera - Kẻ lấy việc giết người làm thú vui

Vera, hay Veronica là một người đàn bà xinh đẹp. Tuy nhiên, do những biến cố trong cuộc đời, Vera tự nguyện làm tai mắt cho giám thị trong các trại tập trung. Những tù nhân bị Vera ngầm cáo giác không bị đánh cho lê lết cũng bị tống vào phòng khảo hình tra tấn tới thân tàn ma

dại. Nhờ lập được nhiều "chiến công", Vera lọt vào mắt Trưởng trại Dorothen Binz, và được cho làm y tá.

Ngày đầu tiên trong vai trò mới, Vera được y tá trưởng Elisabeth Marschall giao cho 3 nữ tù nhân Do Thái. Nhiệm vụ của Vera là tiêm thuốc thử nghiệm vào tĩnh mạch họ. Chưa đầy 5 phút sau, ba nữ tù nhân nọ ngã lăn xuống đất, máu từ miệng, mũi và mắt tuôn ra. Họ nấc lên mấy tiếng rồi tắc thở. Mặt Vera vẫn lạnh tanh. Thậm chí, ả còn lấy chân đá xác nạn nhân, nói: "Đáng lý ra chúng mày phải chết từ lâu rồi!". Một hôm, Vera phát hiện đại đa số phụ nữ Do Thái vừa chuyển đến ở trong lều tạm gần trạm y tế là tuổi đã già, có người lại tàn tật hoặc mang thai..Ngay hôm sau, Vera ra lệnh chia họ ra thành những nhóm 10 người, đưa tới trạm y tế nhận thuốc phòng dịch (thực chất là thuốc độc) và bắt uống tại chỗ. Mặt trời còn chưa kịp đứng bóng, 230 thi thể đã được chuyển tới lò thiêu.

Hình ảnh thảm hại của một nữ tù nhân trong trại tập trung thời phát xít Đức

Phòng thí nghiệm y học ở trại tập trung Ravensbruck

của phát xít Đức

Sau vụ này, Vera rất được Marschall tín nhiệm, đôn lên làm trưởng phòng chẩn đoán. Nắm quyền sinh quyết sát trong tay, Vera càng được thể, ngày càng trở nên tàn bạo hơn. Chỉ trong vòng hai năm, kể từ lúc được làm y tá tới khi bị bắt, số phụ nữ Do Thái bị Vera đích thân ra tay giết hoặc trực tiếp ra lệnh, giám sát việc giết hại đã lên tới hơn 500 người. Tuy nhiên, cuối cùng Vera cũng phải trả giá cho những hành động độc ác của mình bằng mức án tử hình vào năm 1946.

5. Elisabeth Marschall - Dã nhân đội lốt người

Marschall sinh năm 1886, bắt đầu cái nghiệp làm y tá từ năm 1909. Sau đó, Marschall trở thành tay chân đắc lực của "bác sĩ tử thần" Treite, ở trại tập trung Ravensbruck. Marschall đối xử với tù nhân rất dã man, cô nhốt 50 nữ tù nhân cùng những đứa con mới sinh của họ vào một chiếc xe chở gia súc, không cung cấp thức ăn, nước uống để cuối cùng tất cả họ đều thành những cái xác quắt khô, nhăn nhúm.

Hình ảnh thảm hại của một nữ tù nhân trong trại tập trung thời phát xít Đức

Những đống xương người như thế này không phải là chuyện hiếm gặp trong các trại tập trung của phát xít Đức

Dưới thời Marschall làm y tá trưởng trại tập trung Ravensbruck, những nữ tù nhân mang thai vẫn phải lao động cật lực dưới sự hăm dọa, đay nghiến và những cơn mưa roi da. Khi sinh con, họ không được phát thêm khẩu phần thức ăn, nên chẳng bao giờ có sữa cho con bú. Những sinh linh nhỏ bé đó, ngay từ giây phút lọt lòng mẹ đã phải sống trong điều kiện vô cùng tệ hại. Thay vì được quấn trong tã hoặc khăn để giữ ấm cho cơ thể, chúng phải ở trần trong những chiếc giỏ đựng quần áo bởi Marschall cấm các nữ y tá làm điều này.

Hình ảnh thảm hại của một nữ tù nhân trong trại tập trung thời phát xít Đức

Lao động khổ sai, công việc thường ngày của các nữ tù nhân ở trại tập trung Ravensbruck

Do đó, rất ít trẻ sơ sinh ra đời trong trại tập trung Ravensbruck sống được quá 4 tuần. Chỉ tính riêng tháng 1/1945, ở trại tập trung Ravensbruck có 380 đứa trẻ chào đời, nhưng chỉ có duy nhất một bé sống trọn 3 tháng, còn lại đều chết trong vòng 14 ngày kể từ khi sinh ra. Ngoài ra, Marschall còn bị cáo buộc là đã trực tiếp hoặc gián tiếp ra lệnh tra tấn, tiêm hoặc bắt tù nhân uống thuốc độc khiến hàng trăm con người phải bỏ mạng.

Sau cùng, nữ đồ tể Elisabeth Marschall đã phải bước lên giá treo cổ tại nhà tù Hameln (Đức) năm 1947 với tư cách nữ phát xít Đức già nhất bị tử hình. Năm ấy, thì vừa tròn 61 tuổi

Biến Thái

Parker là một người Mĩ làm nghề tìm kiếm vàng, bị tuyên án tội ăn thịt người. Vào ngày 9 tháng 2 năm 1874, hắn cùng với năm người khác trong cuộc hành trình tìm kiếm ở núi Colorado. Hai tháng sau, Parker quay về một mình. Khi được hỏi về những người đã đi cùng với mình, Parker nói hắn đã giết họ để tự vệ và bắt buộc phải ăn thịt họ để sống sót trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt. Câu chuyện của hắn khiến mọi người nghi ngờ và hắn ta sau đó cũng đã kí vào hai bản lời khai khác nhau. Parker bị tuyên án 40 năm tù giam, vào thời điểm đó thì đây là bản án dài nhất ở Mĩ. Đáng ngạc nhiên là sau đó hắn ta được phóng thích bởi vì vẫn còn những nghi vấn về sự trong sạch của mình.

Albert Fish thật sự là một con quái vật, theo đúng nghĩa đen của nó. Hắn tàn bạo, hoang đường và tồi tệ nhất là hắn nhận được những khoái lạc từ các hành vi

ghê tởm của mình. Không chỉ tự nhận là kẻ giết người hàng loạt cùng ăn thịt người, hắn còn là một kẻ ấu dâm bệnh hoạn và lệch lạc trong nhân cách. Fish bắt cóc, giết chết và ăn thịt một bé gái 10 tuổi ở Manhattan. Sáu năm sau, Fish nhạo báng gia đình của cô bé vô tội bằng việc gửi một bức thư cho họ, miêu tả chi tiết tội ác và những khoái lạc hắn đạt được khi thực hiện nó. Cảnh sát dùng lá thư để lần ngược ra hắn, Fish bị bắt và kết án. Công lý được thực thi vào ngày 16 tháng 1 năm 1936 khi Fish bị hành hình tại trại giam Sing Sing Correctional Facility bang New York.

Chikatilo là một tên giết người hàng loạt và một kẻ hiếp dâm sinh ra tại Ukraina. Trong lúc bị bắt giam, Chikatilo đã thú nhận hơn 50 vụ giết người và cắt xẻo. Hắn kết thân với nạn nhân, giết chết rồi ăn thịt họ. Hắn thừa nhận động cơ gây án là chỉ để thoả mãn nhục dục của bản thân. Các chi tiết về cuộc đời và tội ác của hắn thật khủng khiếp. Kẻ điên này chỉ dừng các cuộc đi săn giết chóc của mình khi bị bắt và sau đó được nhận định là một trong những chiến dịch lớn nhất trong lịch sử ngành cảnh sát ở Nga. Chikatilo bị tuyên án tử hình tại

Rostov vào 14 tháng 2 năm 1994.

Quá Trình Thiết Lập Hồ Sơ Tội Phạm

1. Thông tin đầu vào.

Quá trình thiết lập hồ sơ tội phạm bắt đầu với giai đoạn sàng lọc thông tin có sẵn. Trong giai đoạn này, các nhà điều tra thu thập thông tin từ hiện trường và các loại dữ liệu, bằng chứng có liên quan đến tội ác. Bằng chứng dù nhỏ đến mức nào cũng có tác dụng rất lớn cung cấp thông tin giúp họ hiểu được hành vi của nghi phạm. Hiện trường vụ án, thông tin về nạn nhân, thông tin pháp lý, và các báo cáo ban đầu của cảnh sát phải được điều tra nghiên cứu cẩn thận.

Trong quá trình khám xét hiện trường, một điều rất quan trọng là cần phải chú ý miêu tả toàn cảnh hiện trường, vị trí các vật chứng, xác nạn nhân và hung khí nằm ở hiện trường. Các yếu tố khác cũng cần lưu tâm đến như thời gian, tình huống thời tiết, vị trí chính trị và

xã hội của khu dân cư nơi nạn nhân sinh sống.

Toàn bộ thông tin quá khứ của nạn nhân cũng rất quan trọng, nhất là trong các vụ sát hại. Các thông tin đó phải bao gồm gia cảnh, các mối quan hệ với người thân, tình trạng sức khoẻ, lịch sử pháp lý, cũng như danh tiếng, tính cách, thói quen và đạo đức xã hội. Nếu có nhiều nạn nhân thì có khả năng giữa các nạn nhân có mối liên kết gì đó.

Người nghiên cứu nạn nhân (victimology) nhìn vào những điểm tương đồng giữa các nạn nhân như tuổi tác, giới tính hay thậm chí là những nét ngoại hình giống nhau như màu mắt. Đồng thời họ còn tìm xem các nạn nhân có cùng quá khứ nào không hay đã từng gặp nhau ở đâu đó rồi.

Các thông tin pháp lý như khám nghiệm tử thi, các loại chất độc hay các bức hình về cơ thể nạn nhân và các vết thương rất trọng yếu đối với việc điều tra. Báo cáo nên có cả giám định của pháp y, loại hung khí được sử dụng và cả nghi vấn về chuỗi vết thuơng trên người nạn nhân.

2. Xác định mô hình hoạt động.

Khi bạn bắt đầu phân loại và sắp xếp thông tin đầu vào, bạn bắt đầu quá trình xác định. Quá trình này được tạo thành bởi bảy yếu tố xác định được gọi là "mô hình" bao gồm: (1) kiểu và phuong thức sát hại, (2) mục đích ban đầu, (3) nguời gặp nguy hiểm, (4) mức độ nguy hiểm của tội phạm (5) sự leo thang, (6) thời gian vụ án, (7) các yếu tố liên quan đến địa điểm gây án.

a. Loại và phương thức sát hại:

Có nhiều loại án mạng khác nhau dựa trên kiểu và phuơng thức. Nếu chỉ có một nạn nhân trong vụ việc thì đó được gọi là án mạng đơn, nếu có hai nạn nhân trong trong cùng vụ án thì là án mạng kép, nếu có ba thì chính là án mạng ba. Nhưng nhiều hơn ba, tức là bốn, năm... trong cùng một địa điểm và vụ án thì được gọi là án mạng tập thể.

Có hai loại án mạng tập thể: Cổ điển và gia đình. Án mạng tập thể kiểu cổ điển là khi một người, không kiểm soát được lý trí của mình, giải toả sự thù địch của mình

bằng cách giết những người không liên quan đến anh ta, những người không may ở cùng trong địa điểm gây án (ví dụ như vụ án mạng Bình Phước). Án mạng tập thể gia đình là người đó giết nhiều hơn ba người thân thích của anh ta và cuối cùng tự tử.

Các loại án mạng khác bao gồm tàn sát bừa bãi và giết người hàng loạt. Tàn sát bừa bãi bao gồm việc giết nhiều hơn hai người ở các địa điểm khác nhau nhưng tình cờ ở trong cùng một tình huống vì kẻ sát nhân bất chợt bộc phát giết người, không có thời gian bình tĩnh lại. Ở mặt khác, giết người hàng loại là khi một người giết từ ba người trở lên ở những tình huống khác nhau. Các tình huống sát hại có thể cách nhau một khoảng thời gian nghỉ ngơi của hung thủ, có thể là từ vài ngày, cho đến vài tháng, vài năm.

Sát nhân hàng loạt là những có suy tính từ truớc, lên kế hoạch và ảo tuởng về cách thức thực hiện tội ác của mình. Trong khi kẻ giết người tập thể và tàn sát bừa bãi chỉ giết những người có mặt ở địa điểm gây án thì kẻ giết người hàng loạt có thể lựa chọn nạn nhân và nghĩ hắn sẽ không bao giờ bị bắt.

b. Mục đích ban đầu:

Mục đích ban đầu của tội phạm có thể phân loại vào trong: (1) Nghề nghiệp , (2) cảm xúc, cá nhân hoặc nguyên nhân đặc biệt, hay (3) tình dục.

Khi mục đích của tội ác bắt nguồn do nghề nghiệp của tội phạm, điều đó có nghĩa là tội phạm coi việc gây án chính là nguồn thu nhập của hắn (Vd: giết muớn). Hắn không chút đắn đo truớc nạn nhân và chỉ làm những việc hắn được trả để làm

Cảm xúc, cá nhân hoặc nguyên nhân đặc biệt là khi hung thủ sát hại nạn nhân vì lý do nào đó. Đôi khi là để tự vệ, thoả mãn cơn giận, hoặc trả thù khi ai đó có thể bị giết vì niềm tin, giấc mơ, hoặc tôn giáo.

Cuối cùng, một nguời lấy đi tính mạng của nguời khác chỉ vì hoạt động tình dục, xẻo nguời, cắt khúc hay bất kỳ hoạt động nào khác mang ý nghĩa tình dục với tội phạm.

Trong một số truờng hợp, sát hại có thể là hành vi

bộc phát phụ trợ chứ không phải là nguyên nhân ban đầu của tội ác.

c. Người gặp nguy hiểm:

Việc khoanh vùng những người gặp nguy hiểm có thể cung cấp thông tin cho quá trình thiết lập hồ sơ tội phạm. Những người gặp nguy hiểm có thể có những yếu tố liên quan đến nhau như giới tính, tuổi tác, phong cách sống, nghề nghiệp, ngoại hình, khả năng, và nơi sống, cũng như mối liên hệ với nghi phạm. Những thông tin này giúp các nhà điều tra phác hoạ hình ảnh tội phạm.

d. Mức độ nguy hiểm của tội phạm:

Thông tin về nạn nhân gặp nguy hiểm có thể giúp cung cấp thông tin về mức độ nguy hiểm của tội phạm. Ví dụ, dựa vào vóc người của nạn nhân và người gặp nguy hiểm, một người có thể có khả năng phác họa chiều cao và dáng người của hung thủ. Trong hồ sơ cá nhân của nạn nhân, các nhà điều tra có thể biết được bất hoà, hận thù của tội phạm và các giai đoạn cảm xúc của hắn.

e. Sự leo thang:

Xác định xu hướng tội phạm từ mô hình hoạt động từ những vụ án truớc đó có thể cung cấp cho chúng ta mức độ leo thang của tội ác. Điều này có thể giúp các nhà điều tra suy luận được những hành động cần thiết liên quan đến vụ án. Từ những điều này, người lập hồ sơ có thể suy luận được bước tiếp theo của tội phạm (ví dụ từ nhìn lén, có thể leo thang thành theo dõi, tấn công, cuỡng bức và có thể là sát hại) hoặc nếu nó chỉ là những hành động tội ác được tiến hành theo thứ tự.

f. Thời gian vụ án:

Có vài yếu tố thời gian cần được quan tâm trong việc điều tra tội phạm. Những yếu tố này bao gồm khoảng thời gian cần thiết để giết nạn nhân, thời gian cần để thực hiện một số hành động với xác nạn nhân và thời gian đủ để phi tang xác. Những mảnh thông tin này có thể dẫn chúng ta tới mục đích gây án hoặc đặc thù thể chất của hung thủ. Ví dụ như nếu nạn nhân bị cắt thành từng mảnh chỉ trong vài giờ thì hung thủ phải rất khoẻ , đủ để chặt những khúc xương lớn.

Thời gian gây án cũng rất quan trọng vì nó gợi ý cho bạn biết về lối song61 cũng như nghề nghiệp của nghi phạm.

g. Những yếu tố địa điểm:

Thông tin về các địa điểm, như lần cuối cùng trông thấy nạn nhân ở đâu, vụ án xảy ra ở chỗ nào, hoặc hiện trường gây án có cùng một nơi phát hiện ra xác nạn nhân hay không sẽ cung cấp các thông tin kèm theo về hung thủ. Ví dụ, có phải hung thủ giết nạn nhân ở chỗ nào đó dùng xe chở xác nạn nhân quăng ở nơi khác?

3. Đánh giá tội ác:

Trong giai đoạn đánh giá, chúng ta cố gắng tái lập lại chuỗi sự kiện cũng như hành vi của nạn nhân lẫn hung thủ.

a. Tái hiện vụ án:

Dựa vào những quyết định ở các giai đoạn trước, chúng ta có thể tái lập lại cách vụ án được dàn dựng và sắp xếp, mỗi người cư xử ra sao và tội ác xảy ra như thế

nào. Việc này sẽ cho cung cấp cho chúng ta những đặc điểm riêng biệt của hung thủ, giúp phác thảo hồ sơ tội phạm và giúp chúng ta xác định được loại tội ác, là tội ác có tổ chức hay không có tổ chức (sẽ được phân tích vào kỳ sau)

Tội ác có tổ chức thường được sắp xếp một cách tỉ mĩ kỹ càng, và hung thủ nắm quyền điều khiển cả hiện trường (ví dụ hung khí, vật chứng, hay xác nạn nhân bị giấu đi). Nguợc lại, tội ác không tổ chức thường ít hoặc không hề được tính toán sắp xếp từ truớc và hiện trường vụ án thường rất lộn xộn.

b. Động lực:

Động lực có liên quan đến các suy nghĩ bên trong của hung thủ, thường khó xác định. Động lực dễ được xác định với các vụ án có tổ chức mà hung thủ có suy tính và lên kế hoạch hành động, trong khi tội ác không tổ chức thường xảy ra do tâm lý bất ổn, ảo giác, cũng như dưới tác dụng của thuốc hoặc rượu và áp lực quá mức.

c. Thông tin về hiện trường vụ án:

Các thông tin về hiện trường vụ án bao gồm nơi xảy ra, phương thức giết người, nguyên nhân chết, chấn thương quá mức, vị trí các vết thương, và nhiều yếu tố thường thấy ở các hiện trường cần được phân tích và đánh giá bởi các nhà điều tra và rất dễ bị hiểu sai.

Thông tin hiện trường được lý giải dựa trên kinh nghiệm của nhà điều tra về các vụ án tương tự như vụ án ở hiện tại, khi kết quả hoặc phương thức được biết.

4. Lập hồ sơ tội phạm:

Giai đoạn này bao gồm việc phác thảo hồ sơ tội phạm, có quan hệ với những đặc điểm của hung thủ cũng như hành vi của kẻ đó.

Hồ sơ tội phạm thường bao gồm nhận diện bề ngoài, thói quen, địa vị, tôn giáo, những hành vi dẫn đến tội ác, và những hành vi có thể có sau khi phạm tội. Nó cũng có thể bao gồm cả những lời khuyên cho các nhà điều tra ví dụ như phương thức hay cách thẩm vấn tội phạm.

5. Điều tra:

Giai đoạn thứ năm nói về quá trình điều tra tội ác dựa trên hồ sơ đã được thiết lập. Trong quá trình này, các nhà điều tra sẽ xác định lại các thông tin, tìm các bằng chứng khác và xác định mức hiệu quả của hồ sơ.

Mục tiêu: Bắt giữ tội phạm.

Sau giai đoạn thứ năm, cuối cùng chúng ta đi đến mục đích, đôi lúc được gọi là giai đoạn thứ sáu. Việc giam giữ xảy ra khi cảnh sát đã tím được nghi can.

Sau khi nghi can thừa nhận tội lỗi thì một cuộc thẩm vấn chi tiết với tội phạm được thực hiện để xác định tính hiệu quả của hồ cơ. Việc này giúp cho các nhà điều tra biết được liệu quá trình thiết lập hồ sơ có thành công hay không và có thể dùng cho những vụ án sau này được không.

Lập Hồ Sơ Tội Phạm Dựa Theo Địa Lý Vùng Gây Án (Geographic Profiling) Phần 1

Nguồn: Criminal Minds by Katherine Ramsland (Geographic Profiling)

Dịch và chỉnh sửa: Hải Đường Tĩnh Nguyệt

Note: Mình lấy bản rút gọn của chương này ở trang crimelibrary. Mình cũng có đối chiếu với sách và bổ sung một số thứ cần thiết, nhưng do mình không có mua sách mà chỉ tham khảo mấy trang sách google hiển thị cho nên khó tránh khỏi sai sót. Hình như quyển này là chung chung về tâm lý tội phạm. Người post bài trên crimelibrary chỉ cắt phần nào liên quan đến Geographic Profiling mà đăng lên thôi.

.

.

.

"Trong tất cả các loài động vật thì con người là loài duy nhất tàn nhẫn. Họ là người duy nhất gây ra vết thương cho kẻ khác chỉ vì sự vui sướng khi làm nó." - Mark Twain

.

.

Ngẫu nhiên hay là Sắp đặt?

Theo John Douglas, người từng lập hồ sơ tội phạm ở FBI, thì nhiều kẻ giết người hàng loạt bị thôi thúc bởi "ước mong được sáng tạo và gìn giữ thần thoại của riêng bọn chúng." Một trong những vụ án phức tạp nhất đi theo suy nghĩ này, một vụ án mà khu vực gây án có vẻ là nhân tố quan trọng chính là "Kẻ giết người cung Hoàng Đạo" (Zodiac Killer).

Tại sao lại nói vụ án này được xếp vào dạng phụ

thuộc vùng gây án? Là bởi vì Zodiac đã từng gửi đến cảnh sát một bản đồ vùng núi Mount Diablo. Hắn bảo rằng họ sẽ tìm được vài điều thú vị nếu họ thử đặt một radian trên núi Mount Diablo. Radian là đơn vị đo lường góc, được dùng bởi các kỹ sư và nhà toán học. Một radian bằng góc 57 độ, 17 phút, 44 giây. (Nhìn hình).

radian1

Nếu đặt radian trên bản đồ với tâm vòng tròn nằm ở núi Mount Diablo, một cạnh của nó đi qua khu vực trấn Vallejo có hai nạn nhân bị Zodiac giết, thì cạnh còn lại sẽ đi qua khu vực Presidio Height ở San Francisco, nơi một nạn nhân khác bị sát hại (hai nơi đánh dấu X trong hình). Điều này chứng tỏ rằng nạn nhân được chọn không phải vì bọn họ là ai mà là vì bọn họ ngẫu nhiên xuất hiện đúng thời gian, đúng địa điểm mà Zodiac cần để tạo nên "thần thoại" cho hắn.

USGS Map w protractor crime scenes 60 degrees

Suy nghĩ này phần nào làm chuyển hướng cuộc điều tra, bởi vì dường như nghi can vụ án có chỉ số IQ khá

cao so với vẻ ngu dốt mà cảnh sát những tưởng từ trong các bức thư của hắn. Những chữ sai chính tả, ngữ pháp lộn xộn giờ đây trông giống như là trò lừa cao tay hơn là bằng chứng về năng lực có hạn của hung thủ.

Mặc dù hung thủ chưa bao giờ bị bắt nhưng ý tưởng về những kẻ có thể chọn nạn nhân dựa theo vùng địa lý vì những lý do mà chỉ có hắn mới biết đã phát triển thành một loại phân tích tội phạm đặc biệt: Lập hồ sơ dựa theo địa lý vùng gây án (Geographic profiling). Vụ án kẻ giết người cung Hoàng Đạo không phải là vụ án đầu tiên, cũng không phải là vụ án cuối cùng để nhấn mạnh một sự thật rằng hung thủ thường hay hoạt động dựa trên bản đồ trong tâm trí của hắn. Đầu tiên, chúng ta hãy cùng xem xem việc lập hồ sơ những tên tội phạm dạng này bắt đầu như thế nào.

Lập hồ sơ và Địa lý

Khi lập hồ sơ tội phạm thì có rất nhiều thứ các nhà điều tra cần phải quan tâm, bao gồm thông tin cá nhân của nạn nhân, thời gian và địa điểm xảy ra vụ án, cách thức nạn nhân bị bắt, loại vũ khí mà hung thủ sử dụng,

và bất kỳ bằng chứng nào về việc hung thủ ra tay quá mức cần thiết (overkill - ví dụ như bắn mười mấy phát đạn, hoặc đâm mười mấy dao. Hung thủ hoàn toàn không cần nhiều đạn hoặc vết đâm như vậy để giết nạn nhân)

"Tôi dùng một công thức," John Douglas nói, "Như thế nào + Tại sao = Ai. Nếu chúng tôi có thể trả lời được phần như thế nào và tại sao trong một vụ án, thì chúng tôi đã có thể có được câu trả lời chung."

Những thứ mà các nhà điều tra cần phải tìm hiểu trước khi thật sự thẩm vấn tội phạm bao gồm:

- Loại vũ khí được sử dụng.

- Nơi xảy ra vụ án (và nơi bỏ xác nạn nhân nếu hai nơi khác nhau)

- Vị trí của xác và có khi nào vị trí ấy đã bị thay đổi

- Vết thương trên người nạn nhân

- Những thông tin chi tiết khác về nạn nhân.

- Những yếu tố nguy hiểm mà hung thủ có thể gặp phải.

- Cách thức hắn dùng để khống chế nạn nhân.

- Bằng chứng hung thủ theo dõi nạn nhân hoặc "chữ ký" của hắn.

Ý tưởng căn bản là thu thập thật nhiều thông tin có ẩn chứa những "xu hướng" của hung thủ để các nhà điều tra có thể đưa ra những mô tả chung về nghi can chưa biết mặt (unsub = unknown suspect) về trên những phương diện như các thói quen cá nhân của hắn, có nghề nghiệp hay không, tình trạng hôn nhân và những tính cách đặc điểm tâm lý. Hồ sơ về hung thủ có thể được lập từ một hiện trường gây án, và bởi vì khoảng 70-75% các vụ án giết người xảy ra tùy theo tình huống chứ không hề nhất định, thì việc phát triển ra phương thức lập hồ sơ tội phạm mà không cần phải dựa vào những xu hướng lặp đi lặp lại (có nghĩa là dựa vào nhiều nạn nhân để tìm ra xu hướng hành vi của hung thủ) mang lại lợi ích rất lớn.

Một hồ sơ tâm lý tội phạm tốt là phải cung cấp được những thông số về loại người nào hay phạm phải tội nào, dựa trên ý tưởng rằng con người thường có khuynh hướng làm nô lệ cho tâm lý của họ và sẽ khó tránh khỏi việc để lại những manh mối. Những manh mối đó thường bao gồm:

- Giới tính hung thủ

- Động cơ phạm tội

- Bất kỳ bằng chứng nào về việc hung thủ là người có tổ chức hay không có tổ chức (hành động trật tự rõ ràng, tính toán kỹ vs hành động mạo hiệm, không hề tính trước)

- Gây án trong một vùng nhất định hay là di chuyển

- Bằng chứng về việc hung thủ hành động bốc đồng hoặc không thể kiềm chế được bản thân.

- Loại "Dấu vết cá nhân" hay "chữ ký" mà hắn để lại hiện trường.

- Những loại ảo tưởng có thể có liên quan đến vụ án.

- Bằng chứng về nghi thức tôn giáo (như giết người để tôn vinh Satan...)

- Có "chiến lợi phẩm" nào bị lấy đi hay không (có một số vụ án hung thủ lấy đi một số đồ vật trên người nạn nhân như dây chuyền, nhẫn, để làm chiến lợi phẩm. Một số kẻ còn dùng chiến lợi phẩm ấy để nhớ lại và sống lại cảm giác thích thú, vui sướng khi hắn phạm tội.)

Hồ sơ dễ dàng được lập nếu hung thủ để lại những dấu hiệu về tâm lý bất thường như hành hạ nạn nhân, tổn thương nạn nhân sau khi nạn nhân đã chết, hay là một kẻ ái nhi (thích quan hệ với trẻ con). Một số tên giết người để để lại "chữ ký", biểu lộ hành vi của hung thủ có tính cách khác lạ, ví dụ như phô bày nạn nhân với những tư thế tủi nhục nhất, hay trói nạn nhân lại rồi thắt một cái nơ cầu kỳ. Những cái này giúp kết nối các hiện trường vụ án lại và cảnh báo cho những nhà điều tra về sự hiện diện của kẻ sát nhân hàng loạt hay cưỡng bức hàng loạt. Nếu phát hiện ra được xu hướng thì có thể đoán được những cuộc tấn công tiếp theo hay nơi dễ xảy ra những

cuộc tấn công nhất. Theo Douglas, "chữ ký", hay những hành vi thực hiện để thỏa mãn cảm xúc chinh là chìa khóa quan trọng, "Tôi phát hiện ra chữ ký là kim chỉ nam đáng tin cậy để tìm ra hành vi của hung thủ phạm tội hàng loạt hơn là động cơ phạm tội của bọn chúng. Đó là vì động cơ có thể thay đổi và phát triển lên bậc mới, nhưng lý do cảm tính khiến hung thủ để lại chữ ký thì không." Có nghĩa là theo ông, phương thức giết người chỉ mang tính thực hành để kết thúc, còn chữ ký thì thỏa mãn sự cần thiết nào đó, độc nhất với mỗi tên giết người.

Những nhà phác họa hồ sơ tội phạm giỏi nhất thường tăng thêm kiến thức của họ thông qua những cuộc chạm trán với các loại tội phạm và nhờ đó đã phát triển trực giác về một số loại tội ác. Trong khi một số người chỉ trích tính suy luận của việc lập hồ sơ, phần chung là dựa trên kinh nghiệm lâu năm và các thông tin cơ bản kết luận từ những bằng chất vật lý và cả bằng chứng phi vật lý. Nhìn chung, các nhà lập hồ sơ tội phạm thường dùng những thuyết tâm lý cung cấp cho họ cách thức phân tích sự bất thường trong tâm lý hoặc xu hướng suy nghĩ

của tội phạm. Họ còn dùng những dữ liệu thực tế như độ tuổi và tầm quan trọng của việc không có gia đình ổn định hoặc gia đình không hạnh phúc đối với của tội phạm.

Hồ sơ không chỉ là công cụ đánh giá tâm lý của nghi can chưa biết mặt, mà còn bao gồm cả những loại thông tin khác. Biết được tuổi, chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp, trình độ học vấn, loại công việc và những yếu tố xã hội khác cũng quan trọng như những bằng chứng về tâm lý bất thường. Thêm vào đó là những đặc điểm của những nơi mà kẻ giết người chọn để phi tang xác, ví dụ như Ted Bundy thích quăng xác tại những khu vực núi rừng rậm rạp ngoại thành Seattle. Đó là lúc mà một loại phân tích hoàn toàn khác được sử dụng.

Gần đây, sự phát triển trong khái niệm phác họa hồ sơ tội phạm nhấn mạnh vào xu hướng chọn vùng địa lý của nghi phạm: nơi chọn nạn nhân, nơi tội ác thực sự xảy ra, đường đi đến nơi bỏ xác, nơi và cách thức phi tang xác, và sự cô lập của nơi ấy. Tất cả những thông tin này cho chúng ta biết về sự di chuyển của tội phạm, phương thức vận chuyển, nơi hắn có thể sinh sống và

khả năng vượt qua chướng ngại như đi qua ranh giới tiểu bang khác hay đi qua cầu.

Sự quen thuộc là một phần của vùng an toàn và nhiều kẻ giết người thường bắt đầu tội ác ngay nơi mà chúng sinh sống và với nạn nhân, những kẻ mà chúng cảm thấy an toàn để chọn. Một số nhà lập hồ sơ cho rằng kẻ giết người thường có bản đồ tâm lý, dựa trên những thói quen và hoạt động có thể ảnh hưởng đến, nếu không muốn nói là điều khiển hành vi của hắn.

Một kẻ giết người ở miền trung Tây Mỹ được cho là đã giết ít nhất tám cô gái trẻ hóa ra sống rất gần nơi hắn bắt cóc những cô gái ấy. Hắn còn làm việc chung với một trong số họ. Trong trường hợp của hắn, có rất nhiều sự giống nhau về địa lý với những tội ác mà hắn phạm phải. Thân thể của sáu người trong số đó được tìm thấy ở vùng nông thôn, năm nơi mà hắn phi tang xác tạo thành một vòng tròn kín với bán kính khoảng vài dặm. Điều này chứng tỏ nghi can phải di chuyển hướng này tới lui, có xe, và biết rõ khu vực này. Có hai cô gái bị giết trong cùng một nơi và bị bỏ xác ở hai nơi khác nhau, nhưng rất rõ ràng rằng tên giết người này muốn

dùng nơi mà hắn quen thuộc.

Ứng dụng địa lý dạng này được sử dụng ngay cả trong các vụ án riêng lẻ trên phương diện nghiên cứu tội phạm vì mỗi nơi bỏ xác kể những câu chuyện khác nhau. Trong một vụ "Hoa Thược Dược Đen" nổi tiếng năm 1947 ở Los Angeles, một thi thể phụ nữ khỏa thân bị cắt thành hai và mất hết máu bị quăng ở một bãi đất trống trong khu dân cư, chỉ cách vài bước với vỉa hè, được quăng lúc sáng sớm sau khi sương đã rơi xong. Điều này chứng tỏ rằng hung thủ là kẻ liều lĩnh táo bạo hoặc bị loạn trí, hoảng hốt bởi vì hắn có thể dễ dàng bị phát hiện. Khi những thông tin và vật dụng cá nhân của cô ấy được tìm thấy thì việc xác định đường đi cũng hung thủ sẽ dễ dàng hơn và có thể đoán được nơi cô ấy bị giết. Một số người còn để ý rằng xác cô bị bỏ lại ở một nơi trong Los Angeles mà nhìn trên bản đồ thì giống cơ quan sinh dục của phụ nữ. Điều này có thể khẳng định rằng đây là một vụ giết người có kế hoạch và hung thủ là một kẻ bạo dâm ghét phụ nữ.

Nơi gây án quan trọng nhất trong loại phân tích này là nơi mà kẻ giết người thực hiện phần nào đó các hành

vi tổn hại nạn nhân sự liên kết giữa nơi và và nơi hắn phi tang xác. Khi mà tên sát nhân di chuyển, thì có rất nhiều thứ có thể học được từ các loại vùng địa lý mà hắn chọn để giết và cảnh sát có thể cảnh báo cho người dân.

Nhưng lập hồ sơ tội phạm dựa trên địa lý vùng gây án có gì khác với lập hồ sơ tâm lý tội phạm? Ở đây là một cái bắt đầu với hiện trường vụ án và đi "ngược lại". Phần tiếp theo, "Tiếp cận vụ án" sẽ giải thích rõ hơn về cách thức làm việc của loại phân tích

Thái Nhân Cách - Trừng Phạt Chẳng Có Nghĩa Gì

Ảnh quét MRI cho thấy rằng những người thái nhân cách bạo lực không hiểu sự trừng phạt là gì

Điều này có thể giải thích tại sao bỏ tù những người này không có tác dụng gì.

Những người thái nhân cách bạo lực không học được sự sợ hãi đối với sự trừng phạt theo cách mà những người thông thường học được, một nghiên cứu mới trên ảnh MRI cho thấy điều này.

Sau khi quét ảnh não bộ của 32 người thái nhân cách có tính bạo lực, các nhà nghiên cứu người Canada và Anh đã phát hiện rằng những người mắc chứng thái nhân cách có những dị biến ở những khu vực của não có liên quan đến việc học (nỗi sợ) từ việc bị trừng phạt.

Nghiên cứu này vô cùng quan trọng trong việc tìm ra phương thức tốt nhất để ngăn chặn người ta phạm tội. "Một trong số 5 người có hành vi tấn công bạo lực là người thái nhân cách," Sheilagh Hodgins, một trong những nhà nghiên cứu chính từ đại học Montreal nói trong phỏng vấn. "Họ có tỉ lệ tái phạm việc tấn công bạo lực cao hơn và không hưởng được lợi ích gì từ các chương trình giáo huấn. Nghiên cứu của chúng tôi vén màn bí mật tại sao lại như vậy."

Nghiên cứu cũng làm nổi bật những khác biêt trong não bộ giữa những người tấn công bạo lực thông thường và những người tấn công bạo lực mắc chứng thái nhân cách.

"Những người tấn công bạo lực có mắc chứng thái nhân cách khác biệt so với những người phạm tội thông thường ở nhiều khía cạnh. Những người phạm tội thông thường có những đặc tính như phản ứng cực độ đối với sự đe doạ, nóng tính và hung hăng, trong khi những người mắc chứng thái nhân cách có mức phản ứng rất thấp đối với sự đe doạ, lạnh lùng và sự hung hãn của họ là có suy tính và được lên kế hoạch," Nigel Blackwood,

đồng tác giả của nghiên cứu trên từ đại học King's College London cho biết trong cuộc phỏng vấn. "Bằng chứng dần được củng cố cho thấy rằng cả 2 loại tấn công bạo lực trên đều có sự phát triển não bộ bất thường, nhưng khác nhau rõ rệt, từ khi còn trẻ."

Trong suốt nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tiến hành chụp ảnh MRI chức năng đối với 32 người có hành vi tấn công bạo lực ở Anh, những người đã bị bắt giam vì những tội như cưỡng hiếp, gây thương tật nghiêm trọng cho người khác và giết người. Trong số đó, 12 người được xếp vào dạng thái nhân cách, và 20 người còn lại là tội phạm thông thường. Nhóm cũng đã so sánh ảnh quét não bộ của những người phạm tội (cả 2 loại) với những người bình thường không phạm tội.

Bên trong máy MRI, các nhà nghiên cứu đã yêu cầu những người tham gia chơi trò tìm ảnh cặp - đôi khi họ được thưởng điểm cho việc tìm đúng cặp, nhưng đôi khi trò chơi sẽ thay đổi và họ sẽ bị phạt nếu tìm đúng bằng cách trừ điểm.

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu thấy rằng những

người phạm tội, bất kể là có chứng thái nhân cách hay không, đều kém hơn trong việc học hỏi từ các dấu hiệu của sự trừng phạt, và đưa ra quyết định tồi tệ hơn nhiều, mặc dù tốn nhiều thời gian suy xét các lựa chọn của mình hơn những người không phạm tội.

Nhưng khi các nhà nghiên cứu theo dõi những gì diễn ra trong não của những người phạm tội trong suốt quá trình, họ thấy rằng có điều gì đó đặc biệt kỳ lạ trong não của những người thái nhân cách.

Khi trò chơi ngừng thưởng điểm cho việc tìm đúng cặp hình và bắt đầu phạt điểm cho việc đó, cơ chế não bộ có liên quan đến việc học tập từ sự trừng phạt ở những người thái nhân cách có những bất thường "trong cả chất xám lẫn những dây thần kinh (chất trắng) đặc trưng," Hodgins cho biết. Chất xám có liên hệ với việc xử lý thông tin và sự nhận thức, trong khi chất trắng điều khiển dòng thông tin giữa các vùng khác nhau của não.

Mặt khác, những người phạm tội không phải thái nhân cách cho thấy những hoạt động tương tự như

người không phạm tội ở những vùng nói trên. Những kết quả này đã được công bố trên Lancet Psychiatry.

"Những kết quả này gợi ý rằng những người phạm tội có mắc thêm chứng thái nhân cách được tiêu biểu bởi một tổ chức mạng liên kết các tế bào thần kinh riêng biệt và đặc trưng vốn được sử dụng cho việc học tập từ các hình thức thưởng và phạt," Blackwood nói trong bài báo được công bố.

Biết được thông tin này có thể giúp các nhà nghiên cứu tìm ra cách để vừa nhận diện được những người thái nhân cách bạo lực tiềm tàng khi còn trẻ, vừa giúp phát triển các chiến lược can thiệp.

Blackwood nói: "Kết quả của nghiên cứu của chúng tôi cung cấp cho chúng ta những hiểu biết sâu hơn về các cơ chế não bộ đặc trưng cho người phạm tội trưởng thành, và những cơ chế này có thể được dùng, song song với những phát hiện khác, trong việc thiết kế các chương trình để ngăn giảm sự tái phạm tội. Những kết quả của chúng tôi cũng cung cấp những giả thiết về sự phát triển bất thường của những người có hành vi bạo

lực cần được kiểm nghiệm trong những nghiên cứu đối với trẻ nhỏ."

Hodgins cho biết thêm: "Vì hầu hết các tội phạm được thực hiện bởi những người (nam giới) có biểu hiện những vấn đề về hành vi ứng xử khi còn trẻ, các biện pháp can thiệp dựa trên cơ sở cơ chế học hỏi, nhắm vào những cơ chế não bộ quan trọng đối với kiểu mẫu hành vi này, và nhờ đó mà thay đổi hành vi của người phạm tội, sẽ giúp giảm được các hành vi tội phạm một cách đáng kể."

Và không nhằm mục đích làm cho bạn khiếp sợ hay gì cả, nhưng một nghiên cứu gần đây cũng cho thấy những người đàn ông chụp nhiều ảnh selfie có khả năng biểu hiện các đặc điểm của thái nhân cách hơn so với bình thường. Coi như là bạn đã được cảnh báo rồi đó!

Tâm Lý Kẻ Sát Nhân Hàng Loạt - "Mục Tiêu Danh Vọng"

Trong suốt những năm 1980 và 1990, việc các phương tiện truyền thông được chú ý đặc biệt đã khiến một số người có thêm động cơ mới lạ, khác thường để thực hiện lặp đi lặp lại việc giết người mong được biết đến với tư cách là kẻ sát nhân hàng loạt. Jason Massey đã giữ lại các tạp chí chuyên đề để giúp hắn tìm ra cách trở thành kẻ sát nhân hàng loạt xấu xa nhất thế giới, và ở tuổi 19, hắn ta đã bắt đầu "sự nghiệp" của mình bằng việc tiến hành một vụ giết người kép ở Texas. Nhanh chóng bị bắt sau đó, hắn bị kết tội và bị kết án tử hình nên hắn đã không thể tạo dựng được cái tiếng tăm mà hắn hằng khao khát hay thậm chí chỉ là thân phận của một kẻ sát nhân hàng loạt. Nhưng một người đàn ông khác cùng chung động cơ với hắn đã đạt được thành công.

Ở Anh, Corin Ireland đã tuyên bố rằng hắn ta muốn được biết đến như là một tên giết người hàng loạt. Từ lúc thành niên cho tới thanh niên, Ireland đã thực hiện một chuỗi các tội ác nhỏ nhặt. Khi hắn cảm thấy mình đủ liều lĩnh cho những việc táo bạo hơn, hắn chuẩn bị một bộ dụng cụ giết người gồm còng tay, thêm quần áo, dây thừng, găng tay và một ít túi nhựa. Sau đó, vào khoảng giữa tháng 3 và tháng 6 năm 1993, hắn trà trộn vào vài câu lạc bộ đồng tính nam ở Lodon để lựa chọn những người đàn ông sẵn sàng cho phép bản thân bị ràng buộc vào sự phóng túng tình dục lập dị, và do đó họ dễ dàng bị làm hại. Hắn ta xem họ là những nạn nhân "dễ dãi".

Người đầu tiên mà Ireland tiếp cận là giám đốc nhà hát West End, Peter Walker, 45 tuổi. Ireland đã trói và tra tấn Walker trong căn hộ của chính Walker ở phía Nam London, và sau đó làm ngạt thở nạn nhân với một chiếc túi nhựa. Sau khi đã hành động xong, hắn dành thời gian đặt bao cao su vào miệng và lỗ mũi của nạn nhân rồi đặt hai chú gấu teddy ở một vị trí khiêu dâm trước thi thể. Rõ ràng, hắn ta rất thích thú với những gì

mình đã làm. Hắn không thể chờ đợi tới lúc các tin tức được đăng tải, nhưng trước sự ngạc nhiên của hắn, không hề có bất cứ mẩu tin nào viết về tên giết người . Quyết tâm bắt đầu công cuộc gây sự chú ý cho hành động tàn ác của mình, Ireland gọi điện nặc danh cho tờ báo The Sun, để "tiết lộ" thông tin. Hắn tuyên bố rằng vụ giết người là kết quả của sự chuyển giao sang năm mới.

Hai tháng sau, hắn lại khiến Christopher Dunn chết ngạt bằng cách nhét vải xuống cổ họng nạn nhân. Cũng giống như Walker, Dunn bị bỏ lại trong tư thế kích thích tình dục, tay bị còng và mặc trên người chiếc áo khoác da màu đen cùng với bằng chứng về việc đã bị thiêu rụi khu vực lông mu. Tuy nhiên, khi tội ác này được phát hiện, cảnh sát đã không thể liên kết nó với vụ giết người đầu tiên của Ireland, việc này khiến hắn vô cùng thất vọng. Không thể hi vọng sẽ nổi tiếng, Ireland nhận thấy mình nên thực hiện một cuộc gọi nặc danh khác. Cảnh sát bắt tay vào điều tra, nhưng Ireland không để lại bất kỳ dấu vân tay nào và không hề có dấu vết nào có thể dùng để tìm ra những vật dụng hắn đã sử dụng với các nạn nhân. Hắn ta còn tiếp tục siết cổ nạn nhân thứ 3 tên

là Perry Bradley III ở Kensington vào tháng 6. Sau đó, hắn lại nặc danh nói với cảnh sát rằng hắn đã để lại hai đầu mối quan trọng tại hiện trường.

Lúng túng bởi các tin nhắn khó hiểu, đội điều tra đã liên lạc với Robert Ressler, người lưu trữ từ Đơn vị nghiên cứu về hành vi (Behavioral Science Unit) của FBI, và ông đã đồng ý tiến hành kiểm tra hiện trường 3 vụ án. Ông chú ý thấy rằng các nạn nhân đều hay lui tới một quán bar ở phía đông London, quán Coleherne Pub, nơi mà trong suốt những năm 80 kẻ đồng tính giết người hàng loạt Michael Lupo đã lựa chọn một vài nạn nhân của mình. Ressler cũng đã suy đoán rằng có lẽ tên sát nhân này thật sự thích thú với việc nhận được sự chú ý của truyền thông hơn là giết người. Các tội ác gần như y hệt nhau và theo sau đều là các cuộc điện thoại. Dường như rõ ràng rằng tên sát nhân muốn được nhận dạng và được trao sự công nhận cho các vụ án mạng này.

Sau đó, nạn nhân thứ tư tiếp tục được tìm thấy. Andrew Collier, 33 tuổi, được phát hiện trong căn hộ của chính mình cùng con mèo bị gẫy cổ đặt ngay bên cạnh, miệng của con mèo đặt lên cơ quan sinh dục của chủ

mình. Trong thời gian này, một dấu vân tay từ một nguồn không rõ đã được bảo quản. Tên sát nhân đã thực hiện một vài cuộc gọi cho cảnh sát, thông báo rằng hắn đã mất kiểm soát. Hắn cảnh báo cảnh sát rằng hắn sẽ giết mỗi tuần một người nếu họ không thể ngăn hắn lại được, và còn bày tỏ nỗi thất vọng trước sự bất lực của cảnh sát trong việc liên kết bốn vụ án với nhau. Có vẻ rõ ràng cuối cùng hắn cũng phạm sai lầm.

Vào ngày 15 tháng 6, Ireland siết cổ nạn nhân thứ 5, Emanuel Spiteri, 41 tuổi, ở đông nam London. Dường như không một ai chú ý, nên Ireland lại gọi cho cảnh sát để dẫn họ đến hiện trường vụ án. Trong một tin nhắn điện thoại khác, hắn thừa nhận mình đã đọc rất nhiều sách về những tên sát nhân hàng loạt và hắn biết rằng bây giờ hắn đã được coi là một đối tượng như thế (thật sai lầm khi tin rằng cần phải có ít nhất 4 nạn nhân), nên hắn sẽ dừng lại. "Tôi sẽ không bao giờ tiếp tục giết người nữa". Có vẻ hắn gần như không chỉ tạo ra được một tội ác hoàn hảo mà còn là 5 tội ác như thế.

Các thám tử từ Scotland Yard đã kiểm tra các camera giám sát ghi lại hoạt động trên các lối đi của hành lang

tại ga Charing Cross. Họ phát hiện ra hình ảnh của nạn nhân thứ năm qua những đoạn băng hình bị mờ, trong công ty của một người đàn ông. Hình ảnh của người đó được công khai và những người đàn ông khác đã tới để nhận diện anh ta. Sau khi điều đó xảy ra, vào ngày 19 tháng 7 hắn đã tới tìm gặp luật sư của mình và nói rằng hắn là người đàn ông trong đoạn băng nhưng hắn không phải là kẻ giết Spiteri. Tuy nhiên, cảnh sát đã có dấu vân tay của hắn từ vụ giết Collier, vậy nên khi họ tra khảo hắn ta về chứng cứ này thì Ireland cuối cùng cũng thú nhận một cách chi tiết 5 vụ giết người. Hắn ta bị kết án và nhận mức xử phạt là 5 án tù chung thân. Ireland đã chứng tỏ rằng mình trở thành người cô độc trong những năm của tuổi 30, 2 lần kết hôn và 2 lần li dị, thất nghiệp, và một lịch sử của sự bất ổn định về tinh thần và bạo lực.

Hắn đã đặt rất nhiều tâm huyết vào mục tiêu của mình và vào việc sát hại các nạn nhân vì vậy Ressler đã bị thuyết phục rằng áp lực từ những tưởng tượng được xây dựng trong suốt một thời gian dài đã thúc đẩy hắn tạo nên các tội ác. Tuy nhiên, Ireland đổ lỗi cho sự

ngược đãi hắn nhận được lúc còn nhỏ vì là "một cậu nhóc cao gầy" .Hắn ngày càng bộc lộ rõ sự ám ảnh hoang tưởng và bị thay đổi tâm trạng một cách đầy kịch tính. Khi hắn quyết định trở thành một tay giết người hàng loạt vào năm 1993, hắn cho biết chỉ là vì hắn không thích con người nói chung và đã bị mất kiểm soát. Nhưng với những nỗ lực mà hắn đã tạo ra được đề cập trong các báo cáo, hắn rõ ràng mong muốn được "nổi tiếng" bởi các tội ác của mình. Đôi khi những người hành động, vì bất cứ động cơ nào được đề cập từ trước cho đến nay, biết chính xác những gì họ đang làm, nhưng trong một vài trường hợp, họ bị tâm thần và ảo tưởng. Bất kỳ bản báo cáo nào của tên sát nhân hàng loạt đều cẩu thả để mô tả tất cả bọn họ - những kẻ săn mồi - đều sáng suốt. Một số trường hợp đặt ra sự phân loại kỳ quặc để giải thích cho lý do vì sao họ phải giết người.

Nguồn: Trích chương 5 sách Inside the Minds of Serial Killers - tác giả Katherine Ramsland

Lý Do Những Đứa Trẻ Lại Giết Cha Mẹ Chúng? (Phần 1)

Người cha bị bắn hạ .... người mẹ bị đánh bằng dùi cui cho đến chết ..... Một gia đình bốn người gồm cha mẹ và hai đứa con bị thảm sát .... dưới tay chính đứa con trai ..... cùng con gái của mình .....

Khi chúng ta ngày càng có cái nhìn gần hơn với các sự kiện kinh hoàng hàng ngày trong xã hội thông qua các chương trình thời sự thì không điều gì rùng rợn cho bằng tin con giết cha mẹ ruột hoặc cha mẹ kế. Mặc dù chúng ta cho những sự kiện như vậy là hiếm, nhưng đó lại là những gì diễn ra hàng ngày trên đất Mỹ. Khoảng giữa năm 1977 và 1986, mỗi năm có hơn 300 người làm cha mẹ bị giết bởi chính những đứa con của họ.

Đừng cho rằng bọn trẻ thuộc bất kỳ một khuôn mẫu kinh điển nào - kiểu như những đứa mà chúng ta tin rằng

sẽ không bao giờ dám giết người. Đây cũng không phải một ví dụ về những thanh thiếu niên tụ tập trong thành phố lên cơn và làm mọi thứ để có tiền mua ma túy: Một phân tích chuyên sâu trong Biên bản bổ sung Tội giết người của FBI giai đoạn này cho thấy đa số các trường hợp, đứa trẻ can tội giết người là 1 bé trai da trắng.

Vậy những đứa trẻ nào lại có thể ra tay tàn ác như vậy với cha mẹ chúng? Tình huống nào dẫn đến một kết cục đầy bạo lực đến vậy? Nếu nhìn xa hơn thực trạng các xu hướng đáng báo động nhất của xã hội thì có thể thấy một trào lưu ngầm đáng lo ngại, đó là: Chúng là những đứa trẻ bị ngược đãi hoặc bị bỏ rơi, không có nhiều lựa chọn, những đứa thật sự nghĩ mình không còn lối thoát.

Thời thiếu niên khốn khổ

Những kẻ sát nhân hầu như lúc nào cũng ở độ tuổi thanh thiếu niên [trong những vụ thảm sát như trên]. Tại sao lại là thanh thiếu niên? Những đứa trẻ trước tuổi vị thành niên - dưới 11 tuổi - thường không hiểu được khái niệm của cái chết và gặp trở ngại trong việc chấp nhận

rằng những hành động của chúng lại dẫn đến kết quả không thể thay đổi. Trong khi đó, trẻ vị thành niên lại dễ trở thành sát nhân bởi vì những hỗn loạn thông thường ở tuổi vị thành niên dâng cao và chống lại những sự gò bó mà chúng cảm thấy đã bị người khác áp đặt lên chúng trong một hoàn cảnh không có nhiều lựa chọn.

Không như người trưởng thành giết cha mẹ, những thanh thiếu niên phạm tội giết cha mẹ khi cảm thấy không thể sống nổi trong căn nhà của mình nhưng lại không có cách giải quyết. Không giống người trưởng thành, trẻ em đơn giản không thể bỏ nhà đi. Luật pháp xem việc trẻ em bỏ nhà đi là phạm pháp. Thông thường, trẻ vị thành niên phạm tội giết cha mẹ từng nghĩ đến việc trốn khỏi nhà, nhưng nhiều đứa lại không biết phải nương thân chốn nào. Trong khi đó, những đứa trốn đi lại thường bị bắt về hoặc tự mình quay về: Sống vất vưởng ngoài đường không phải là một giải pháp thực tế cho trẻ vị thành niên khi mà trong túi thì không có tiền, trình độ văn hoá chưa đủ và không có nhiều kỹ năng để mưu sinh.

Thậm chí trong hoàn cảnh tốt nhất thì thời thanh

thiếu niên vẫn là thời kỳ đầy sóng gió. Những đứa trẻ muốn vượt qua giai đoạn rất cần sự ủng hộ từ cha mẹ mình, những người cho chúng một mái ấm để lớn lên và giúp chúng đương đầu với những khó khăn. Những đứa phạm tội giết cha mẹ đều có những ông bố bà mẹ không sẵn lòng giúp đỡ chúng. Trên thực tế, chúng lại phải gánh vác trách nhiệm như một người trưởng thành trong gia đình mình. Quả thực, ngoài mặt trông chúng cực kỳ mẫu mực khi phải tự chăm sóc bản thân, lo cho cha mẹ cũng như quán xuyến công việc nhà.

Ai lại giết cha mẹ mình?

Có 3 loại trẻ dễ phạm tội giết cha mẹ. Thứ nhất là những đứa bị ngược đãi nặng nề, bị dồn đến đường cùng. Loại thứ hai là những đứa bị bệnh về thần kinh thuộc loại nặng. Và loại thứ ba là những đứa ưa thích các tin tức giật gân - những đứa trẻ thuộc dạng phản xã hội thuộc mức nguy hiểm.

Trẻ bị ngược đãi nghiêm trọng là loại tội phạm thường gặp nhất. Theo Paul Mones - một luật sư tại Los Angeles chuyên biện hộ cho thanh thiếu niên phạm tội

giết cha mẹ, hơn 90% trẻ bị cha mẹ ngược đãi. Chân dung tỉ mỉ của những thanh thiếu niên này thường cho thấy chúng giết người vì không thể chịu đựng được hoàn cảnh trong nhà mình. Những đứa trẻ này bị hành hạ về mặt tâm lý bởi hoặc cha hoặc mẹ hoặc cả hai, chúng thường chịu đựng ngược đãi thể xác, tình dục và tổn thương bằng lời nói, cũng như chứng kiến cảnh những người trong gia đình mình bị ngược đãi. Thông thường, chúng không có tiền sử bệnh tâm thần nặng hay có hành vi phạm tội nghiêm trọng. Chúng không rành về phạm tội. Đối với chúng, việc tàn sát tượng trưng cho hành động của sự tuyệt vọng - cách duy nhất để thoát khỏi tình cảnh gia đình mà chúng không thể chịu đựng thêm nữa.

Rất hiếm trường hợp một đứa trẻ bị bệnh tâm thần nặng lại giết người. Những đứa trẻ này đều không có sự liên hệ với thực tại. Những trường hợp này thường có đầy đủ tài liệu về ghi chép các đợt điều trị trước đây bị thất bại. Nhiều trường hợp chưa từng được xét xử vì phạm nhân không đủ khả năng để tham dự phiên tòa.

Có một số ít trường hợp, những đứa trẻ dường như

giết người mà không hề ăn năn hối hận, mặc dù cha mẹ chúng lại tử tế và ân cần. Trẻ phản xã hội thuộc dạng nguy hiểm này thường rất thích đọc các tiêu đề báo. Những tội phạm chưa thành niên này có đặc trưng là mắc chứng rối loạn hành vi - các hành vi bất bình thường một cách nghiêm trọng diễn ra liên tục hơn 6 tháng. Những đứa trẻ này ra tay sát hại cha mẹ mình chỉ đơn thuần vì một mục đích vật chất hết sức ích kỷ - ví dụ như, không bao giờ cần phải hỏi trước khi mượn xe của bố mẹ nữa.

Chân dung của nỗi đau

Tôi đã tiến hành phỏng vấn đánh giá khoảng 75 thanh thiếu niên bị buộc tội mưu sát hoặc mưu sát bất thành. Bảy vụ dính đến trường hợp con cái giết cha mẹ, trong đó 6 đứa là con trai, toàn bộ đều da trắng. Những trẻ này nằm trong độ tuổi từ 12 đến 17. Trong đó có 2 trường hợp giết cả cha lẫn mẹ. Tổng cộng, chúng giết 6 người cha, 3 người mẹ và 1 em trai. Trong tất cả trường hợp, hung khí đều là một khẩu súng có sẵn trong nhà. Sáu trong số bảy trường hợp là những đứa trẻ bị ngược đãi nặng, trường hợp thứ 7 được chẩn đoán bị rối loạn

nhân cách hoang tưởng. Mặc dù 7 là một con số chưa đủ lớn để có thể rút ra kết luận, nhưng nó có giá trị để phân tích đặc điểm của một đứa trẻ phạm tội giết cha mẹ. Kết quả như sau:

KHÔNG HUNG BẠO: Phân tích cho thấy 6 đứa trẻ vị thành niên có tiểu sử bị ngược đãi nặng đã sống một cách tương đối thụ động cho đến khi phạm tội giết người. Năm đứa nghĩ rằng bản thân mình mạnh mẽ và có thể kiểm soát mọi việc. Bạn bè chúng đều là những đứa trẻ dễ thương, còn chúng thì chưa từng dính líu hành vi phạm tội trước khi nổ súng giết người.

BỊ NGƯỢC ĐÃI: Trong 6 trường hợp này đều xảy ra tình trạng trẻ bị ngược đãi rõ rệt, cụ thể là ngược đãi về mặt tâm lý và gây tổn thương bằng lời nói; trong đó có 5 trường hợp bị hành hạ tâm lý nặng nề. Bé gái duy nhất, ngoài việc bị ngược đãi thân thể, lời nói và tâm lý bởi người cha, còn bị ngược đãi tình dục và bị chính cha mình cưỡng hiếp. Cả 6 trường hợp đều không được cha mẹ chăm lo về thể chất và tình cảm. Trong đó có 2 trường hợp gần như không nhận được sự chăm sóc nào do cha mẹ chúng là những kẻ nát rượu. Không ai trong

số 6 trường hợp được cha mẹ bảo vệ khỏi những tổn hại. Có ít nhất 1 trường hợp không được chăm lo sức khỏe. Trái với những gì mọi người nghĩ, độ tuổi thanh thiếu niên nếm đủ mùi vị bị hành hạ và bị bỏ mặc ở mức độ cao hơn so với trẻ em, theo Nghiên cứu kỳ 2 về Hành hạ và bỏ mặc trẻ em của NIS (NIS-2).

CÓ CHA MẸ LẠM DỤNG CHẤT GÂY NGHIỆN: Trong cả 6 trường hợp đều có tình trạng nghiện rượu nặng diễn ra trong gia đình. Bằng chứng đó là cả 5 người cha bị giết đều là kẻ nát rượu. Ba trường hợp sử dụng ma túy, một trường hợp hút cần sa và trường hợp còn lại dùng thuốc ngủ. Một trong số những người mẹ bị giết cũng là người nghiện rượu. Phần lớn những người cha người mẹ còn sống đều nghiện thuốc. Chỉ duy nhất 1 trường hợp được biết đến là không lạm dụng thuốc mặc dù chồng bà ấy là kẻ nghiện rượu. Hai trong số những người mẹ còn sống bị nghiện Valium thời gian dài như một cách để chịu đựng người chồng vũ phu của mình.

BỊ CÔ LẬP: Những gia đình này có khuynh hướng bị cô lập do những vấn đề xảy ra trong nhà. Sáu trẻ vị thành niên trên có ít cơ hội giải tỏa hơn những đứa trẻ

khác do chúng phải gánh trách nhiệm của những người làm cha mẹ như nấu nướng, dọn dẹp, chăm sóc em. Thậm chí còn có một trẻ chưa đủ tuổi lái xe cũng phải chở em mình đi học mỗi ngày. Những đứa trẻ này bị cô lập không đơn thuần chỉ vì gánh nặng việc nhà, mà còn do cảm giác tủi hổ. Chúng ý thức được rằng gia đình mình không phải nhà Brady Bunch [tên 1 bộ phim truyền hình của Mỹ về một gia đình hỗn hợp nhưng chung sống với nhau rất vui vẻ và hòa thuận - ND] và cha mẹ chúng cũng không mấy hoà nhã với những đứa bạn mà chúng dẫn về.

Suốt nhiều năm, chúng cố gắng tìm kiếm sự giúp đỡ từ thầy cô, người thân hay thậm chí là những người lớn tuổi hơn trong gia đình không có hành vi ngược đãi chúng, nhưng hoặc là chúng bị phớt lờ hoặc là những nỗ lực của chúng trở nên vô ích. Dần dần, chúng tập trung vào mục tiêu thoát khỏi căn nhà bằng cách trốn đi hoặc tự sát. Theo thời gian, chúng cảm thấy quẫn bách khi sống trong một môi trường cứ liên tục dập tắt bất kỳ một sự ủng hộ nào. Cuối cùng, căng thẳng đến tột độ, chúng mất khả năng đương đầu dẫn đến mất kiểm soát

hoặc lên kế hoạch giết người nhằm đối phó với những mối đe dọa công khai hoặc tiềm ẩn.

CHỈ GIẾT NGƯỜI KHI CẢM THẤY KHÔNG ĐƯỢC AI GIÚP ĐỠ: Ngay trước thời điểm ra tay giết người, cuộc sống đối với chúng ngày càng trở nên khó có thể chịu đựng. Trong 4 trường hợp giết cha, người mẹ đều không sống ở nhà tại thời điểm xảy ra án mạng. Trường hợp thứ nhất: mẹ kế hành động giống hệt những gì mẹ ruột thằng bé làm vài năm trước: đó là bỏ nhà đi - chỉ một tháng trước khi thằng bé trở thành sát nhân giết cha. Trường hợp thứ 2: bà mẹ thường xuyên bị bệnh và đã nhập viện vài tuần trước vụ thảm sát. Trong 2 trường hợp còn lại: người mẹ ly dị chồng vì bị hành hạ thể xác và tâm lý, sau đó đứa con sống với cha cách đó hàng ngàn dặm. Trường hợp khác thì đứa con trai đã giết cha mình sau 1 năm sống đơn độc không có mẹ, đứa con gái trong trường hợp còn lại ra tay chỉ 16 tháng sau khi mẹ mình bỏ đi.

"PHONG TỎA" VỤ ÁM SÁT, KHÔNG HỀ THÍCH THÚ: Năm trong sáu trường hợp hẳn nhiên cho thấy rằng những đứa trẻ đều trong tình trạng "cô lập nhận

thức" tại thời điểm gây án; có một sự thay đổi trong tiềm thức khiến những ký ức về vụ giết người không kết nối vào nhận thức của chúng [hãy tưởng tượng, nếu như nhận thức và ký ức của chúng ta như một cuốn phim nhựa, mỗi sự kiện nằm trong một khung hình, thì khung hình sự kiện "giết cha mẹ" đối với những đứa trẻ này bị cắt ra khỏi cuộn phim, tức cuộn phim không còn liên tục. Tuy nhiên khung hình đó không hẳn sẽ bị xoá, chỉ là nó không còn kết nối với khung hình của một sự kiện trước đó hay sau đó - ND] . Những đứa trẻ này không phủ nhận mình đã gây án hoặc chúng sẵn sàng chịu trách nhiệm, tuy nhiên trí nhớ chúng lại tồn tại một khoảng trống gọi là "điểm đen" cùng với cảm giác mọi thứ không thật hay như đang mơ ngay trong lúc ra tay giết người hay ngay sau đó. Có trường hợp, đứa trẻ còn không nhớ về vụ án mạng. Trường hợp khác, hung thủ chỉ quên mỗi khoảnh khắc bóp cò súng. Thằng bé hồi tưởng lại chuỗi sự kiện như sau: nỗi sợ hãi khi bị người cha đe dọa, hành hạ, nhớ lại những lần ông ta đánh đập mẹ nó, sau đó là cảnh tượng nó đứng bên thi thể đẫm máu của ông ấy. Thằng bé không nhớ chút gì về phát súng giết chết cha mình mặc dù nó biết rằng hẳn mình là

người đã làm việc đó. [như đã nói, khung hình "giết cha mẹ" bị cắt ra khỏi cuộn phim, và như vậy, có khả năng rất cao là cuộn phim được nối, tức khung hình trước khi xảy ra án mạng nối vào khung hình sau án mạng, như trong trường hợp của cậu bé vừa mô tả trên đây - ND]

KHÔNG CÓ LỰA CHỌN KHÁC: Những đứa trẻ xuống tay giết cha mẹ nhằm đáp lại cảm giác của sự bất lực và bế tắc. Trong 2 trường hợp bị ngược đãi nghiêm trọng, cả hai đứa trẻ đều phản ứng lại mối đe dọa khi nhận thấy rằng mình sắp chết hoặc bị thương nặng. Trong 3 trường hợp còn lại, những đứa trẻ cảm thấy nỗi kinh hoàng và khiếp sợ dù là không có cái chết hoặc khả năng bị thương nào sắp xảy ra. Điều đáng nói trong các trường hợp này là các nạn nhân đều chết ở tư thế không phòng bị: 2 người bị bắn khi đang nằm ngủ, còn người thứ 3 bị giết khi đang xem TV lưng quay về phía con trai.

ÂN HẬN VỀ NHỮNG GÌ ĐÃ LÀM: Trong khi những tội phạm vị thành niên khác thích khoe chiến tích của mình thì những đứa trẻ này lại cảm thấy khó chịu về hành động giết người của mình. Chúng biết hành động

của mình là sai, nhưng cuộc đấu tranh tư tưởng của chúng nghiêng về phần tác dụng - chúng ghê tởm cái hành động mà chúng cảm thấy bị thôi thúc phải làm, tuy nhiên chúng cũng thấy được giải phóng khi kẻ bị giết không còn có thể tổn thương đến chúng hay những người thân với chúng nữa. Dường như chúng đấu tranh tư tưởng do ý thức biến mình thành người bị hại. Chúng không xem bản thân mình là sát nhân hay tội phạm.

Bích Ngọc dịch

Lý Do Những Đứa Trẻ Lại Giết Cha Mẹ Chúng? (Phần 2)

Chấm dứt cơn "điên loạn"

Sát nhân thực thụ trong những vụ án con giết cha mẹ này chính là hành động ngược đãi trẻ em. Thiệt hại nặng nề mà nó gây ra không chỉ là chết người mà chính là chết trong tâm hồn người bị liên tục ngược đãi.

Trên thực tế, rất ít trẻ bị ngược đãi nặng có hành động giết cha mẹ chúng. Nhưng tất cả chúng đều có nguy cơ trở thành phạm tội hoặc phụ thuộc xã hội cao hơn những đứa được cha mẹ hoặc người giám hộ chăm sóc. Thông thường, những ảnh hưởng tiêu cực do ngược đãi trẻ em gây ra không biểu hiện ra bên ngoài cho đến thế hệ sau. Phần lớn những người trưởng thành phạm tội giết người, bản thân họ đều là nạn nhân của hành vi ngược đãi khi còn nhỏ.

Sự thực không thể chối cãi và những ảnh hưởng của ngược đãi trẻ em ngày càng được coi là bổn phận của mọi người trong giáo dục. Tuy nhiên, xã hội lại làm những đứa trẻ này thất vọng. Xã hội đã thất bại trong việc thực hiện đủ trách nhiệm với chúng, thất bại trong việc bảo vệ chúng và thất bại trong việc khuyến khích nuôi nấng con cái tốt.

Những gì xã hội cần lúc này

Kỹ năng làm cha mẹ và nguồn động viên từ cha mẹ chính là những vấn đề cực kỳ cần được quan tâm. Cần mở các lớp học để giúp bậc làm cha mẹ giải quyết những căng thẳng trong việc nuôi dạy con cái, cụ thể là những người có nhu cầu đặc biệt. Nghiên cứu cho thấy việc nâng cao kiến thức của người làm cha mẹ về chăm sóc nhà cửa con cái, cũng như nâng cao sự phát triển kỹ năng giao tiếp tốt, quan hệ tình cảm lành mạnh và mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái giúp ngăn chặn tình trạng ngược đãi trẻ em.

Ngoài việc giáo dục người lớn và thiếu niên về sự phát triển của trẻ em và các kỹ năng làm cha mẹ, trường

học các cấp trong nước nên mở các khóa học nhằm giúp trẻ em nhận thức được sự lạm dụng và bỏ mặc. Một cách lý tưởng, các khóa học này sẽ khuyến khích trẻ em phản kháng nếu bị hại hoặc đe dọa cũng như dạy chúng cách hành động; cũng sẽ có những người bênh vực trẻ em trong trường học để giúp đỡ chúng. Chương trình này nhằm khuyến khích phát triển lòng tự trọng và kỹ năng giải quyết mâu thuẫn để giúp đỡ trẻ vị thành niên trong việc tự bảo vệ bản thân.

Gần 40% trường học ở Hoa Kỳ không giáo dục phương pháp phòng ngừa. Các chương trình chỉ hạn chế giúp trẻ bảo vệ mình tránh khỏi việc bị lạm dụng không thôi là chưa đủ; trẻ em và thanh thiếu niên phải tìm hiểu tất cả các dạng lạm dụng. Tổ chức các hoạt động này càng sớm thì chúng ta càng sớm chặn đứng các hành vi lạm dụng cũng như sớm giải quyết các hệ lụy kéo theo.

Không phải lúc nào các nạn nhân cũng có thể nhận thức mình đang bị ngược đãi hoặc bỏ mặc. Khi tôi phân tích 2 vấn đề này trong một giảng đường đại học, chỉ lúc đó các sinh viên mới ý thức được rằng họ đã từng bị ngược đãi hoặc bỏ mặc khi còn nhỏ. Một vài bà mẹ của

những đứa trẻ phạm tội giết cha đã để con mình bị ngược đãi vì họ chưa từng nhận ra sự thật rằng chính họ cũng là nạn nhân.

Và đa số lạm dụng tình dục đều là vụng trộm. Một đứa trẻ có cha hoặc mẹ xảy ra quan hệ tình dục với chúng đều biết điều đó là sai nhưng chúng cho rằng cũng không sao vì người làm điều đó cũng là Cha hoặc Mẹ chúng. Chúng thoát khỏi tâm trạng hỗn loạn bằng cách cho rằng "Chính mình là người không ổn".

Nhất là, chúng ta phải lắng nghe con cái mình. Trong một cuộc phỏng vấn thực hiện 4 năm rưỡi sau khi nhận tội mưu sát, Scott Anders (xem dưới đây) bộc lộ sự chua xót khi nhớ lại mình đã tâm sự về những lần bị ngược đãi với biết bao thầy cô, hàng xóm và bà con - nhưng không một ai giúp thằng bé. "Chỉ vì một đứa bé còn nhỏ, nhưng đừng cho là nó ngốc. Ít nhất hãy lắng nghe nó. Sau đó, hãy tìm hiểu vấn đề."

Mặc dù xã hội ngày càng quan tâm đến vấn đề ngược đãi trẻ em nhưng nhiều người vẫn không biết phải làm gì khi gặp trường hợp này. Nếu bạn nghi ngờ một đứa trẻ

đang bị ngược đãi hoặc bỏ mặc, ít nhất bạn cũng nên gọi điện cho cơ quan địa phương hoặc quốc gia có thẩm quyền điều tra các trường hợp ngược đãi và bỏ mặc trẻ em. Ở nhiều quốc gia, các báo cáo có thể viết dưới dạng ẩn danh; trong bất kỳ trường hợp nào, nhân dạng của người gọi báo đều được giữ bí mật. Nếu cơ quan xác định rằng đứa trẻ đang gặp nguy hiểm, họ sẽ tạm thời cách ly nó khỏi gia đình và giữ nó ở một nơi an toàn trong khi chờ sắp xếp.

Cuối cùng, trong cùng một xã hội, chúng ta phải thông cảm với những đứa trẻ phạm tội giết cha mẹ. Chúng không phải là những đứa trẻ bất trị nhưng sau bản cáo trạng, chúng thường bị đối xử khắc nghiệt, mặc dù việc chúng nhỏ tuổi được coi là một nhân tố giảm nhẹ hình phạt của bản án. Chúng trước đó đã bị ngược đãi trong một thời gian dài, do đó chúng cảm thấy tức giận và đau khổ. Chúng cần hiểu được tấn thảm kịch, hiểu rằng hành động của chúng là sai, rằng đó không phải cách để giải quyết vấn đề và rằng lẽ ra chúng nên chọn một cách giải quyết khác không gây thiệt hại. Chúng cần vượt qua rất nhiều mất mát - mất tuổi thơ,

mất tương lai tươi sáng, cũng như mất đi cha hoặc mẹ. Chúng cần được giúp nhận ra chúng đã có những tình cảm tốt đẹp về cha mẹ mình, và để những cảm xúc chôn sâu trong lòng được bày tỏ để chúng có thể tìm được giải thoát. Đây không phải những mâu thuẫn có thể giải quyết được bằng án tù tội.

Xét cho cùng, bất hạnh của chúng là đã được sinh ra trước khi chúng ta có thể tạo ra một thế giới an toàn cho chúng.

TÍNH CÁCH CỦA SÁT THỦ THIẾU NIÊN

Mặc dù các nghiên cứu không có nhiều nhưng TS. Heide đã dựa trên những nghiên cứu trước đây cùng với các vụ án bà đã thụ lý để phác họa đặc điểm chung xuất hiện ở 50 vụ án mà sát thủ chỉ ở độ tuổi thiếu niên như sau:

Có dấu hiệu bạo lực gia đình

Nỗ lực tìm kiếm sự giúp đỡ, nhưng thất bại

Cố gắng bỏ nhà đi hoặc tự tử

Bị cô lập khỏi bạn bè

Môi trường sống ngày càng bí bách

Cảm thấy bất lực trong việc thay đổi hoàn cảnh gia đình

Không thể ứng phó được với những gì đang xảy ra với bản thân

Không có tiền sử phạm tội

Trong nhà có sẵn súng

Có cha mẹ nghiện rượu

Xảy ra tình trạng "hổng" trí nhớ sau vụ giết người

Cái chết của nạn nhân được xem là cách giải thoát cho tất cả mọi người trong nghịch cảnh đó.

NẾU SUY NGHĨ CÓ THỂ DẪN ĐẾN GIẾT NGƯỜI

Mặc dù điều này đáng lo ngại nhưng lại hoàn toàn có thật. Những ý nghĩ giết cha mẹ còn phổ biến hơn những

gì có thể xuất hiện trong giấc mơ của chúng ta như những gì đồng nghiệp của tôi TS Eldra Solomon và tôi mới phát hiện trong một cuộc khảo sát thực hiện trên 40 phụ nữ trưởng thành từng bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ. Bảng câu hỏi, thực hiện dưới dạng ẩn danh, gồm 200 vấn đề về lạm dụng và bỏ mặc. Do nhiều người không nhận ra những gì cha họ làm với họ là lạm dụng, nên bảng câu hỏi không gọi bất kỳ hành vi nào là lạm dụng hay bỏ mặc; nó chỉ đơn thuần mô tả những hành vi và hỏi xem chúng có từng xảy ra hay không.

Một trong những câu hỏi được đặt ra là: trước năm 18 tuổi, bạn có từng nghĩ đến việc giết người cha hay người mẹ bạo lực của mình chưa? Có đến 50% - tức 20 phụ nữ - trả lời có với tư cách là một thanh thiếu niên. Một số còn cho biết thậm chí họ còn lên kế hoạch giết người.

Chúng ta biết rằng phụ nữ ít hung bạo hơn đàn ông rất nhiều, tuy nhiên có đến 50% trường hợp được ghi nhận có tư tưởng muốn giết cha hoặc mẹ. Một câu hỏi thú vị đặt ra "Phải chăng con số này còn cao hơn đối với nam giới?"

Kết quả thu được đã chứng thực chiều sâu cảm xúc mà tình trạng ngược đãi tạo ra. Nó gây ra nỗi đau, sự sợ hãi, cơn giận dữ và sự tủi thân mà nhiều người phải cố gắng kìm nén trong suốt cuộc đời. Căn cứ vào cường độ cảm xúc mà sự ngược đãi gây ra cho các nạn nhân, câu hỏi chính xác không phải là "Tại sao những đứa trẻ lại giết cha mẹ chúng?" mà phải là "Tại sao không có nhiều đứa trẻ hành động như vậy?". Và tiếp đó, chúng ta cần tìm hiểu điều gì ngăn chúng hành động.

VỤ ÁN CỦA SCOTT ANDERS

Scott Anders là một thằng bé da trắng sinh ra trong một gia đình trung lưu lớp dưới. Khi xuống tay giết người cha 36 tuổi, thằng bé chỉ mới 15 tuổi. Vào trưa ngày xảy ra án mạng, Scott đã tâm sự với một người bạn rằng mọi thứ trong nhà ngày càng trở nên tồi tệ. Thằng bé cho biết cha nó ngày nào cũng trở về nhà trong trạng thái phê cần sa và cocain. Ông ấy nhiều lần chửi mắng, đe dọa thậm chí đòi giết nó. Chiều tối hôm đó, người cha hút cần sa và tiếp tục quát tháo thằng bé. Lúc đó Scott đã trốn khỏi nhà và nói rằng sẽ trở về, hy vọng cha nó sẽ tỉnh táo lại. Khi Scott bước vào cửa, nó thấy khẩu

súng lục 12 li của cha nó đang dựng cạnh ghế.

"Khi cháu quay về nhà, nhìn thấy cháu bước vào cửa, cha lại bắt đầu chửi cháu. Ông quát tháo om sòm và đòi nện cháu một trận. Đó là điều cuối cùng cháu nhớ. Khi ông ấy chuẩn bị mồi thuốc thì cháu chụp lấy khẩu súng và bóp cò. Ông ấy lùi lại, đổ vật xuống và máu phun ra từ miệng ông ấy. Đôi mắt ông giật giật, rồi cháu bắn thêm một phát nữa. Sau đó, cháu cảm thấy rất sợ".

Scott chạy đi tìm đứa bạn thân Kirk và nói rằng mình sắp tự sát vì "Khi bắn ông ấy, tớ như một con người khác". Kirk lấy lại khẩu súng từ tay Scott và dắt nó về nhà. Khi cố gắng xem xét tình trạng của ông Anders, Kirk nhớ Scott đã "gào khóc bù lu bù loa" lên. Hai đứa báo cảnh sát và Scott đã thú nhận tất cả. Hội đồng tối cao quyết định khởi tố Scott với tư cách người trưởng thành với bản cáo trạng gồm hai tội: tội thứ nhất mưu sát mức độ 1 và tội thứ hai là sở hữu súng.

Scott Anders là đứa con trai chung duy nhất của Lily và Chester Ander. Năm Scott lên ba, bà Anders bỏ nhà

ra đi dẫn theo hai đứa con riêng một trai một gái. Trong suốt bốn năm sau đó, Scott đã phải bốn lần chuyển chỗ ở nhờ hết nhà người bà con này đến nhà người bà con khác. Khi cha đi bước nữa, Scott dọn đến sống cùng với mẹ kế, Mary, người phụ nữ khiến Scott nhớ lại một cách trìu mến. Nhưng cuộc hôn nhân này kéo dài không được bao lâu, chẳng mấy chốc bà ấy cũng bỏ nhà đi. Ông Anders sau đó lại cưới một "Mary thứ hai" và Scott dọn về sống với họ tại một khu được coi là nơi trú ẩn của những kẻ buôn bán ma túy.

Scott "chưa bao giờ tham gia chơi bóng chày hay bất cứ cái gì khác", cũng không thể đi đến Scouts hay chơi đùa vì thằng bé "lúc nào cũng bận bịu việc nhà. Phụ làm việc vặt". Việc vặt ư? "Cháu phải quét nhà, lau nhà, quét sân, rửa xe, dọn phòng, dọn gara, cắt cỏ và giúp hàng xóm làm việc vặt nữa".

Ông Anders là một người đàn ông nóng tính từng nhiều lần hành hạ vợ cả về thể xác lẫn gây tổn thương bằng lời nói. Scott nhớ rằng cha mình xem những bà vợ là "những con mụ đàng điếm, ông sẵn sàng nện họ tơi bời mà không có bất kỳ lý do nào. Tính khí ông gắt

gỏng từ lúc banh mắt thức dậy đến lúc lên giường đi ngủ. Nếu chú pha cà phê không đúng, ông sẽ tạt thẳng vào mặt chú. Tiêu quá nhiều tiền khi mua sắm, ông sẽ dạy cho chú bài học để chú không bao giờ được như thế nữa". Scott còn xác nhận một sự thật là cha nó từng mấy lần dùng súng đe dọa Mary thứ hai, còn việc thượng cẳng chân hạ cẳng tay thì xảy ra hơn cả trăm lần.

Từ khi biết chuyện thì những trận đòn đối với Scott nhiều như cơm bữa. Đôi khi cũng có một số "lý do" (Mary thứ hai không làm việc nhà và đổ thừa cho Scott), đôi khi không ("cháu té ngã rồi ông ấy nổi điên lên"). Mức độ ác liệt của những trận đòn cũng phụ thuộc vào tình trạng say xỉn của cha nó. "Khi ông ấy tỉnh, ông ấy sẽ đánh chú. Nhưng một khi ông ấy có hơi men... đó là lúc ông ấy thật sự lên cơn".

Scott cho biết cha nó cũng quý nó mặc dù ông ấy coi nó là vô tích sự. Mary thứ hai lại đối xử với Scott "như một con chó. Lấy cho tao chai bia. Lau sạch hành lang. Cắt khoai tây". Chính bà ấy bắt Scott vứt bỏ con chó - người bạn quý của thằng bé vì bà ấy chỉ thích cún

con.

Những ngày cuối tuần mới thực sự là địa ngục. Ngày thường, ông Anders bắt đầu nhậu nhẹt từ một giờ và cứ thế đến khi gục thì thôi. Vào thứ Bảy và Chủ nhật, cả ông và bà Mary thứ hai đều nhậu rồi sau đó đi bar, bỏ mình Scott ở nhà. Khi còn nhỏ, nó rất sợ bị bỏ một mình. Sau này khi lớn hơn, nó luôn rất tức khi bị bỏ một mình. Scott nghĩ thà là bị đánh còn hơn bị bỏ một mình.

Trận đòn ác liệt nhất là khi Scott cố gắng bỏ nhà đi nhưng sau đó lại quay về vì sợ cha mẹ mình lo. Khi Scott về đến nhà, cả hai người đều đang say ngủ. Lúc thức dậy "Mary thứ hai đánh cháu một trận tơi bời đến 1 giờ sáng. Bà ấy ên cơn nhảy vào đấm, tát và đánh cháu túi bụi". Sáng hôm sau, đến lượt cha Scott. "Ông cũng cho cháu một trận lên bờ xuống ruộng. Ông đánh vào bụng, mặt và khắp mình mẩy cháu." Trận đòn ác liệt đến mức ông ấy cho Scott nghỉ học ở nhà mấy ngày vì đầu nó sưng lên mấy cục.

Một tháng trước khi xảy ra thảm sát, bà Mary thứ hai đã bỏ trốn cùng một ông bạn của Anders. Vì chuyện đó,

cha Scott đổ lỗi cho nó và cho rằng "Mọi chuyện trở nên ngày càng tệ hại". Cùng với sự ra đi của Mary thứ hai, rồi đây Scott sẽ phải làm hết các công việc nấu nướng và quét dọn. Ông Anders không thể đi làm do sức khỏe yếu. Không còn được uống rượu nữa, ông chuyển sang chơi ma túy rồi ngày càng trở nên bạo lực. "Ông ấy bắt đầu dọa giết cháu".

Buổi tối xảy ra vụ án mạng, Scott và cha nó cãi nhau một trận về chuyện nó không muốn ở nhà một mình (nó cứ phải chờ bên ngoài đến khi cha nó trở về). Ông ấy cứ "chửi mắng và quát tháo, rồi khi cháu chạy đi ông ấy nói "Tốt nhất là mày đừng nên đi đâu". Cháu rất sợ, chỉ biết nhanh chân chạy mất. Khi cháu về nhà thì cháu thấy khẩu súng".

Khi trước mắt không có một mối đe dọa nào, thì hành động giết cha mẹ lại là kết thúc một quá trình tích tụ lâu dài. Scott nhớ lại mình đã nổ phát súng thứ hai bởi vì nó thấy sợ "những gì ông ấy có thể làm với nó" sau khi bắn phát đầu tiên.

Tính đến năm học lớp 7, Scott đã tìm đến sự giúp đỡ

từ bạn bè và ông bà bằng cách kể cho họ nghe những lần bị đánh đập, hành hạ. Nhưng "không ai muốn dính líu". Sau đó, nó trở nên ít nói kể cả với những đứa bạn thân nhất vì nó không muốn họ biết sự thật. Scott cho biết nó ghét từ "ngược đãi trẻ em" vì nó ghét những gì mà từ đó ngụ ý về người cha của nó.

Những "Bậc Thầy" Của Những Tên Sát Nhân Mô Phỏng

Một số kẻ giết người hàng loạt thiết lập cách thức giết người của mình theo cách của những kẻ mà chúng ngưỡng mộ.

Một mùi hôi thối ở khu phía đông Cleveland đã khiến cảnh sát phát hiện một xác chết hôm thứ sáu vừa rồi [19/07/2013] ... và đưa cảnh sát tìm đến Michael Madison, một người đàn ông 35 tuổi bị kết tội xâm hại tình dục. Và sau đó, có thêm 2 xác chết nữa được phát hiện bọc trong túi nhựa đựng rác và được bỏ trong một ngôi nhà và khu vườn gần đó.

Madison đã lợi dụng những căn nhà bị bỏ hoang và bị tịch thu do thế chấp ở Đông Cleveland để che đậy những việc làm man rợ của hắn. Và cảnh sát tin rằng họ sẽ tìm thấy thêm một vài nạn nhân nữa.

Giống như một kẻ giết người hàng loạt khác trước đó ở Cleveland, Anthony Sowell, khu vực hoạt động giết người của Madison là các khu gần nhà của hắn. Trên thực tế, hắn đã xem xét các vụ của Sowell và đe doạ sẽ làm điều tương tự. "Hắn [Madison] đã nói một số điều khiến chúng tôi tin rằng theo một cách thức nào đó, Sowell có thể là một yếu tố ảnh hưởng." thị trưởng Đông Cleveland, Gary Norton, nói với thông tấn Associated Press.

Vào năm 2009, mười một xác nữ gần như trần trụi được phát hiện trong các túi rác và bao nhựa trong nhà và sân vườn của Sowell. Từ sự việc đó, Sowell bị kết tội giết người và xử tử hình.

Madison hẳn đã nghĩ hắn sẽ không bị phát hiện. Hắn cũng giống như nhiều tên sát nhân khác, tìm cảm hứng từ các "hình mẫu" - những kẻ giết người hàng loạt khác. Chúng học các cách thức và tin rằng chúng sẽ tránh được những sai lầm của những tên trước đó.

Colin Ireland và Dennis Rader, cả hai tên tội phạm này đều nghiên cứu những kẻ giết người khác để làm

bản thân phù hợp với các tiêu chí phân loại của kẻ sát nhân hàng loạt. Cả hai đã gọi điện cho cảnh sát hay truyền thông và thông báo về tội phạm của chúng để chắc chắn rằng những nhà điều tra sẽ kết nối các chi tiết đúng cách. Chúng muốn có được "công trạng".

Những nhân vật đóng vai trò hình mẫu chính cho Rader bao gồm H. H. Holmes (thế kỷ thứ 19) và Harvey Glatman (những năm 1950). Rader bị cuốn hút bởi cách mà Holmes đã hình thành một tính cách rất tinh vi với vẻ ngoài của một quí ông con nhà ăn học trong khi dụ dỗ phụ nữ rơi vào những cái bẫy chết chóc của hắn. Một khi giết người xong, hắn [Holmes] lóc thịt của những cái xác và bán những bộ xương cho những người mua bán xác cho các trường y. Holmes đã thực hiện tất cả những việc này ngay giữa lòng một thành phố nhộn nhịp, thành phố Chicago, mà không một ai mảy may nghi vấn cho tới khi hắn bị lộ tẩy ở Philadelphia.

Isreal Keyes, tên tội phạm đã tự tử trong nhà tù vào năm ngoái sau khi bị bắt vì tội giết một phụ nữ trẻ ở Alaska, là một học trò của Ted Bundy. Israel nói rằng hắn có hứng thú với những tên giết người hàng loạt "bởi

vì tao là kẻ giết người hàng loạt." Mặc dù hắn phủ nhận việc hắn bắt chước cách thức giết người theo một ai đó, nhưng rõ ràng Bundy chính là "hình mẫu" của hắn.

Trong suốt những năm 1970, Bundy đã sát hại ít nhất 30 cô gái và phụ nữ trẻ ở 6 bang khác nhau từ Pacific Northwest cho tới Florida. Hắn đã "mài giũa" một cách sống hai mặt mà từ đó Keyes tìm thấy "cảm hứng", xuất hiện như một sinh viên luật trong khi giết người không gớm tay. Keyes đã nghiên cứu những cuốn sách về tội phạm thực sự nói về Bundy, chú ý đặc biệt tới những sai lầm của Bundy. Hắn không muốn theo vết xe đổ.

Năm 1977, các viên chức áp giải Bundy tới Colorado để chịu phán quyết về tội giết người, nhưng Bundy đã trốn thoát và chạy tới Florida. Cũng khoảng thời gian này, như Keyes đã nhận ra, Bundy đã trở nên bất cẩn. Vào ngày 15 tháng 1, 1978, Bundy bước vào một hội nữ sinh mà không hề có kế hoạch trước và tấn công 5 phụ nữ, giết chết 2 người trong số đó. Một tháng sau, hắn túm lấy một cô bé 12 tuổi giữa thanh thiên bạch nhật. Không lâu sau đó, hắn bị bắt trong một chiếc xe bị trộm. Bị kết tội trong 3 vụ giết người, hắn lãnh 3 bản án tử

hình.

Chính việc hầu như không suy tính gì đã khiến hắn "trượt dài", Keyes nghĩ vậy. Bundy đã lái hàng dặm đườn bằng chính xe của mình vòng quanh các bang phía Tây, và trả tiền xăng bằng thẻ tín dụng. Tất cả những điều này đã trở thành chứng cứ gián tiếp chống lại hắn. Vì thế, Keyes đã thuê xe, cướp ngân hàng, và chôn giấu tiền và đồ nghề giết người của mình ở những nơi hắn về sau có thể trở lại và tìm kiếm nạn nhân. Hắn [Keyes] muốn loại bỏ các vết tích về mặt giấy tờ.

Bundy đã mô tả về một "dạng tồn tại" vô cùng hung ác - một "thực thể" - trỗi dậy trong hắn khi hắn cảm thấy căng thẳng hay say xỉn. Keyes cũng cảm thấy điều tương tự, vì thế hắn tìm thấy nhiều điều ở Bundy để có thể xác định bản thân là ai. Cũng giống như Bundy, ý nghĩ rằng hắn có thể thoát khỏi tội giết người làm cho hắn cảm thấy vô cùng mạnh mẽ. Và, giống như Bundy, hắn cũng trở nên bất cẩn. Thậm chí là dùng xe thuê, ở cách xa Alaska và chỉ sử dụng tiền mặt, Keyes vẫn bị túm cổ.

Jimmy Rodes, một kẻ chung xà lim với Bundy, được biết là đã hỏi Bundy những lời khuyên cho việc săn tìm con mồi. Bundy được cho là đã tuồn cho hắn một tờ báo với những quảng cáo cá nhân được khoanh tròn và Rodes cũng đã dùng một tờ báo để trao đổi với hắn. Khi Rodes được thả, hắn vô tình đã để lại manh mối về các nạn nhân của hắn. Rodes, bí danh Cesar Barone, đã bị kết tội vì 4 vụ giết người.

Dù biết hay không thì các sát nhân "hình mẫu" vẫn hỗ trợ một hay một số điều cho những tên muốn thành sát nhân hàng loạt: 1) với tư cách là các "bậc thầy" về giết người, cách thức hoạt động đặc trưng của chúng hình thành một khuôn mẫu cho cách thực hiện các vụ giết người và giấu xác; 2) sự táo bạo của chúng có thể là nguồn cảm hứng cho những tên khác; và 3) sự chú ý của giới truyền thông cho chúng cảm giác thú vị [chúng cảm thấy được nổi tiếng - ND]. Một tên giết người hàng loạt càng nổi tiếng thì hắn càng trở nên cuốn hút đối với những tên sát nhân mô phỏng.

Madison, một khi đã phạm tội, biết rằng để tiếp tục thực hiện những cuộc tấn công của mình mà không bị

bắt, hắn sẽ phải phi tang hết các chứng cớ và manh mối. Hắn đơn giản chỉ cần tìm xung quanh những căn nhà bỏ hoang để làm chỗ ẩn nấp dường như hoàn hảo. Hắn chỉ cần tìm đọc kỹ lưỡng các bài báo về cách Anthony Sowell bọc các nạn nhân trong bao nhựa. Hắn chỉ cần cảm thấy một sự thôi thúc đủ mạnh để hành động. Và từ đó, hắn trở thành một tên sát nhân mô phỏng.

Thị trưởng Norton tóm tắt sự việc như sau: "Thật không may, đây là một cá thể bệnh hoạn đã chịu ảnh hưởng từ một cá thể bệnh hoạn khác." Và Madison tất nhiên không phải là trường hợp cuối cùng.

Tội Phạm Cũng "Quan Trọng Tiểu Tiết"

Với một tên tội phạm, "tiểu tiết" không hẳn là nhỏ.

Chúng ta vẫn thường xuyên nghe đến việc có người trả cả mạng sống trong một cuộc tranh cãi về một cái áo khoác, một món trang sức, hay một vật hữu hình nào đó. Hoặc là một sự hành hung chết người xảy ra trong một cuộc chửi rủa hay những lời lẽ thách thức. Lý do mà những cuộc cãi vã này dẫn đến những bi kịch là do đối với ít nhất một đối tượng trong nhóm người có dính líu, toàn bộ hình tượng bản thân của họ bị nguy hại. Những người với tính cách của tội phạm có rất nhiều nỗi sợ. Họ không nói về nỗi sợ vì họ muốn tránh trở nên "nhảm nhí", "ẻo lả", hay "yếu đuối". Một trong những nỗi sợ của họ là khả năng bị bắt, bị kết án, bị bỏ tù bởi tội ác mà họ thực hiện. Cũng có những nỗi sợ về chấn thương hoặc chết chóc trong những cuộc tấn công với mức độ nguy hiểm cao. Tuy nhiên những tội phạm có khả năng

dập tắt tất cả nỗi sợ này đủ lâu để thực hiện hành vi mà họ dự định.

Nỗi sợ lớn nhất là bị làm cho bẽ mặt hoặc bị làm xấu hổ. Tội phạm thường có "da mặt mỏng". Hắn có thể thực thi những hành vi bất lương đáng gờm, nhưng hắn cũng có thể sẽ phản ứng mạnh mẽ với những mối nguy dù là nhỏ nhất có thể ảnh hưởng đến hình tượng mà hắn cố gắng gìn giữ cho bản thân và truyền đạt tới người khác. Do đó, xung đột vì một thứ có vẻ như là nhỏ nhặt sẽ luôn leo thang nếu một người tin rằng hình tượng của họ sẽ bị ảnh hưởng.

Ghi nhớ những gì mà tội phạm cảm thấy và có thể vì đó mà dẫn đến xung đột như thế - chính là góc nhìn của cả thế giới được biểu thị bởi những suy tính phi thực tế. Hắn nhìn nhận bản thân giống như trục của bánh xe, mọi thứ đều xoay quanh hắn. Với hắn, cuộc sống là con đường một chiều. Hắn có dạng ý thức chiếm hữu. Theo cách nghĩ vị kỷ của hắn, thứ trong cuộc tranh cãi từ đầu đã thuộc về hắn. Hắn chỉ đơn giản là cố gắng chiếm lấy những thứ hắn cho là thuộc về hắn. Thường thì hắn đã nghĩ trước là sẽ làm gì với món đồ đó. Hắn mường

tượng bản thân mặc bộ quần áo (và người khác trầm trồ ngưỡng mộ) hoặc những món trang sức sẽ tô điểm cho hắn.

Một người bình thường có trách nhiệm sẽ không nghĩ như vậy. Vì thế, họ thường không đào sâu suy nghĩ đến việc một cuộc cãi vã về một thứ giá trị thấp có thể làm mình mất đi tính mạng. Khái niệm "không quan trọng tiểu tiết" hoàn toàn xa lạ với tội phạm. Vì khi liên quan để sự an nguy về hình tượng của hắn, không có gì là "tiểu tiết

Cách Những Kẻ Lừa Đảo Ẩn Mình Dưới Con Mắt Người Thường

Gần đây tôi có phát biểu tại một hội nghị của những người điều tra về kẻ giết người, về chủ đề "trí thông minh ẩn giấu" của những kẻ lừa đảo tinh khôn. Qua đó, tôi muốn nói rằng IQ tội ác của một số tội phạm có thể thách thức bất kỳ khuôn khổ nào mà chúng ta đang có. Vài năm trước tôi có viết một bài viết ngắn về cách mà một số người có thể hòa mình và săn đuổi con mồi một cách vô hình trong chúng ta. Và bây giờ tôi sẽ quay lại vấn đề này.

Do một số quyển sách mà tôi đã từng viết, tôi từng được hỏi liệu có thể nhận biết được một người bị bệnh tâm thần, hay một người có phải là thành viên bí mật của một nhóm lừa đảo hay không. Nhưng đó không phải là những câu hỏi đúng đắn. Không phải tất cả thành viên của hai nhóm này đều nguy hiểm và nhắm đến tôi. Thay

vào đó, mọi người nên hỏi liệu tôi có thể nhận biết và bảo vệ bản thân khỏi một kẻ lừa đảo hay không.

Cả hai nhóm đều có những kiểu người lợi dụng người khác. Những kẻ thông minh biết rằng họ không nên bị người khác nhận biết dễ dàng. Họ nhận thức được rằng họ có thể được trục lợi từ người khác hiệu quả nhất bằng cách hòa vào đám đông. Nếu kẻ lửa đảo mà lộ liễu, họ sẽ ít hiệu quả hơn trong việc lấy đi thứ họ muốn.

Với những Bảng liệt kê Bệnh thái nhân cách có trên sách báo và Internet, mọi người nghĩ họ có thể thông qua danh sách 20 đặc điểm và hành vi để nhận biết một người bị bệnh tâm thần. Chương trình truyền hình đầy rẫy những người làm y như vậy. Nhưng thực sự những cái được coi là đánh giá này đều thiển cận và không chính xác.

Nhận biết (và đánh lạc hướng) một kẻ lừa đảo thông minh thực sự là một việc không hề dễ dàng.

Tuy chúng ta đã từng thấy rất nhiều những kẻ phô trương tự cho mình là những kẻ mồi chài, cùng với

những kẻ ái kỷ kinh tởm vênh váo bản thân công khai đến mức cần chuẩn đoán về bệnh tâm thần, nhưng thành viên của một trong hai nhóm trên mà thực sự muốn ẩn mình có thể lừa được ngay cả những chuyên gia.

Nếu họ không để bị phát hiện, họ có thể thao túng người khác lâu hơn - có thể là đến vô hạn - và bòn rút rất nhiều nạn nhân. Hãy nhìn vào số lượng CEO có vấn đề về tâm thần trong suốt hai thập kỷ qua lợi dụng sự cả tin và tài nguyên của người khác để làm giàu cho bản thân. Họ thành công nhất khi không ai nghi ngờ họ. Và bất kỳ "kẻ mồi chài" nào muốn bòn rút từ kẻ khác trong thời gian dài, và trong phạm vi rộng, sẽ được hưởng lợi từ việc ăn mặc bình thường, cư xử bình thường, và chờ đợi một cơ hội để triển khai hành động bên ngoài "tầm radar".

Họ sẽ tỏ ra thân thiện, chứ không tàn ác.

Trong Khoa học Mồi chài, tôi đã dành ra một chương cho cái tôi gọi là "mồi chài tâm lý" - những kẻ lừa gạt, thao túng, và rút kiệt chúng ta mà không có bất kỳ thương hại, và thường rất nhẹ nhàng. Họ là những kẻ gạ

gẫm, tội phạm công nghệ cao, kẻ lừa đảo niềm tin, và ngay cả những kẻ giết người hàng loạt biết cách dụ dỗ chúng ta với những thủ thuật như niềm tin, sức mê hoặc, lời hứa sáo rỗng, sự thân tình giả tạo, và những lý do giả dối. Họ chỉ có thể làm được điều đó nếu chúng ta tin rằng họ đáng tin, chân thành, thật thà và không thủ đoạn. Như vậy, họ phải trông "bình thường", chứ không phải khác biệt. Họ sẽ giả mối quan hệ bình thường cho đến khi lấy được lòng tin của chúng ta, và rồi hành động, rút kiệt chúng ta không chút thương tiếc, sau đó chuyển sang đối tượng khác.

Đó là lý do hầu hết những kẻ lừa đảo thông minh và thành công đều ẩn mình.

Vậy, câu trả lời cho những câu hỏi là, đúng, bạn có thể nhận biết được những kẻ muốn được nhận biết, nhưng họ chắc chắn không thành công trong việc lợi dụng chúng ta và cả những kẻ đứng trong bóng tối mà tỏ ra bình thường. Họ ở gần chúng ta hơn vẻ ngoài của họ.

(Hồng Phương dịch)

Nguồn: http://www.psychologytoday.com/blog/shadow-boxing/201404/how-successful-predators-hide-in-plain-sight

Những Tội Phạm Trông Khác Biệt Với Những Người Không Phải Tội Phạm

Con người sở hữu khả năng phân biệt ai là một tội phạm và ai không phải, bằng cách nhìn vào họ vì những tội phạm trông khác biệt với người không phải tội phạm.

Thực tế, tất cả các 'khuôn mẫu' (stereotypes) đều đúng theo kinh nghiệm, nếu chúng không đúng, chúng sẽ không thể là những khuôn mẫu lúc bắt đầu. Theo hiểu biết của tôi, rất ít khuôn mẫu là không đúng theo kinh nghiệm, vì một số lý do, có liên quan đến ngoại hình của mọi người. Do đó, sự thật không phải là cái đẹp nằm ở đôi mắt người xem, và cái đẹp không chỉ là vẻ bề ngoài.

Phụ nữ có thể phân biệt những người đàn ông nào sẽ là những người cha tốt và người cha xấu đơn giản bằng cách nhìn vào họ. Và mọi người cũng có thể phân biệt ai có lòng vị tha và ai vị kỷ đơn giản bằng cách xem một

đoạn video 30 giây không có âm thanh.

Vì vậy, trái ngược với niềm tin phổ biến, bạn có thể đánh giá nhân cách con người đơn giản bằng cách nhìn vào họ. Những người tử tế trông tử tế, và người xấu tính trông thật khó chịu, và dường như con người có những cơ chế tâm lý bẩm sinh để phân biệt được chúng. Trong một nghiên cứu độc đáo gần đây được xuất bản trên tờ 'Journal of Social, Evolutionary, and Cultural Psychology', Jeffrey M. Valla, Stephen J. Ceci, và Wendy M. Williams ở đại học Cornell cho thấy mọi người có thể phân biệt được tội phạm và những người không phải tội phạm đơn giản bằng cách nhìn vào những tấm hình tĩnh của họ. Có vẻ như những tội phạm trông khác biệt so với người không phải tội phạm.

Trong các thực nghiệm của họ, Valla et al trình chiếu những tấm hình về những khuôn mặt của 32 người đàn ông da trắng ở độ tuổi khoảng 20, không có sẹo, hình xăm hoặc quá nhiều lông mặt, tất cả đều có vẻ mặt trung tính. 16 người trong số đó là những tội phạm, và 16 người còn lại thì không. Valla hỏi những người tham gia thực nghiệm hãy cho biết họ nghĩ mỗi người đàn ông đó

có khả năng là tội phạm gì (giết người, hiếp dâm, trộm cắp, buôn ma tuý, kẻ đốt phá, đánh nhau) theo thang điểm 7, 1 = cực kỳ không có khả năng đến 7 = cực kỳ có khả năng. Các kết quả của họ từ 2 thực nghiệm đều nhất quán cho thấy các cá nhân có thể phân biệt ai là một tội phạm và ai không, bằng cách chỉ ra họ tin là những tội phạm thực sự thì có khả năng là một tội phạm cao hơn những người không phải tội phạm thực sự.

Tuy nhiên, các kết quả của họ cũng cho thấy các cá nhân không thể phân biệt được loại tội phạm. Trong khi Valla ban đầu hơi lúng túng bởi phát hiện này thì nó thực sự nhất quán với những gì chúng tôi biết trong tội phạm học. Những tội phạm không làm thành đặc trưng. Những người đàn ông phạm một loại tội có nhiều khả năng phạm những loại tội khác. Cho dù trong các thực nghiệm của họ, Valla cẩn thận lựa chọn những tấm hình của những tội phạm chỉ phạm một loại tội, thì trong kinh nghiệm thực tế, không có người nào chỉ là những kẻ sát nhân (và không và sẽ không dính phải những loại tội khác) hoặc những người chỉ là những kẻ trộm cắp (và không và sẽ không dính vào những loại tội phạm khác).

Theo thời gian, một số người sẽ dính vào những loại tội phạm khác. Theo kinh nghiệm thực tế, có những người đàn ông phạm (tất cả các loại) tội và những người đàn ông khác thì không. Và những thực nghiệm của Valla cho thấy các cá nhân có thể phân biệt được họ vì 2 kiểu đàn ông trông khác nhau.

Có một phát hiện có vẻ hơi bất thường trong nghiên cứu của họ. Trong cả 2 thực nghiệm, phụ nữ không thể phát hiện ra những kẻ phạm tội hiếp dâm. Phụ nữ trước sau như một, đánh giá những kẻ phạm tội hiếp dâm ít có khả năng là tội phạm hơn không chỉ những loại tội phạm khác mà còn những người không phải tội phạm! Điều này ban đầu khá khó hiểu, nhưng nó có lý theo giải thích của Valla. Để có thể là kẻ phạm tội hiếp dâm thành công, những người đàn ông này phải có khả năng lừa gạt được phụ nữ và có được sự tin tưởng ban đầu của cô ấy. Những người đàn ông trông giống như một kẻ phạm tội hiếp dâm hoặc những tội khác và nguy hiểm sẽ không thể làm được điều này. Họ sẽ không thể lại gần phụ nữ đủ để cưỡng hiếp được họ. Điều này có thể là lý do tại sao phụ nữ, không phải đàn ông, không thể phát hiện ra

những kẻ phạm tội hiếp dâm, cho dù phụ nữ phát hiện ra những loại tội phạm khác tốt ngang bằng đàn ông.

Sau đây là 32 tấm hình những người đàn ông trong thực nghiệm của Valla, 16 người trong số đó bị kết tội như buôn ma tuý, hiếp dâm, đánh nhau, đốt phá, và 16 người còn lại không phải là tội phạm. Bạn có thể phát hiện ra ai là tội phạm không? Nếu bạn là phụ nữ, bạn có thể phát hiện ra những kẻ bị kết tội hiếp dâm trong số họ không?

image

image

image

image

image

image

image

Nguồn: Psychology Today

Đáp án:

Đốt phá: 5, 10, 16, 20

Tấn công: 4, 24, 27, 28

Buôn ma tuý: 8, 11, 21, 29

Hiếp dâm: 3, 23, 31, 32

"Biến Mình" Thành Kẻ Sát Nhân Để Truy Tìm Tội Phạm

TLHP - Bài này được đăng năm 2001, nhưng cũng có giá trị tham khảo.

Ngồi lặng yên tại hiện trường, dùng các giác quan cảm nhận mọi vật, hình dung từng công việc, từng ý nghĩ của hung thủ, như thể hóa thân vào hung thủ... Đó là cách làm việc của bà Micki Pistorius (41 tuổi), nhà tâm lý học tội phạm lừng danh của cảnh sát Nam Phi. Trong vòng 5 năm, bà đã tham gia điều tra 35 vụ, giúp cảnh sát bắt giữ 10 tên giết người hàng loạt.

Vụ án đầu tiên bà Micki Pistorius tham gia vào năm 1994, lúc đất nước Nam Phi đang sục sôi làn sóng bạo lực, phân biệt chủng tộc. Bọn sát nhân hàng loạt xuất hiện khắp nơi. Cảnh sát thủ đô đã nhờ trường Đại học Pretoria giới thiệu một nhà tâm lý học để giúp định ra

nhân cách bọn tội phạm. Micki được gửi đến vùng Đất Mũi ở cực nam Châu Phi.

Tại đó, một kẻ bệnh loạn đang lộng hành. Hắn đã bắt cóc 22 cậu bé, mang vào vùng sa mạc vắng vẻ để bóp cổ cho chết rồi hãm hiếp. Những thông báo mà kẻ giết người gửi cho cảnh sát được viết với lời lẽ huênh hoang. Nạn nhân mới nhất là cậu bé 11 tuổi, xác được tìm thấy tại một bãi cát dài. Micki đề nghị cảnh sát để bà một mình, quan sát, đi lại, lắng nghe, hít thở...

Về đến trụ sở, Micki thảo ra 50 trang định dạng nhân cách tâm lý "tên bóp cổ vùng Đất Mũi": Người da đen, đồng tính luyến ái, khoảng 30 tuổi; là thầy giáo, cảnh sát hoặc thành viên một tổ chức từ thiện. Hắn là người ngăn nắp, hiện đang sống tại nhà bố mẹ. Hắn có thể là nạn nhân của một vụ lạm dụng tình dục từ thời thơ ấu. Hung thủ có thể sống trong bệnh viện tâm thần.

Làm sao Micki có thể biết được như vậy? Chính là nhờ các tri thức về tâm lý học, sự xét đoán sáng suốt và cả trực giác nữa. Tên sát nhân là người da đen, vì vùng đất này không có người da trắng nào có thể bắt cóc tới

22 đứa trẻ mà không bị phát hiện. Tuổi trên 30 vì máu giết người thường mạnh nhất ở vào tuổi 25, mà tên này hoạt động tới 8 năm. Đồng tính luyến ái vì việc hãm hiếp các cậu bé, mà chắc tên này hồi nhỏ đã bị như vậy, nên nay hắn muốn trả thù. Hắn vẫn sống với bố mẹ, vì theo Micki thì một con người như vậy không thể có vợ con, mà nếu hắn sống một mình thì tất đã đưa các nạn nhân về nhà hắn. Hắn biết cách nói với trẻ em, biết làm cho trẻ em tin tưởng đi theo hắn nên có thể hắn là thầy giáo hoặc cảnh sát...

Giới cảnh sát vô cùng kinh ngạc, và đã truyền phát nhân dạng này đi khắp nơi. Chỉ ít lâu sau, một y tá bệnh viện tâm thần gọi đến báo cảnh sát là đã nhận ra một bệnh nhân của mình đúng như vậy: Tên hắn là Norman Simos. Simos đã viết lời khai hắn như giống những điều suy đoán của Micki, chỉ có một đều khác là hắn không phải là đã, mà là đang ở trong bệnh viện tâm thần. Hắn tự vào đó để tạo bằng chứng ngoại phạm.

Từ sau chiến công này, nhà tâm lý học được triệu đi khắp Nam Phi và trở thành một cảnh sát thực thụ, đối mặt với xác chết, với vũ khí tự động. Các vụ án được

liên tiếp khám phá. Vụ án nổi tiếng năm 1997 khi đốt cháy cánh đồng mía vùng Durban sau vụ thu hoạch để lộ ra ba cái xác giấu dưới đống lá, đang rữa nát. Cảnh sát hình sự Durban và bà Micki điều tra khắp cánh đồng mía, tìm ra tổng cộng 18 cái xác, 18 phụ nữ bị hành hình giống nhau: lột hết quần áo, đặt nằm sấp, trói chặt và nhét giẻ vào miệng bằng chính quần áo của người bị hại, và bị bóp cổ chết.

Micki tin chắc là tên sát nhân đã giết người trước, sau đó mới lột quần áo và trói, hai việc sau chỉ là tượng trưng. Tên sát nhân vừa sợ, vừa ghét phụ nữ. Hắn không muốn phụ nữ nhìn thấy mình, nói với mình, chạm vào mình. Micki ngồi vào phòng làm việc ở trụ sở cảnh sát Durban, xung quanh tường treo kín ảnh: khu vực đồng mía, chân dung nạn nhân, chi tiết hành hình. Bà như hoá thân vào tên sát nhân, viết lời nhận dạng với ngôi đại từ nhân xưng thứ nhất số ít: tôi là...

Theo bà, tên sát nhân là người dân tộc Zoulou, tuổi 30-40, không có nghề nhất định, ở ngay vùng đồng mía, ăn nói khéo léo. Hắn đã ly dị hoặc bị vợ bỏ, căm thù đàn bà, đã từng bị kết án vì tội hiếp dâm. Các thám tử điều

tra theo các chỉ dẫn này và đã bắt được tên Sipho Twala (31 tuổi, người Zoulou thất nghiệp), trong nhà hắn có nhiều quần áo phụ nữ, các nút thòng lọng làm bằng vải.

Mọi điều khác về nhân thân tên này đều đúng như Micki giả thiết. Tên sát nhân không chịu khai gì. Micki đã phải gặp và kể cho hắn nghe về một người có vết thương lòng vì đàn bà. Anh ta chỉ vợi nỗi đau khi dẫn một người phụ nữ vào trong cánh đồng mía... Nhưng khi tiếng rì rào nổi lên, lá mía cọ vào mặt thì người đó trở nên điên cuồng và phải giết người. Sipho Twala nghe kể xong, lặng người hồi lâu và nói: "Tôi biết tên đó. Nó là tôi".

Khi người ta hỏi, làm sao mà Micki có thể có được độ thấu cảm như vậy với bọn sát nhân, bà trả lời: "Tôi cũng không biết nữa. Chính nhờ những cảm giác mà tôi định dạng được bọn chúng. Tại hiện trường tội ác, hình như có một làn gió nhắc cho tôi về những dấu vết, tạo cho tôi những cảm giác. Hình như tại đó có một sự cộng hưởng, một sự rung động cực nhỏ mà tôi có thể thu nhận được, từ đó tạo ra cảm giác và nhận thức. Tôi cảm thấy điều mà tên sát nhân cảm thấy lúc phạm tội.

Đôi khi tôi thấy tên sát nhân ở ngay trong đầu tôi".

Điều làm Micki sợ hãi là nhiều khi bà cảm thấy rõ tên sát nhân đang giết người ở đâu đó, như có một làn sóng truyền qua. Những việc điều tra như vậy đã làm Micki kiệt sức. Sự tiếp xúc thường xuyên với máu, với những xác chết thối rữa, với những tên sát nhân thú vật, và nhất là sự giao cảm lạ lùng với bọn sát nhân khiến bà không thể chịu đựng nổi nữa. Micki ra khỏi ngành cảnh sát năm 2000, và tham gia vào một công ty bảo vệ tư nhân. Bà vẫn làm công việc xác định nhân dạng, nhưng trong gian lận thương mại và lừa đảo. Bà muốn quên đi những gì mình đã trải qua ở đơn vị mà bà đã từng phụ trách trong ngành cảnh sát Nam Phi.

Hội Chứng C.S.I

Chắc hẳn các bạn đã từng xem các phim truyền hình về điều tra hình sự, thậm chí là một "big fan" của các chương trình này như CSI, Sherlock, Criminal Mind, và còn rất rất nhiều chương trình khác nữa. Có bao giờ các bạn suy nghĩ rằng mình đã hiểu khá rõ về các kỹ thuật, quá trình điều tra phá án và thậm chí là có thể dàn dựng một vụ án hoàn hảo? Trên thực tế là nếu bạn có suy nghĩ đó thì bạn không hề lẻ loi vì có rất nhiều người suy nghĩ giống như bạn. Người ta gọi đó là "Hiệu ứng CSI", và có những kẻ đã thực hiện những điều đó ngoài thực tế như câu chuyện dưới đây.

Vụ án hoàn hảo

Cụ bà Marina Calabro, mặc dù đã ở tuổi 84 nhưng bà vẫn còn minh mẫn. Bà sống một mình trong một ngôi nhà xinh xắn ở Quincy, Mass trong nhiều năm. Sau một

thời gian dài làm việc, bà tích góp và gầy được một gia sản kha khá, khoảng nửa triệu đô la. Khi đứa cháu trai Anthony đến sống cùng mình vào năm 2001, bà đã tỏ ra khá hào phóng với anh ta. Cụ bà hào phóng đến mức thậm chí còn cho phép đứa cháu rủ ba người bạn trong ban nhạc Electronic Kill Machine (Jim Morel, Jason Weir, và Tom Lally) đến ở chơi.

Marina-Calabro200

Cụ bà Marina Calabro

Theo thông tin của 48 Hours Investigates, ba thanh niên thích theo dõi chương trình truyền hình về pháp y. Họ có nhiều chương trình để lựa chọn: C.S.I. mùa thứ hai, Law and Order được trình chiếu từ năm 1990, và Forensic Files từ lâu đã là kênh được yêu thích của nhiều khán giả. Ba trong số các thành viên của ban nhạc đặc biệt yêu thích Forensic Files, xem đi xem lại các tập phim và tìm kiếm chi tiết về điều tra tội phạm trên mạng.

Hoi chung CSI Anthony Calabro Jason Weir Tom Lalley

Cuối cùng, cả ba bọn chúng cho rằng, thật dễ dàng hiện thực hóa việc dàn dựng một vụ giết người trông như một tai nạn bằng cách áp dụng những gì chúng đã xem được vào thực tế. Vài ngày trước lễ Giáng Sinh, Anthony ngồi trên xe ô tô, canh chừng phía bên ngoài ngôi nhà, trong khi Tom và Jason tiếp cận cụ bà Marina trong bếp. Một kẻ đánh bà cụ bằng chảo và ấm đun nước, sau đó cả ba kéo nạn nhân ra bậc thang và bố trí như thể cái chết đau đớn của bà là do ngã cầu thang. Chúng thêm vào một túi rác để tạo hiệu ứng, và rõ ràng đã làm tốt đến mức người cảnh sát 911 được thông báo tối hôm đó chỉ chụp vài bức ảnh cho có lệ.

Cái chết được tuyên bố là do tai nạn và có thể mãi mãi là "vụ giết người hoàn hảo" nếu những kẻ sát nhân không muốn chứng tỏ cho người khác sự tài giỏi của chúng. Tháng 10 năm đó, Jason tự thú nhận tội ác với Jim Morel. Jim sững sờ và cuối cùng đến đồn cảnh sát, tình nguyện đeo máy ghi âm để ghi lại lời thú tội được kể lại một lần nữa. Jason không những nói lại mọi chuyện mà còn chỉ cho Jim nơi bọn chúng giấu tang vật của vụ án. Hắn kể lại rằng cụ bà Marina đã gào thét van xin

Anthony cứu bà trong suốt quãng thời gian bị đánh đập.

Ba gã thanh niên trẻ tuổi bị bắt và bị buộc tội giết người có chủ đích (first-degree murder). Tom cáo buộc Jason là kẻ giết người, nhưng Jason nói rằng hắn chỉ chứng kiến vụ việc. Để đổi lấy 10 năm tù cho tội ngộ sát (manslaughter), Jason đã miêu tả quá trình diễn ra vụ án. Những vệt cào trên mặt Tom là bằng chứng chỉ ra hắn là kẻ đã vật lộn với nạn nhân đêm đó. Ngoài ra, bằng chứng cũng được tìm thấy trong móng tay nạn nhân. Xét nghiệm DNA có một sự tương thích với Tom, và loại trừ những tên còn lại. Jason khai ra Tom và Anthony đã cùng nhau lên kế hoạch, còn hắn chỉ giúp đỡ dàn dựng hiện trường 'vụ tai nạn'.

Tom Lally bị kết tội và nhận án chung thân. Anthony Calabro sau đó nhận tội và lĩnh bản án dành cho tội ngộ sát (second-degree murder). Hắn nhận hình phạt cả đời nhưng có khả năng được tha bổng sau 12 năm.

Đây là một trong những trường hợp mà tội phạm dường như lấy cảm hứng từ hoặc được tiến hành theo những thông tin thu thập được từ hàng loạt chương trình

về tội phạm trên truyền hình. Cho đến năm 2005, các luật sư đã gọi đây là "Hiệu ứng C.S.I." và giới truyền thông đã nhanh chóng nắm bắt được chúng. Giờ đây, các tranh luận về hiện tượng này có thể được tìm thấy trên các tạp chí khoa học, tại các cuộc hội thảo pháp y, và tại các cuộc gặp gỡ, cuộc họp của các chuyên gia trong hệ thống tư pháp. Nhưng nó là gì? Hãy đón đọc trong những phần tiếp theo.

Tâm Lý Hung Thủ Giết Người

Trong nhiều vụ án giết người, cảnh sát thúc thủ không tìm ra manh mối. Tuy nhiên hành vi phạm tội dù bí ẩn đến mấy cũng có quy luật. Cuối thập niên 1990, tổ khoa học hành vi thuộc Cục điều tra Liên bang Mỹ (FBI) đã hệ thống được mô thức hành vi phạm tội để từ đó nâng cao khả năng phá án.

Tội phạm bạo lực có thể chia thành hai loại. Một loại là tội phạm hành động có kịch bản rõ ràng, bố trí kế hoạch thực hiện cụ thể và chi tiết. Hung thủ có đầu óc tỉnh táo, ra tay rất lợi hại. Loại này được mệnh danh là tội phạm bạo lực có tổ chức. Hai là loại tội phạm hành động tùy hứng, nghĩ gì làm đó, không cần chuẩn bị trước. Các nhà chuyên môn gọi chúng là tội phạm bạo lực và vô tổ chức.

Thực tế, ngoài hai loại tội phạm bạo lực nói trên, các

chuyên gia tâm lý hình sự còn dùng một tên gọi riêng cho đối tượng thứ ba. Đó là tội phạm hỗn hợp. Điều này cho thấy việc phân loại tội phạm chỉ mang tính tương đối.

Thông thường có 4 giai đoạn trong quá trình phạm tội. Trong giai đoạn đầu, người phá án phải suy nghĩ về những sự việc trước khi hung thủ ra tay hành động. Tiếp theo là giai đoạn chính thức phạm tội. Người phá án phải trả lời câu hỏi vì sao hung thủ chọn đối tượng và hành vi phạm tội này. Ngoài hành vi sát hại, hung thủ có thể lăng nhục, cưỡng dâm hay thực hiện những hành vi nào khác không. Ba là giai đoạn hung thủ xử lý thi thể nạn nhân và bốn là giai đoạn hậu kỳ. Lúc này có hung thủ cao bay xa chạy, có tên vẫn có mặt ở hiện trường, xuất hiện trong tang lễ hoặc nơi huyệt mộ nạn nhân.

Hung thủ phạm tội có ý thức tổ chức

Đối tượng này rất nguy hiểm, thường chọn nạn nhân là người xa lạ, có những đặt trưng phù hợp với ý nghĩ của chúng về tuổi tác, ngoại hình, nghề nghiệp, kiểu tóc và các hình thức sinh hoạt. Chẳng hạn có hung thủ

thường chọn nạn nhân đi một mình hoặc cô gái đi cùng xe với bạn trai. Địa điểm chúng chọn để ra tay thường là bãi đậu xe và dùng mưu kế để khống chế nạn nhân. Loại tội phạm này rất thông minh, đủ khả năng chiêu dụ con mồi theo chúng đến địa điểm thuận lợi. Hung thủ luôn hành động theo kịch bản có sẵn. Nạn nhân lọt vào ổ phục kích của chúng rất tự nhiên, thời gian tiến hành vụ án rất hoàn hảo. Trong quá trình phạm tội, hung thủ dự liệu sẵn các tình huống bất trắc nên khi gặp trở ngại, chúng phản ứng rất nhanh. Năng lực thích ứng và linh hoạt là đặc trưng cơ bản của bọn tội phạm bạo lực có tổ chức. Hơn nữa, chúng còn rút kinh nghiệm để lần sau gây án hoàn hảo hơn.

Do đó khi nghiên cứu những vụ án giết người liên tục và có liên quan nhau, cảnh sát phải nỗ lực nghiên cứu vụ án đầu tiên. Đó là đầu mối để truy tìm hung thủ nhanh chóng nhất. "Cải tiến" kỹ thuật giết người là một thao tác cần thiết của bọn tội phạm có ý thức. Khi bị bắt, hung thủ John Lucy khai nhận đã thực hiện 6 vụ hãm hiếp. Lúc đầu, hắn chỉ tấn công nạn nhân tại các chung cư. Sau đó bản lĩnh hơn, hắn khống chế một phụ nữ ở bãi

đậu xe, đưa về nhà nạn nhân và thực hiện hành vi cưỡng dâm. Cuối cùng, hắn mở rộng địa bàn hoạt động đến nhiều bang của Mỹ để gây án.

Càng về sau những vụ án do hắn gây nên càng để lại dấu vết rất ít. Một khi tin tưởng vào bản lĩnh thượng thừa của mình, hắn muốn thách thức cảnh sát bằng cách ra tay với một cô gái ở gần nơi hắn cư trú. Nhờ thế cảnh sát mới tóm được hắn. Về phương diện bạo lực, trình độ của hắn càng lúc càng siêu. Trong ba vụ án đầu, hắn sát hại nạn nhân sau khi cưỡng dâm. Nhưng hai lần sau hắn giết ngay khi vừa bắt cóc. Làm như vậy, hắn có ý định đánh lừa cảnh sát, gieo cho cơ quan điều tra có ý nghĩ có nhiều hung thủ khác nhau gây án.

Tâm điện cảm ứng

Người mắc chứng phân liệt tinh thần thường thu nhận thông tin từ nhiều nguồn, sau đó tự tổng hợp vào một trung tâm. Từ trung tâm này, các thông tin sẽ mang ý nghĩa đặt thù với người bệnh và sai khiến hành động. Vì vậy, hành vi gây án của người phân liệt tinh thần được xếp vào loại tội phạm vô tổ chức.

Trước đây, Mulin từng đọc qua tin tức nói về các vụ động đất ở bang California và những dự báo tổn thất. Từ đó, Mulin nghĩ rằng trong tương lai, hiện tượng này sẽ tái diễn và ý nghĩ đó hằn sâu trong bộ não. Một ý tưởng kỳ quái trỗi dậy trong đầu hắn rằng California sẽ bị một cơn địa chấn khủng khiếp và chìm xuống Thái Bình Dương trừ phi có thật nhiều máu tươi tế lễ trời đất. Đặc biệt sau cú sốc cha chết, Mulin nghĩ rằng người quá cố đã sử dụng tâm điện cảm ứng để ra lệnh cho hắn cướp đi sinh mạng người khác. Đó là nguyên do giết người hàng loạt của tên tội phạm vô tổ chức Mulin.

Chuyên gia tâm lý tội phạm học K. Ressler nhấn mạnh: "Chúng tôi phát hiện trước khi phạm tội, các phần tử tội phạm bạo lực vô ý thức thường có những hành vi chống lại xã hội một cách vô tự chủ. Đó là mô thức tội phạm của Mulin. Có thể nói hắn không hòa nhập vào quỹ đạo vận hành của xã hội Mỹ. Bất kỳ trong lĩnh vực nào hắn cũng bị từ chối".

Những nạn nhân của tâm điện cảm ứng điên rồ

Những vụ gây án đầu tiên của Mulin khiến cảnh sát

phải điên đầu vì trong hàng loạt vụ giết người, họ không tìm thấy mối liên hệ nào cả. Hung thủ sử dụng các loại hung khí gây án, và về phía các nạn nhân, các yếu tố về tuổi tác, giới tính, tình huống bị sát hại cũng khác nhau.

Nạn nhân đầu tiên của Mulin là người đàn ông 55 tuổi bị sát hại sau khi đi nhờ xe của Mulin, vào tháng 2/1972. Trên đường cao tốc, hắn phát hiện người đàn ông này và cố ý lái xe theo cho quá giang. Sau khi dùng gậy hạ sát nạn nhân, hắn chở tử thi ném vào bụi cỏ ven đường. Hôm sau, thi thể nạn nhân bị phát hiện. Hành vi này cho thấy Mulin thuộc dạng tội phạm hỗn hợp giữa vô tổ chức và có tổ chức.

Hai tuần tiếp theo, Mulin lại ra tay trên đường cao tốc, lần này nạn nhân là một cô gái. Còn hung khí là dao chứ không phải là gậy. Do hai cái chết hoàn toàn khác nhau, lúc đầu cảnh sát không thấy có mối liên hệ nào về hung thủ. Sau đó, Mulin tìm đến một giáo đường để xưng tội và giết chết người này. Tháng 1/1973 hắn tiếp tục dùng súng giết một phụ nữ, và con dâu của bà ta. Cảnh sát cho rằng 3 cái chết này do một hung thủ gây nên. Nhưng hoàn toàn không tìm thấy mối liên quan đến

cái chết của vị linh mục và hai nạn nhân khác trên đường cao tốc.

Một tháng sau, Mulin đến một khu rừng ven đường có 4 thanh niên đang cắm trại. Hắn tự xưng là chủ nhân của khu vực này và đuổi họ đi để khỏi "làm ô nhiễm môi trường". Không ngờ đám thanh niên phản ứng lại vì cho rằng đây là nơi cắm trại hợp pháp. Mulin im lặng và rút lui. Một thời gian sau, hắn xuất hiện và sát hại cả 4 người. Các vụ giết người của Mulin chỉ được khám phá khi hắn ra tay ở công viên với một nhà doanh nghiệp. Trên đường chạy xe, hắn quan sát thấy đối tượng nên quay xe nổ súng và bị bắt giữ. Trả lời câu hỏi của chuyên gia Ressler, Mulin thản nhiên bảo: "Tôi phạm tội để cứu hành tinh. Tất cả do mệnh của cha tôi truyền tới bằng tâm điện cảm ứng".

Cảnh Sát Phân Tích Tâm Lý Tội Phạm - Lực Lượng Đặc Biệt Của Cảnh Sát

"Tâm lý học hành vi" là thuật ngữ được Mỹ đề cập đến lần đầu tiên từ những năm 60 của thế kỷ trước và đến bây giờ, một số quốc gia đã sử dụng các chuyên gia phân tích tâm lý như bộ phận không thể thiếu trong chiến thuật điều tra hình sự. Ở Pháp, đây được coi là lực lượng cảnh sát đặc biệt, xử lý khoảng 40 vụ án khó mỗi năm.

Luôn đặt mình vào tâm trí của kẻ giết người

Một người đàn ông bị phát hiện trong tình trạng đã tắt thở, trên cơ thể có một chai rượu whisky; một người đàn ông 70 tuổi bị sát hại, có dấu vết tác động của ngoại lực ở lưỡi và tim; một nhân viên bảo vệ bị đâm hàng chục nhát dao trên cơ thể mà chưa rõ thủ phạm... Đây là những tình huống giả định của một khóa đào tạo đặc biệt

dành cho 7 nhân viên phân tích tâm lý tội phạm tại trụ sở chính ở ngoại ô Paris. Khi một vụ giết người đặc biệt kỳ lạ bị phát hiện, ba người trong số họ sẽ đến hiện trường vụ án càng sớm càng tốt. Họ làm việc nhanh chóng và lặng lẽ, tránh bị ảnh hưởng bởi các điều tra viên. Nhiệm vụ của các nhà phân tích tâm lý tội phạm là phải tự đặt mình vào tâm trí của kẻ giết người để đưa ra những suy đoán logic.

Sự khác biệt chính giữa các nhà điều tra truyền thống và nhà phân tích hành vi khi đến hiện trường vụ án là đối tượng mà họ tìm kiếm. Trong khi các nhà điều tra tập trung tìm kiếm manh mối, bất kỳ dấu vết nào của đối tượng mà họ nghi ngờ thì cảnh sát phân tích tâm lý lại cố gắng để phát hiện những biểu hiện của hành vi và tìm kiếm thông tin liên quan đến cá nhân đối tượng.

"Chúng tôi giúp các nhà điều tra tìm thấy những hành vi không phù hợp với biểu hiện hình sự", Marie-Laure Brunel-Dupin, 37 tuổi, người sáng lập và hiện đang phụ trách bộ phận điều tra tâm lý tội phạm giải thích. "Chúng tôi thực hiện những hành động theo quan sát của nhà điều tra nhưng theo tư duy của tội phạm. Các nhà điều

tra truyền thống phân tích hành vi tội phạm còn chúng tôi mang đến những câu hỏi mới".

Sau khi quan sát, thu thập thông tin từ hiện trường, các nhà phân tích nhanh chóng trở lại trụ sở làm việc, nhập tất cả các thông tin lên một bảng tính đã thiết lập với bác sĩ chuyên khoa thần kinh. Hệ thống phân tích tội phạm được chia làm ba giai đoạn trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Sau đó, bản phân tích này được gửi đến các nhà điều tra trong vòng từ 24 đến 48 giờ, giúp các nhà điều tra thu hẹp số lượng đối tượng nghi vấn.

Chuyên án "nóng", "khó" và nhiều bí ẩn

Lực lượng cảnh sát phân tích tâm lý tội phạm ra đời năm 2002, gồm 7 cán bộ, thuộc bộ phận điều tra hình sự của cảnh sát Pháp. Có 4 nhà phân tích hành vi, tất cả đều là phụ nữ, có bằng luật học và tâm lý học cùng bốn nhà điều tra khác. Đây là đơn vị phân tích tâm lý tội phạm duy nhất ở Pháp và đơn vị này xử lý khoảng 40 vụ án hình sự rất "bí ẩn" và "khó" mỗi năm.

Marie-Laure Brunel-Dupin kể lại vụ án bắt cóc "ly kỳ" đã xảy ra vào năm 2005. Sau khi vụ án xảy ra, manh mối mà các nhà điều tra thu được tại hiện trượng là một mẩu thuốc lá. Đó là buổi chiều chủ nhật, một người đàn ông lảng vảng xung quanh hai cô bé đang chơi ở bãi đậu xe. Bất thình lình, người đàn ông chạy về phía hai đứa trẻ, bế thốc đứa bé 6 tuổi, đưa lên xe và chạy mất.

Một nhân chứng nói với điều tra viên rằng, ông đã nhìn thấy người đàn ông hút thuốc ngay trước khi phạm tội. Với các nhà điều tra, mẩu thuốc lá phải được thu thập để tìm kiếm dấu vân tay và nhãn hiệu thuốc cũng là manh mối quan trọng để điều tra. "Đối với chúng tôi, đó là một "mỏ" thông tin tâm lý", Marie-Laure Brunel-Dupin nói. "Cách ông hút thuốc ngay trước khi hành động cho thấy sự căng thẳng và "kinh nghiệm" thực hiện tội phạm của người đàn ông.

Trên thực tế, thủ phạm mới hút được vài hơi trước khi chạy về phía hai đứa trẻ. Các nhân chứng cũng đã nhận thấy, vài ngày trước đó, người đàn ông này đã lái xe lòng vòng quanh khu phố. Từ tất cả những thông tin đó, chúng tôi có thể phác thảo sơ bộ về chân dung thủ

phạm: Đó là một người hoạt động "nghiệp dư", mới đến sống ở khu vực và đã theo dõi, tìm kiếm những đứa trẻ hay chơi một mình hoặc nhóm nhỏ. Điếu thuốc lá hầu như còn nguyên cho thấy, ông ta đã rất căng thẳng", Marie-Laure Brunel-Dupin giải thích.

Một phụ nữ bị sát hại tại thành phố miền đông nước Pháp vào năm 2007. Hiện trường vụ án cho thấy, người phụ nữ đã bị bóp cổ, phần đầu đựng trong một túi nhựa mờ, có hai ly nước trong phòng khách, không có dấu vết bị tấn công tình dục ngoại trừ cúc đầu tiên của chiếc quần jean mà nạn nhân mặc chưa được cài lại. Trong khi các nhà điều tra loại trừ khả năng nạn nhân bị tấn công tình dục thì các nhà phân tích tâm lý tội phạm dựa vào hiện trường, biểu hiện trên khuôn mặt nạn nhân đưa ra giả thuyết về hành vi hiếp dâm chưa thành. Và trên thực tế, đó là một vụ tấn công tình dục chưa thành, sau đó thủ phạm giết chết nạn nhân.

Đây chỉ là một trong rất nhiều vụ án mà lực lượng cảnh sát phân tích tâm lý tội phạm thực hiện. "Kết quả phân tích hành vi chỉ là để hỗ trợ điều tra. Công việc của chúng tôi chỉ đơn thuần là đưa ra một hồ sơ tâm lý,

không phải để xác định một nghi phạm", Marie-Laure Brunel-Dupin khiêm tốn nói

Tâm Lý Học Tội Phạm: Tội Ác Phát Sinh Từ Đâu?

Tại sao tội ác lại tồn tại? Điều gì đã gây ra những hành động bạo lực kinh hoàng đó?

Ngày 21/5/1998, Kipland Kinkel, 15 tuổi, học sinh trường Trung Học Springfield, tiểu bang Oregon, đã giết hại bố mẹ đẻ, rồi đến trường với khẩu súng trường bán tự động. Hắn đã bắn chết và bị thương 10 người khác trước khi bị bắt. Đêm 25/5/ 2002, 2 người đàn ông bước vào hiệu ăn Wendy, New York với những khẩu súng ngắn. Chúng bắt tất cả nhân viên trong quán nằm úp mặt xuống sàn và bắn thẳng vào đầu những người vô tội không tấc sắt trong tay, 5 người trong số họ đã chết ngay tại chỗ, 2 tên sát nhân đã bị bắt sau đó vài ngày và lĩnh án tử hình. Tổng số tiền chúng cướp được chỉ vỏn vẹn 2.000 đô la.

Ngày nay, những sự kiện tương tự không khó kiếm

trên các mặt báo. Chúng gây sự quan tâm đặc biệt của công chúng. Người ta thường đặt câu hỏi: "Tại sao tội ác lại tồn tại? Điều gì đã gây ra những hành động bạo lực kinh hoàng đó?"

Trong suốt quá trình phát triển của loài người, các nhà xã hội học, nhà nghiên cứu, nhà tâm lý học vẫn không ngừng trăn trở để trả lời những câu hỏi trên. Đã xuất hiện vô vàn những học thuyết về tội ác song thực sự có giá trị thì không nhiều, thậm chí không ít trong số đó mang đậm chất mê tín, duy cảm và bịp bợm.

Những nghiên cứu ban đầu

Năm 1764, giáo sư người Ý, Cesare Beccaria (1738 - 1794) đã viết một cuốn sách nhan đề "Những tiểu luận về tội ác và trừng phạt". Những kiến giải của ông trong cuốn sách mang tính cách mạng trong ngành tội phạm học. Nó hoàn toàn xa lạ với những học thuyết về tội ác đã ra đời trước đó. Ông cho rằng con người là sinh vật có lý trí và như vậy hành vi của con người là kết quả của một quá trình suy luận logic. Hành vi phạm tội đương nhiên cũng tuân theo quy luật trên. Trên cơ sở

đó, ông khẳng định trừng phạt là không bao giờ thừa đối với những kẻ phạm tội, song những biện pháp trừng phạt đó nên được công bố từ trước để những kẻ phạm tội biết chính xác được những gì chúng sẽ phải nhận khi gây tội ác. Nối tiếp tư tưởng của Beccaria là triết gia người Anh Jeremy Bentham (1748 - 1832). Ông đề ra thuyết phép tính khoái lạc.

Theo ông, con người phạm tội bởi họ cho rằng lợi ích mà họ thu được từ hành động phạm tội lớn hơn những gì họ sẽ phải gánh chịu sau này. Ông cũng đề cao hình phạt và cho rằng cần đưa ra những khung hình phạt sao cho người dân thấy được hành động phạm tội của họ không đáng so với cái giá phải trả.

Trong suốt thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, các nhà khoa học đều quy kết yếu tố di truyền chính là căn nguyên của tội ác. Nhiều người cho rằng hành vi phạm tội có liên hệ mật thiết tới các đặc điểm sinh lý của cơ thể. Franz Gall (1758 - 1828) là người đầu tiên trình bày luận điểm này bằng phương pháp khoa học. Ông tin rằng hình dạng của bộ não và hộp sọ có thể cho biết tính cách cũng như quá trình phát triển tâm lý của một

người. Theo lý thuyêùt của Gall, trên đầu một người có từ 27 đến 38 khu vực có liên hệ tới những tính cách như hung hăng, thù hận, dối trá hay ham bạo lực... Nếu những vùng đó phát triển hơn mức bình thường, người đó sẽ có xu hướng biểu lộ tính cách mà nó đặc trưng. Ông cũng cho rằng những tên tội phạm có thể đã phải chịu những thương tổn về não gây ra sự phát triển thái quá của những tính cách như hiếu chiến hoặc ưa chống đối. Những thương tổn này có thể xuất phát từ các yếu tố bên ngoài như nghiện rượu, thủ dâm, bị hôn mê nhiều lần, học quá nhiều khi còn nhỏ tuổi hoặc quá sùng đạo. Ông gọi môn khoa học mới này là não tướng học. Gần như ngay lập tức, học thuyết của Gall được hoan nghênh nhiệt liệt. Người ta ca tụng và truyền bá nó từ châu Mỹ tới châu Âu. Thậm chí não tướng học còn được sử dụng tại các phiên tòa như một phương thức luận tội. Người ta đề cao nó như một môn nghệ thuật, một phương thuốc, một môn khoa học chính trị. Ngay cả Thomas Edison, nhà phát minh vĩ đại người Mỹ cũng đã từng tin vào não tướng học. Ông đã phát biểu: "Tôi không hề biết mình có năng lực sáng tạo cho đến khi não tướng học cho tôi biết điều đó. Tôi đã trở thành một con người khác kể từ

ngày hôm đó". Tuy nhiên không bao lâu sau., từ vị trí một "môn khoa học mới", não tướng học đã bị xem như một thủ đoạn của bọn lang băm và nhanh chóng biến mất khỏi đời sống xã hội. Khắp nơi xuất hiện những kẻ lừa đảo. Chúng sử dụng não tướng học như một công cụ để kiếm tiền. Thậm chí tại các rạp hát hay hội chợ còn xuất hiện những chiếc máy kỳ quặc. Người ta chụp lên đầu khách hàng một chiếc mũ bằng kim loại, sau đó máy sẽ tự động đưa ra những kiến giải về tính cách của họ. Một chiếc máy như thế hiện vẫn được lưu giữ tại Viện bảo tàng các thiết bị y tế đáng ngờ ở Minneapolis, Mỹ. Cho đến giữa những năm 1930, nhiều nhà khoa học đồng loạt lên tiếng phản bác lý thuyết của Gall. Họ cho rằng não tướng học đã không tính đến việc các mô não mềm có thể gây ra sự lồi lõm trên hộp sọ. Thêm nữa, mỗi nhà não tướng học lại đưa ra một bản đồ rất khác nhau về các vùng trên hộp sọ thể hiện những tính cách riêng biệt. Kết luận cuối cùng là không có bằng chứng khoa học cho lý thuyết của Franz Gall.

Có chăng những tên tội phạm bẩm sinh?

Bất chấp sự thất bại của não tướng học, một số nhà

nghiên cứu trong đó có Cesare Lombroso vẫn tiếp tục duy trì ý tưởng về mối liên hệ giữa tội ác và các đặc điểm sinh lý cơ thể. Lombroso đề xuất một lý thuyết gọi là "thuyết lại giống". Theo đo,ù ông xem tội phạm là thế hệ con cháu của những gia đình có hiện tượng thoái hóa giống - một dạng người không theo kịp quá trình tiến hóa thành con người hiện đại. Tuy nhiên, lý thuyết của Lombroso còn bộc lộ những thiếu sót nhanh hơn cả não tướng học. Charles Goring, một bác sĩ người Anh đã khai tử học thuyết về "những tên tội phạm bẩm sinh" của Lombroso khi ông tiến hành một nghiên cứu vào năm 1913. Goring so sánh đặc điểm sinh lý của hàng ngàn tù nhân trên khắp nước Anh với những người lính thuộc lực lượng công binh hoàng gia. Kết quả cho thấy không có điểm khác biệt quan trọng giữa hai nhóm người nầy.

Những tưởng sau Lomboso sẽ chấm dứt những nghiên cứu về gen "tội phạm". Nhưng một loạt nghiên cứu mới về ý tưởng này vẫn ra đời sau đó mà điển hình là "gia đình Kallikak" của nhà tâm lý học Henry Goddard. Ông nghiên cứu hai nhánh phả hệ thuộc dòng họ Kallikak. Một bắt đầu từ Martin Kallikak và một người

hầu gái có trí óc không bình thường. Nhánh này có 480 con cháu, trong đó hơn một nửa là tội phạm hoặc có hành vi lầm đường lạc lối. Nhánh thứ hai, cũng xuất phát từ Martin Kallikak nhưng với phụ nữ hoàn toàn bình thường. Nhánh này co 496 con cháu, trong đó không ai trở thành tội phạm. Từ những nghiên cứu - mà người đời cho là hư cấu - Goddard khẳng định con người có thể kiểm soát hành vi phạm tội bằng cách cải thiện chất lượng gen (giữ lại những gen tốt và loại bỏ những gen xấu). Thế là ông ta cho ra đời một khái niệm mới: thuyết ưu sinh. Hàng loạt những nghiên cứu điên rồ dựa trên thuyết ưu sinh đã được tiến hành ngay sau đó. Trong vòng 15 năm, có tới hàng ngàn công dân Mỹ bị thiến để ngăn chặn cái gọi là "sự tái sinh" của gen tội phạm. Sự thể còn tai hại hơn khi trùm phát xít Hitler lên nắm quyền ở Đức và ý tưởng của Goddard được hắn đặc biệt chú ý. Một cuộc thanh lọc chủng tộc quy mô lớn lại bắt đầu trên đất Đức. Lần này, nạn nhân không chỉ là tội phạm hay người chậm phát triển trí tuệ mà còn là những người tàn tật, người mắc bệnh tâm thần, bệnh xã hội, người nghiện... Tất cả bọn họ bị giết, bị thiến cốt tạo ra dòng giống Aryan thuần chủng nhằm phục vụ cho mục đích

thống trị thế giới của tên đao phủ tàn bạo nhất trong thế kỷ 20.

Những tổn thương ở não

Khoa học đã chứng minh những chấn thương nặng trên các phần của cơ thể đặc biệt là ở bộ não có thể gây ra những xáo trộn tâm lý cho nạn nhân. Tuy nhiên, mức độ thay đổi tính cách là rất khác nhau ở mỗi người. Lịch sử tội phạm đã ghi lại không ít những người vốn rất bình thường nhưng sau khi bị những thương tổn ở não đã trở thành những tên tội phạm tàn bạo. Trong chuyến vượt biển đến Mỹ năm 1945, Raymond Fernandez đã bị cánh cửa hầm tàu đập rất mạnh vào đầu. Anh ta bị chấn thương rất nặng và rơi vào tình trạng hôn mê trong vòng một tuần. Khi tỉnh lại, bạn bè vô cùng ngạc nhiên trước sự thay đổi tính cách của Fernandez. Từ một người hiền lành, nhã nhặn, khiêm tốn, anh ta sớm biến thành một kẻ ưa tranh cãi, rất dễ nổi giận và đôi khi không kiểm soát được hành vi của mình. Trong những năm tiếp theo, Fernandez đã cùng bạn gái giết hại 17 phụ nữ trên đất Mỹ. Ngày 1/8/1996, Charles Whitman, 24 tuổi, cựu lính thủy quân lục chiến, trèo trên đỉnh đài thiên văn cao 94m

của Trường đại học tổng hợp Texas. Trong vòng 2 giờ đồng hồ sau đó, hắn đã sử dụng súng bắn tỉa bắn hạ 18 người và làm bị thương 30 người khác. Trước đó một ngày, hắn để lại một lá thư yêu cầu được mổ tử thi để xem cái gì đã đẩy hắn vào tình trạng rối loạn tâm thần. Đúng theo sở nguyện của hắn, người ta đã thực hiện ca giải phẫu. Các bác sĩ phát hiện ra Whitman có một khối u lớn trong não. Tuy nhiên, không ai có thể chứng minh liệu khối u đó có phải là nguyên nhân dẫn đến hành động điên rồ của hắn hay không.

Trên thực tế, lời bào chữa "phạm tội do bị chấn thương ở đầu" ít khi có giá trị. Nhưng mắc bệnh tâm thần lại là lý lẽ hàng đầu trong hơn 2 thế kỷ qua trong việc giải thích hành vị tội ác tại các phiên tòa. Trước hết cần khẳng định, hầu hết những bệnh nhân tâm thần phân liệt hoặc rối loạn đa nhân cách. Đa số người bệnh tâm thần đều có cuộc sống bình thường và không hề phạm bất kỳ tội ác nào cho dù họ có thể hay giận dữ, đập phá... Một vài lý thuyết tâm lý học cho rằng tội ác là kết quả của thiểu năng nhân cách. Thiểu năng nhân cách có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, từ việc học tập quá

sức đến những tổn thương tâm lý từ thuở nhỏ... Khi tiến hành nghiên cứu ở những tên giết người hàng loạt khét tiếng như Ted Bundy hay Jeffrey Dahmer, người ta phát hiện thấy đa số chúng đều phải chịu những biến cố tâm lý từ lúc nhỏ với nhiều dạng và cấp độ khác nhau. Chúng đều là những kẻ tâm thần mang những nhân cách chống xã hội. Chúng không thể biết mình bị thiểu năng và luôn cảm thấy bị xã hội quấy rầy. Mức độ của những ám ảnh vô hình ngày càng tăng và đến một thời điểm nhất định kẻ mắc bệnh sẽ có những hành động mang tính bạo lực nhằm giải tỏa sự ức chế đó. Đáng tiếc, ranh giới giữa bệnh nhân tâm thần và tội phạm tâm thần thật khó nhận ra nên một số kẻ đã sử dụng nó như một lá chắn để biện minh cho hành động tội lỗi của mình.

Tội phạm là một sản phẩm của xã hội

Cha đẻ của môn xã hội học Emile Durkheim (1858 - 1917) là người đặc biệt quan tâm đến những nghiên cứu về tội ác và vai trò của nó trong xã hội. Ông đã đưa ra một ý tưởng có ảnh hưởng đến nhiều thế hệ các nhà xã hội học. Đó là cấu trúc xã hội đã tác động thế nào đến hành vi của con người. Durkheim cho rằng tội ác là hành

vi tự nhiên được cấu thành từ nhiều yếu tố. Những yếu tố này hình thành do nhiều ảnh hưởng khác nhau từ xã hội. Ông tin rằng xã hội chính là tác nhân chủ yếu đứng đằng sau các hành vi phạm tội. Lý thuyết này của ông đã tỏ ra có lý trong cuộc Đại suy thoái (1920 - 1930) của nước Mỹ. Khi đó, tình trạng thất nghiệp tràn lan, nghèo đói, nỗi thất vọng làm biến đổi tâm hồn người Mỹ. Các ngân hàng, tập đoàn kinh tế và các cơ quan chính phủ trở thành kẻ thù của công chúng. Thậm chí những tên tội phạm khét tiếng tàn ác thời đó như John Dillinger, Bonnie và Clyde, hay Pretty Boy Floyd lại được công chúng xem như những người anh hùng. Họ coi chúng như những kẻ ngoài vòng pháp lật nổi dậy chống lại những bất công trong xã hội. Robert Merton, một môn đệ của Durkheim giải thích chi tiết hơn, ông khẳng định hành vi phạm tội không bắt nguồn từ sự xốc nổi nhất thời mà là cách thức hành sử đã được xã hội tạo ra trong một khoảng thời gian nhất định. Xã hội thường đưa ra những mục tiêu và phần thưởng như nhau tới tất cả các thành viên. Song mỗi cá nhân sẽ có những cách thức và cơ hội khác nhau để đạt tới những mục tiêu đó. Con người phạm tội khi họ cảm thấy mình đã bị "lừa mất" cái

mà đáng ra thuộc về họ.

Tuy nhiên lý thuyết của Robert Merton lại không thể giải thích được nguyên nhân phạm tội của dạng tội phạm cổ cồn trắng. Lúc này những kẻ phạm tội lại là những người giàu có, được giáo dục tốt và nói chung nhận được rất nhiều phần thưởng từ xã hội. Không thể nói những người này đã bị "lừa". Điển hình của dạng tội phạm này là một trong những vụ lừa đảo và gian lận chứng khoán lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ ở tập đoàn năng lượng Enron. Trong khi hàng ngàn cổ đông bị thiệt hại nặng nề, hàng ngàn người mất việc, các quỹ lương hưu trí bị bay hơi thì một thành viên hội đồng quản trị vẫn thản nhiên xây dựng một khu biệt thự trị giá 37 triệu đô la tại Florida. Tại sao những triệu phú, tỉ phú được bao bọc bởi giàu sang lại dấn sâu vào tội ác trong khi cuộc sống của họ vốn đã là điều mơ ước của đa số người Mỹ? Nhà xã hội học Edwin Sutherland cho rằng con người sẽ học được thủ đoạn phạm tội lần đầu tiên thông qua những tác động qua lại với những nhóm người khác sống cùng môi trường như họ. Không những thế, sau đó họ còn tự phát triển và tìm cách hợp lý hóa

phương thức phạm tội bằng những lý do theo kiểu có học. Những người thuộc tầng lớp cao trong xã hội Mỹ cho rằng "tội ác thực sự" là một khái niệm thuộc về một tầng lớp khác. Tội phạm cổ cồn trắng xem các hành vi phạm tội của họ đơn giản là "làm ăn" hoặc "kiếm lợi nhuận"... Động cơ của họ được bào chữa bằng những luận điểm đại loại như "mọi người đều làm như vậy". Họ không hề biết hành vi phạm tội của họ có thể ảnh hưởng đến hàng ngàn người. Thậm chí, ảnh hưởng của nó đến xã hội còn lớn hơn nhiều hành vi tàn bạo của một tên giết người hàng loạt. Người ta cho rằng tội phạm cổ cồn trắng thường phải chịu áp lực trong việc duy trì lối sống xa hoa của họ. Chính điều này là nguyên nhân dẫn đến sự phạm tội. Một số chính khách lại cho rằng họ chỉ đơn thuần cố gắng theo đuổi hình ảnh méo mó của giấc mơ Mỹ: phải giành lấy sự giàu có bằng mọi giá, kể cả phạm tội.

Sư liên quan của các phương tiện truyền thông

Alfred Hitchcock, ông vua phim kinh dị Hollywood, từng tuyên bố: "Truyền hình đã mang những vụ án mạng trở lại các gia đình - nơi đã sản sinh ra nó". Ngày nay, tại

nước Mỹ, 98% gia đình có ít nhất một chiếc tivi trong nhà, nhiều hơn cả điện thoại và bồn tắm. Cho đến khi một đứa trẻ Mỹ được 12 tuổi, trung bình nó đã phải xem trên 8.000 vụ án mạng trên truyền hình. Điều đặc biệt là các chương trình dành riêng cho trẻ em lại chứa nhiều cảnh bạo lực tồi tệ nhất. Một nghiên cứu của trường Đại học Pennsylvania phát giác các chương trình dành cho trẻ em có trung bình 32 cảnh bạo lực trong một giờ, 74% các chương trình truyền hình sáng thứ bảy có chứa những cảnh bạo lực. Trong vòng hơn 50 năm qua, người ta đã tiến hành nhiều nghiên cứu về mối liên hệ giữa tội ác, và truyền hình. Đa số các nghiên cứu đều khẳng định xem quá nhiều các hình ảnh bạo lực chính là kích thích bạo lực. Một khảo sát trên 208 tù nhân cho biết: có 9 trên 10 tên thừa nhận chúng đã học được các mánh khóe phạm tội qua các chương trình tội phạm trên truyền hình: 4 trên 10 tên trả lời chúng đã thực hiện y chang một tội ác đã nhìn thấy trên truyền hình. Trong các sản phẩm truyền hình thì những bộ phim bị chỉ trích nặng nề nhất như bộ phim từng được trao giải Oscar của Viện Hàn Lâm Khoa Học Điện Ảnh Mỹ: Người Săn Hươu (1972) bị kết luận là có liên quan đến 43 cái chết trong

những hoàn cảnh tương tự trong phim. Thêm một điều đáng lo ngại bởi người dân dường như không mấy chú ý đến hiệu ứng xấu của truyền hình. Chỉ có 57% số người được hỏi cho rằng những hình ảnh bạo lực trên các phương tiện truyền thông là tác nhân quan trọng trong các cảnh bạo lực trong đời thực.

Thức ăn cũng có thể gây ra tội ác

Yếu tố dinh dưỡng cũng bị tình nghi gây ra những hậu quả không thể lường trước được đối với bộ não của con người. Nghiên cứu sớm nhất về mối liên hệ giữa ăn kiêng và hành vi của con người đã được thực hiện từ năm 1943. Nghiên cứu khẳng định lượng đường thấp trong máu sẽ làm giảm khả năng đưa ra những quyết định có lý trí. Những năm gần đây, tác nhân thực phẩm lại được sử dụng để giải nghĩa hành vi phạm tội. Xu hướng này được thể hiện qua một phiên tòa tại San Francisco năm 1978. Luật sư của bị cáo phạm tội giết người cho rằng anh ta mắc chứng bệnh tâm thần bởi ăn quá nhiều quà vặt. Lời bào chữa này nghe qua thật khôi hài nhưng khoa học đã chứng minh một số rối loạn tâm lý có thể phát sinh do cơ thể phản ứng lại một loại thực

phẩm hoặc các chất phụ gia nhân tạo có trong loại thực phẩm đó. Một nghiên cứu tại Ý năm 1969 cho thấy những trẻ ăn quá nhiều món mì ống và bánh mì đã bị giảm trí nhớ và sự tập trung. Nghiên cứu cũng đề xuất việc điều chỉnh chế độ ăn kiêng cho các phạm nhân là phương pháp tốt nhất để làm giảm tính hung hăng của họ. Tuy nhiên, ngay cả các nhà khoa học cũng bó tay trong việc dự báo loại thực phẩm nào là có hại đối với mỗi cá thể khác nhau.

Tại sao khu vực đô thị bao giờ cũng có tỉ lệ tội phạm cao hơn khu vực nông thôn? Hơn nữa ngay trong các đô thị, tỉ lệ phạm tội là rất khác nhau theo từng khu vực? Trong một nghiên cứu năm 1989, người ta đã kiểm tra 300.000 cuộc gọi đến Sở Cảnh Sát thành phố Minneapolis, tiểu bang Minnesota, và phát hiện sự tập trung khá cao vào một vài khu vực nhất định. Không những thế, tội ác xảy ra tại các khu vực này đa số là những trọng tội như cướp của giết người, hãm hiếp... Liệu có phải môi trường sinh thái cũng là một trong những nguyên nhân gây ra tội ác? Đã có một số nhà nghiên cứu đưa ra những lý thuyết như "vùng đồng

tâm", "khu vực tội lỗi" để lý giải những hiện tượng trên song do chúng còn có phần mơ hồ nên không mấy được chú ý.

Hội chứng tiền kinh nguyệt và hội chứng trầm cảm sau khi sanh...

Sẽ là thiếu sót nếu không nhắc đến nữ tội phạm bởi nữ giới chiếm 51% dân số thế giới. Một nghiên cứu thực hiện năm 1945 chỉ ra rằng 84% hành vi bạo lực của nữ giới xảy ra trong thời kỳ tiền kinh nguyệt và sau khi sinh nở. Kể từ đó, người ta bắt đầu chú ý đến hội chứng tiền kinh nguyệt (PMS) và hội chứng trầm cảm sau khi sinh (PPDS). Nhưng hiện tại các nhà khoa học không xác nhận mối liên hệ giữa hội chứng PMS với hành vi phạm tội. Mặc dù họ cho rằng người phụ nữ đã phải chịu sự đảo lộn về tâm sinh lý do những thay đổi về hormone xảy ra trước thời kỳ kinh nguyệt. Hội chứng PPDS cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự. Những nghiên cứu về sự liên quan giữa hội chứng này và tội ác khá mờ nhạt cho dù người ta biết chắc rằng nó hiện hữu. Thông thường, người ta chỉ viện dẫn hai hội chứng này để bào chữa cho thân chủ tại tòa án. Nhưng cũng rất ít khi có hiệu quả

bởi bồi thẩm đoàn khó có thể nhẹ tay với một kẻ giết hại con đẻ của mình vì bất kỳ lý do nào. Bên cạnh hai hội chứng trên, nguyên nhân hàng đầu gây ra sự phạm tội ở nữ giới có thể là do bị bạo hành (cả thể xác và tâm hồn) hoặc quá lạm dụng ma túy và rượu. Nói chung những nghiên cứu về nữ tội phạm cho đến nay không nhiều bởi trên thực tế số tội phạm nữ giới thường ít hơn nhiều so với nam giới. Theo thống kê, tại Mỹ, số thủ phạm nữ chỉ chiếm không đến 10% số kẻ giết người hàng loạt.

Có quá nhiều yếu tố có thể đẩy con người vào con đường phạm pháp: gen di truyền, chế độ dinh dưỡng, những biến động xã hội, bệnh tâm thần... Song có thể khẳng định không một nguyên nhân đơn lẻ nào có thể giải thích cho mọi loại tội ác. Động cơ phạm tội của dạng tội phạm cổ cồn trắng rõ ràng rất khác so với một tên dâm tặc. Các nhà nghiên cứu kết luận: tội ác là một chủ thể vô cùng phức tạp bao gồm quá ít hiện tượng có thể giải thích và đứng đàng sau nó là sự tổng hợp của nhiều yếu tố. Ngày nay quá trình xây dựng các học thuyết về tội ác vẫn đang được tiếp tục. Một số nghiên cứu gần đây còn khẳng định mối liên hệ giữa thời tiết và

tội ác. Đơn cử như sự tương quan kỳ lạ giữa chu kỳ hoạt động của Mặt trăng và tỉ lệ tăng giảm của các vụ án mạng tại Miami và Cleveland. Một vài số liệu thống kê còn cho thấy các vụ trộm thường hay diễn ra trong những tháng mùa hè. Tóm lại, nghiên cứu tội ác để phòng chống là điều cần thiết. Còn cách phòng tránh tốt nhất? Xin mượn lời nhà tội phạm học nổi tiếng Samuel Walker: "Về lâu dài, gia đình, tình làng xóm và việc làm chính là những yếu tố căn bản để làm giảm tội ác".

Cái Chết Của Tên Tội Phạm Và Nghi Án Về Chứng "Loạn Dâm" Gây Ngạt

Những hành vi loạn dâm bệnh hoạn vẫn đang được các nhà khoa học ngày này nghiên cứu để tìm ra câu trả lời.

"Hội chứng" loạn dâm gây ngạt

Các chuyên gia cho biết trong danh sách những nguyên nhân gây ra những cái chết đáng xấu hổ của nhân loại, loạn dâm gây ngạt đứng chỉ sau rượu tequila và đấu vật.

Trong khi thuật ngữ "tai nạn tình dục" có vẻ nghe kì lạ thì sự thực đằng sau thuật ngữ này lại khá đơn giản để giải thích. Cụ thể trong một vụ việc nhân viên khách sạn phát hiện một xác chết có vết xiết cổ và nắm chặt bộ phận sinh dục bằng võ ... kungfu trong một gian phòng

của khách sạn.

Tai nạn tình dục thường thấy nhất thế kỉ 20(ảnh minh họa)

Tai nạn tình dục thường thấy nhất thế kỉ 20 (ảnh minh họa)

Loạn dâm gây ngạt chỉ là thuật ngữ khoa học thành thị cho hành vi "thủ dâm trong khi tự siết cổ". Và "hội chứng" kì lạ này phổ biến hơn bạn nghĩ : theo kênh tin tức ABC, hàng năm có khoảng từ 500 đến 1000 thanh niên nam ở độ tuổi vị thành niên hoặc đã trưởng thành chết do loạn dâm gây ngạt.

Cảnh sát FBI đã phải vào cuộc để tìm ra nguyên nhân của những cái chết na ná giống nhau từ đối tượng, thời gian chết, biểu hiện lâm sàng tương tự nhau,... trong khi giới khoa học cho rằngđây chỉ là những nạn nhân thích đạt cực khoái bằng nhiều cách khó hiểu.

Nhiều người còn không hiểu tại sao FBI lại quan tâm đến những "vụ án" có vẻ đã được làm sáng tỏ trước khi

nạn nhân được phát hiện thế này.

Hành vi loạn dâm gây ngạt này tưởng chừng được phát hiện một cách tình cờ vào giữa những năm 1980 trong các câu lạc bộ ưa chuộng bạo dâm. Tự làm ngạt trong khi "tự sướng" bắt nguồn từ những năm 1600, khi mà người ta sử dụng nó như 1 phương pháp chữa trị chứng rối loạn cương dương ở đàn ông thượng lưu, những bệnh nhân mà thà chết chứ nhất quyết không thể sống nổi với căn bệnh ... nan y như thế này.

Cái chết của tên tội phạm và nghi án về chứng "loạn dâm" gây ngạt

Loạn dâm gây ngạt có từ thế kỉ 17 và rất được đàn ông giới thượng lưu ưa chuộng

Gần đây người ta phát hiện ra mối liên hệ có phần hiển nhiên giữa "bóp cổ gây ngạt" và "tai nạn", câu trả lời gây không ít người hoảng hốt. Hầu hết các nhân viên khám nghiệm tử thi của FBI cho kết luận nạn nhân nam thường có biểu hiện cương cứng sau khi đã tắt thở, thậm chí một số còn xuất tinh lúc đang được mang về nhà

xác.

Và kẻ cưỡng hiếp phụ nữ đáng nguyền rủa

Nhiều vụ việc liên tiếp xảy ra khiến FBI bắt buộc phải bắt tay vào điều tra để tìm câu trả lời. Nhiều vụ án đã chứng minh phần nào nghiên cứu của các nhà khoa học.

Điển hình là một vụ việc dưới đây, liên quan tới người đàn ông mang án cưỡng hiếp và sau đó chết vì hội chứng "loạn dâm".Ariel Castro , 53 tuổi, đã bị kết án chung thân và thêm 1000 năm bóc lịch vì giam giữ 3 phụ nữ trẻ tuổi và liên tục lạm dụng họ trong vòng 1 thập kỉ. Hắn bị FBI tìm thấy khi đã bất tỉnh trên tầng 2 tại Trại phục hồi nhân phẩm vào mùng 3 tháng 9.

Mới đây kẻ bắt cóc và cưỡng dâm phụ nữ trẻ Ariel Castro đã bị cảnh sát phát hiện tử vong trong khi đang thực hiên hành vi dâm đãng cuối cùng - theo 1 báo cáo chính thức gần nhất từ FBI.

3 cô gái trẻ đẹp Amanda Berry, Gina DeJesus và Michelle Knight vô tội sa lưới tên cuồng dâm bệnh hoạn.

3 cô gái trẻ đẹp Amanda Berry, Gina DeJesus và Michelle Knight vô tội sa lưới tên cuồng dâm bệnh hoạn.

Con quái vật vùng Cleveland bị người ta phát hiện chết trong tư thế treo cổ bằng ga giường, trói chặt vào bản lề cửa sổ vớ iquần ka-ki và quần lót kéo đến tận mắt cá chân, cho thấy hắn ta đang thực hiện hành vi loạn dâm gây ngạt thì không may tắt thở, chứ không phải là tự sát như các cai ngục trình báo.

Tên Castro bắt cóc 3 cô gái trẻ đẹp Amanda Berry, Gina DeJesus và Michelle Knight khoảng giữa năm 2002 và 2004 và giam giữ họ tại gia, bỏ đói họ gần chết, hạn chế nhu cầu sinh hoạt tối thiểu và chỉ trói họ vào 1 cái cột ở tầng hầm đến nay đã được hơn 10 năm.

Hắn đánh đập, đối xử tệ bạc, bỏ đói và hiếp dâm 3 người phụ nữ xấu số liên tục và khiến cho 1 trong 3 cô gái cho ra đời 1 cô con gái mà chính hắn cũng không nhớ ai là mẹ của cô bé. Hắn bị FBI bắt giữ sau khi 1 nạn nhân của hắn trốn thoát trót lọt vào hồi tháng 5 vừa qua.

Tại phiên tòa xét xử công khai, tòa tuyên án Ariel

Castro mắc hơn 1000 tội danh bao gồm cả đánh đập, ngược đãi, bắt cóc và hãm hiếp đứa con của 1 nạn nhân sinh cho hắn.

Tuy đã chết nhưng những có ai dám đảm bảo với người dân Ohio rằng sẽ không có Ariel Castro thứ 2 tái xuất?

Tuy đã chết nhưng những có ai dám đảm bảo với người dân Ohio rằng sẽ không có Ariel Castro thứ 2 tái xuất?

Sự kiện này đã khiến người dân Columbus, Ohio bị sốc nặng và mất lòng tin sâu sắc vào chính quyền đang tuyên bố giữ an ninh tuyệt đối cho bất cứ dân cư Ohio họ đang bảo vệ.

Lệch Lạc Tình Dục: Phô Dâm, Thị Dâm Và Loạn Dục Cảm Xúc

Thỉnh thoảng đọc trên báo hay trên các trang mạng diễn đàn của giới trẻ, thỉnh thoảng tôi lại thấy những tin cảnh báo về những kẻ bệnh hoạn thích khoe của quý, hay thích ăn trộm đồ lót của các bạn nữ. Đa số các bạn đều rất băn khoăn sợ hãi những kẻ biến thái ấy gây bất lợi gì cho mình. Ngay cả trên ask, tôi cũng nhận được câu hỏi về vấn đề này khiến tôi nuôi ý định viết một bài về các chứng bệnh tâm lý lệch lạc tình dục. Nhưng do bản thân quá bận, cộng thêm quá nhiều dự định nên đến bây giờ mới có thời gian mà viết về chủ đề này. Hy vọng nó không là quá muộn và các bạn nữ khi đọc có thể hiểu thêm về tính chất, cũng như suy nghĩ, mong muốn của những tên biến thái ấy để qua đó bảo vệ bản thân mình.

Lệch lạc tình dục trong tiếng anh có tên là Paraphilia Disorder, tên này nếu dịch ra theo nghĩa đen của nó

chính là tình yêu vượt mức bình thường. Đặc điểm chính của các bệnh về lệch lạc tình dục là sự thôi thúc tình dục dai dẳng và những ảo tưởng kỳ quặc có liên quan đến những thứ/ vật không phải là người, sự đau đớn tủi nhục của bạn tình, trẻ em. Theo DSM-5, tình dục khác thường không giống lệch lạc tình dục nếu như nó xảy ra giữa hai người trưởng thành và cả hai cùng chấp thuận sự khác thường này. Nói cách khác, tình dục khác thường chỉ về sự thôi thúc và hứng thú tình dục với những thứ khác không phải là bộ phận sinh dục. Ví như trong SM, bạn chỉ đạt đến cực khoái khi bạn gây ra đau đớn bằng cách đánh (không phải là hành hạ) bạn tình, còn bạn tình của bạn chỉ lên đỉnh khi được người khác đánh hay ngắt nhéo. Đây chính là tình dục khác thường, nhưng nó sẽ không bị coi là lệch lạc tình dục nếu bạn và người tình của bạn hiểu và cả hai cùng đồng ý phương thức yêu này. Nếu người tình của bạn không đồng ý mà bạn ép uổng người ta khiến người ta bắt buộc phải làm với bạn và khiến họ sợ hãi, buồn bã thì bạn sẽ bị coi như là mắc bệnh lệch lạc tình dục.

Các bệnh về lệch lạc tình dục bao gồm : Phô dâm,

Thị dâm, Loạn dục cọ xát, Ái dâm, Khổ dâm, Ái tử thi, Ái nhi, Ái vật, Thính dâm, Loạn dục cải trang. . . Nhưng vì tính chất bài viết là giúp cho các bạn nữ hiểu và phòng tránh các trường hợp mà theo tôi là dễ gặp khi các bạn ở ký túc xá nữ và nơi công cộng nên bài viết này tôi chỉ chú trọng vào Phô dâm, Thị dâm, và Loạn dục cọ xát.

Phô dâm nếu giải thích ngắn gọn chính là khoe của quý với những người lạ mặt hoặc những người không có ý định nhìn. Triệu chứng của bệnh này chính là sự hưng cảm tình dục mãnh liệt khi để lộ bộ phận sinh dục của mình trước những người không biết, không đề phòng, biểu hiện qua những ý tưởng, sự thúc đẩy và hành vi, hoặc những ảo tưởng về tình dục như vậy gây khó khăn trong cuộc sống, công việc của một người. Triệu chứng này phải kéo dài trong vòng ít nhất sáu tháng để có thể chẩn đoán chính thức. Hành vi khoe của quý này được biết đến dưới một cái tên hoa mỹ khác là "sự phô bày khiếm nhã" Khoảng một nửa số đàn ông mắc bệnh này thường có tình trạng cương lên và thủ dâm tại chỗ khi phô bày của quý. Số còn lại thì khoảng một thời gian

ngắn sau mới thủ dâm, vừa làm vừa tưởng tượng lại phản ứng của nạn nhân khi hắn trưng bày miễn phí "của cải" của hắn. Mục đích của những gã này thường là mong muốn nhìn thấy nạn nhân sợ hãi, sốc, hoảng hốt, đôi lúc những kẻ này cũng mường tượng, ảo tưởng rằng nạn nhân sẽ động tình lại với gã. Bọn chúng rất hiếm khi chạm vào hay quấy rối nạn nhân. Vì thế nên các bạn nữ hãy yên tâm phần nào nhé, hầu như có rất ít trường hợp những kẻ phô dâm cưỡng bức nạn nhân. Theo suy nghĩ của bản thân tôi thì lúc ấy bọn chúng tay bận "làm việc", đầu bận bay bổng trong mớ ảo tưởng biến thái rồi.

Bệnh phô dâm gần như chỉ có ở đàn ông. Phụ nữ Phô Dâm cũng có nhưng rất hiếm. Những kẻ này bắt đầu màn trình diễn của quý từ khi còn là teen hoặc đầu hai mươi. Còn khi trưởng thành thì hầu hết đã kết hôn hoặc có bạn tình. Phô dâm ít khi nào là hành động đơn lẻ chỉ xảy ra một hai lần, đàn ông, thanh niên một khi đã bắt đầu hành vi này thì có xu hướng làm thường xuyên.

Trong thị dâm thì sự hưng cảm tình dục chỉ có khi kẻ này đang rình mò quan sát nạn nhân (thường là người lạ và không biết mình bị quan sát) trần truồng, hoặc

đang trong chuyện mây mưa với người khác. Hầu hết mọi người, nhất là đàn ông, thường bắt đầu hưng phấn khi thấy người khác khỏa thân một phần. Nhưng những kẻ thị dâm này lại khác, bọn chúng không thể hưng phấn nếu người bị quan sát biết là mình đang bị nhìn trộm. Chúng có thể ảo tưởng rằng nạn nhân sẽ có quan hệ tình dục với chúng nhưng hầu như những gã này rất hiếm khi thực sự liên lạc với nạn nhân. Hành vi của bọn chúng đúng với nghĩa rình mò, tức là chỉ thích núp và nhìn lén chứ không hề có ý định chạm vào nạn nhân, hơn nữa còn bọn chúng còn có xu hướng giữ khoảng cách với nạn nhân. Tuy nhiên cũng có vài trường hợp ngoại lệ xảy ra dù là rất ít. Những kẻ thị dâm, cũng giống như phô dâm thường thủ dâm và đạt cực khoái khi rình mò nạn nhân lúc đó hoặc là vừa làm vừa nhớ lại những hình ảnh chúng thấy.

Với loạn dục cọ xát nếu bạn nào hay xem truyện tranh nhật sẽ thường thấy cảnh nhân vật chính bị ông chú già nào đó cạ "của cải" của mình vào những phần nhạy cảm như mông, ngực, đùi... Đó là hành vi của những kẻ mắc loạn dục cảm xúc. Những kẻ này thường

mặc đồ rất nghiêm túc, chỉn chu nhưng chỉ đạt hưng cảm khi ma sát của quý vào người người khác. Người mắc loạn dục cảm xúc thường hay chọn chỗ đông người như tàu điện ngầm, công viên, vỉa hè để bọn chúng có thể dễ dàng tẩu thoát sau khi xong chuyện. Giống như bệnh phô dâm, những người mắc loạn dục cảm xát hành động thường xuyên và thường cố gắng chạy trốn càng nhanh càng tốt sau khi chạm và cọ xát vào nạn nhân. Họ không muốn có những tiếp xúc gợi dục xa hơn nữa với nạn nhân. Tức là họ sẽ không có xu hướng cưỡng bức nạn nhân mình.

Những nghiên cứu sinh lý về loạn dục tình dục thường tập trung vào hệ thống nội tiết bao gồm các hóc môn có liên quan đến các hoạt động tình dục. Nhiều nghiên cứu về các tên tội phạm tình dục bị bắt cho thấy bằng chứng về hàm lượng testosterone cao có thể dẫn đến các hành vi, suy nghĩ lệch lạc tình dục. Những nghiên cứu này nên được đọc với thái độ trung lập kèm theo một chút hoài nghi về độ chính xác hoàn toàn của nó. Thứ nhất là những người tham gia nghiên cứu này không được chọn ngẫu nhiên mà chỉ gói gọn trong phạm

vi những tên tội phạm tình dục bị bắt, cho nên kết luận từ những nghiên cứu này không chắc có thể dùng để nói về tất cả các bệnh nhân mắc chứng lệch lạc tình dục. Thứ nhì, tỷ lệ những tên tội phạm này dùng rượu, dùng thuốc rất cao, nên khó có thể khẳng định là do hàm lượng testosterone cao dẫn đến lệch lạc tình dục, hay đó là hệ quả từ việc dùng chất kích thích và dùng rượu quá nhiều.

Cấu trúc não bất thường cũng có thể dẫn đến hành vi tình dục khác thường. Một số tài liệu có chỉ rõ ra những người mắc chứng ái nhi và phô dâm có thùy não thái dương bên trái bất thường. Sự bất thường này có thể thấy rõ qua những bất thường về phản ứng giữa các dòng điện tế bào và các bài kiểm tra thần kinh thấp dưới mức bình thường.

Các yếu tố xã hội dẫn đến lệch lạc tình dục bao gồm bệnh nhân bị lạm dục tình dục khi còn nhỏ, hay nghe về các hành vi tình dục bất thường của cha mình, thiếu tự tin vào bản thân, thiếu môi trường với hình mẫu cha mẹ cố định trong việc hình thành và giáo dục kiến thức với tình dục (ví dụ như cha hay mẹ thay người tình như

thay áo), thiếu tự tin và khả năng xây dựng và giữ vững các mối quan hệ xã hội. Không biết, hoặc biết quá ít về tình dục loài người cũng có thể dẫn đến lệch lạc tình dục (có một số trường hợp về các cậu bé, cô bé người rừng, sống cùng với các loài động vật, nếu không giáo dục và chỉ bảo rõ ràng thì các em có thể bị lệch lạc tình dục khi lớn lên).

Mặc dù đặc điểm chính của các chứng lệch lạc tình dục là vấn đề về hưng cảm tình dục, nhưng bệnh này có thể ảnh hưởng đến đời sống và các mối quan hệ xã hội của bệnh nhân. Những bệnh nhân mắc chứng này thường cô độc, bấp bênh, cách ly và thiếu hụt các kỹ năng xã hội. Độc hại hơn, các hành vi lệch lạc tình dục sẽ càng ăn sâu bởi vì nó khiến cho bệnh nhân có được cảm giác hưng cảm cực kỳ nhất thời khi đạt cực khoái và cả ảo tưởng viển vông rằng bệnh nhân sẽ có mối quan hệ tình cảm mặn nồng với nạn nhân.

Từ các nguyên nhân, yếu tố có thể gây ra lệch lạc tình dục mà tôi đã nói trên, chúng ta có các phương pháp chữa trị dựa trên từng nguyên nhân. Liệu pháp chữa trị nhận thức hành vi được sử dụng rộng rãi với

các buổi giáo dục về tình dục, quan hệ xã hội, xử lý áp lực. Tuy nhiên, kết quả không được khả quan mấy, tỷ lệ bệnh nhân tái phạm tội sau khi được trị liệu vẫn cao xấp xỉ so với bệnh nhân không được trị liệu. Một phương thức chữa trị khác nữa là dùng thuốc làm giảm hàm lượng testosterone. Các ảo tưởng về tình dục và các trường hợp quấy rối tình dục đều giảm hẳn với tất cả các bệnh nhân dùng thuốc. Nhưng nghiên cứu này thiếu nhóm kiểm tra (nhóm không dùng thuốc, dùng so sánh sự khác biệt giữa dùng thuốc và không dùng thuốc) thế nên tính hiệu lực của nghiên cứu này cần được xem xét.

Với những bạn sống trên đất Mỹ có thể dùng ứng dụng trên iPhone tên là Sex Offender Tracker. Ứng dụng này hiển thị những người đã từng phạm tội tình dục và đã được thả ra đang ở gần nơi bạn sống. Theo luật của Mỹ ở trên 50 tiểu bang, tất cả những tội phạm tình dục sau khi được thả ra phải đi đăng ký tên cũng như tội danh ở các tòa thị chính. Sau đó tên tuổi của những tên tội phạm này sẽ được thông báo cho khu dân cư sống quanh vùng mà tên tội phạm ấy sẽ sống với mục đích là giảm thiểu khả năng phạm tội lại của những gã này và

người dân sống quanh khu vực có thể bảo vệ con cái và bản thân mình tốt hơn nếu biết được có một người nguy hiểm như vậy sống gần đây. Tuy đây là luật nhưng vẫn có nhiều phản đối xoay quanh luật này về tính nhân đạo của nó. Với những người phản đối, họ cho rằng luật này chính là một sự trừng phạt kéo dài với những người lỡ lầm và đã chuộc tội mình qua những năm tháng tù giam.

Như tôi đã nói từ đâu bài, những kẻ mắc thị dâm, phô dâm và loạn dục cọ xát không có ý định tiếp xúc trực tiếp với các nạn nhân mà mục đích của bọn chúng chỉ là rình mò, khoe của quý và cọ xát nên các bạn đừng lo là những kẻ đó sẽ cưỡng bức mình. Các bạn nữ khi gặp phải những kẻ phô dâm, tốt nhất là các bạn nên bình tĩnh, lờ hắn và tiếp tục đi. Các bạn có thể gọi điện thoại cho bạn mình và làm như bạn đang gọi điện thoại báo công an vậy. Đừng nên nhận xét hay nói những câu chọc giận hắn (như nhỏ quá v...v) vì điều này có thể khiến cho hắn tức giận và gây ra những phản ứng bạo lực. Nếu bạn bị theo dõi thì hãy đi vào chốn đông người như nhà hàng, quán ăn, bệnh viện, khách sạn... hoặc đi đến nhà dân và nhờ người ta gọi điện cho cảnh sát hoặc

cho người khác đến đón bạn, đừng nên đi thẳng về nhà vì kẻ theo dõi bạn sẽ biết bạn sống ở đâu và cái này thì...cực kỳ không tốt.

Để tránh bản thân trở thành những diễn viên bất đắc dĩ trong các video quay trộm thì các bạn khi đi các nhà vệ sinh công cộng nên chú ý tình huống xung quanh mình xem có kẻ nào khả nghi hay không. Bạn mình gặp phải tình huống khi bạn ấy vào phòng vệ sinh nữ thì nghe phòng bên cạnh có tiếng cười giỡn, giậm chân của hai đứa con gái, bạn ấy chú ý lắng nghe và đứng im lặng khoảng một hai phút thì thấy có hai cái đầu của hai đứa con gái từ buồng bên cạnh thò qua nhìn xuống. Do vách ngăn không chạm đến trần nên chỉ cần đứng trên bồn cầu là đã có thể nhìn qua buồng bên. Hai đứa đó thấy bạn mình nhìn ngược lại và hỏi "Bọn mày đang làm cái gì đấy" thì hét ầm lên và chạy ra. Bạn mình sau đó đi gặp quản lý nhà hàng và kể lại tình huống. Ngoài ra các bạn nữ đi vào phòng vệ sinh thì nên nhìn coi xem có tấm áp phích, vật gì lạ có thể giấu camera hay không và trước khi thay quần áo ở nhà hay ở phòng trọ thì nhớ đóng các cửa lại cho cẩn thận.

Rất tiếc là không có biện pháp nào hữu dụng để chống lại những kẻ mắc loạn dụng cọ xát cả. Ở Nhật Bản thì phụ nữ được khuyến khích mang theo cây kim hay vật nhọn để đâm vào đùi những kẻ bệnh hoạn này khi bọn chúng hành động. Bản thân mình nghĩ thì hiện tại các bạn nữ không nên quá lo lắng về những kẻ này vì tình trạng giao thông nước ta chưa tạo đủ điều kiện để những kẻ này hành động vì chủ yếu bọn chúng hành động trên tàu điện ngầm hoặc những nơi cực kỳ cực kỳ đông đúc để bọn chúng có thể chạy trốn mà ở Việt Nam ta thì chưa có tàu điện ngầm, nhưng các bạn cũng nên mang theo vật nhọn gì ấy để phòng ngừa và bảo vệ

Rối Loạn Ám Ảnh Cưỡng Chế Và Rối Loạn Nhân Cách Ám Ảnh Cưỡng Chế (Ocd & Ocpd)

Đặc điểm chủ yếu của chứng rối loạn ám ảnh cưỡng chế là nỗi ám ảnh lặp đi lặp lại hay sự ép buộc nặng đến mức họ dành tất cả những thời gian mà họ có để phục vụ cho nỗi ám ảnh nọ. Nó có thể khiến cho người mắc bệnh trở nên tiều tụy, tinh thần mỏi mệt hoặc gây trở ngại trong cuộc sống.Vào một thời điểm nào đó, người bệnh sẽ nhận ra nỗi ám ảnh hay sự cưỡng chế quá vô lý. Và sự rối loạn này không phải là phải là do dùng thuốc hay do những điều kiện sức khỏe bình thường khác.

Ám ảnh là những ý tưởng, suy nghĩ hay hình ảnh cứ xuất hiện một cách dai dẳng, xâm nhập vào đầu óc khiến cho tâm thần bồn chồn, mỏi mệt. Sự xâm nhập này được nhận dạng là "kẻ lạ trong tiềm thức". Có nghĩa là với cá nhân mắc bệnh, họ nhận nỗi ám ảnh này là "lạ lùng , không nằm trong quyền điều khiển của họ và

không phải loại suy nghĩ mà họ nghĩ là mình sẽ có. Tuy nhiên, họ có thể nhận ra nỗi ám ảnh đó xuất phát từ trong tâm trí mà không phải là do tác động từ bên ngoài.

Những nỗi ám ảnh thường gặp nhất là những suy nghĩ lặp đi lặp lại về sự dơ bẩn (sợ bị nhiễm bẩn khi bắt tay). Giám khảo của American Got Talent, Howie Mandel bị ám ảnh về vi trùng tới mức ông đã cạo trọc đầu mình vì sợ vi khuẩn có thể sống trong đó. Hoặc là nỗi lo lắng thường trực (không biết hôm nay trên đường mình lái xe có khiến ai bực mình hoặc bị tổn thương hay không) hoặc là lúc nào cũng muốn mọi thứ sắp xếp theo một trình tự nhất định (có thể nổi điên lên khi một vật bị lệch ra khỏi thứ tự mà mình sắp xếp chúng). Những suy nghĩ, ám ảnh, và sự thôi thúc đó không chỉ đơn giản là nỗi ám ảnh quá mức về những tình huống trong cuộc sống hằng ngày và thật sự là nó cũng ít khi nào dính đến những tình huống xảy ra trong đời thật như về công việc, nhà cửa, những mối quan hệ.

Những cá nhân bị mắc nỗi ám ảnh như thế thường chọn cách lờ đi hoặc đè nén xuống. Một số khác thì bị thôi thúc, cố gắng giải tỏa nó bằng những hành động và

đó gọi là cưỡng chế. Ví dụ như có người cứ lo không biết mình có tắt bếp chưa thì sẽ có hành động cố gắng cưỡng chế dập tắt nỗi lo đó đi bằng cách kiểm tra bếp hàng chục lần để chắc rằng nó đã tắt (và cái này phù hợp với đặc điểm là bệnh nhân dùng tất cả thời gian để phục vụ, cố gắng cưỡng chế nỗi ám ảnh).

Sự cưỡng chế là những hành động lặp đi lặp lại như rửa tay, kiểm tra không ngừng nhằm giảm thiểu đi nỗi lo lắng, mỏi mệt chứ không nhằm để thỏa mãn hay hài lòng gì cả. Trong hầu hết mọi trường hợp, bệnh nhân cảm thấy mình cần phải làm những hành động đó để giảm thiểu đi sự lo âu đi cùng với nỗi ám ảnh, hoặc để phòng ngừa chuyện gì đó. Ví dụ như với người bị ám ảnh là mình bị dơ, họ có thể giảm đi nỗi sợ hãi đó bằng cách rửa tay mình cho đến khi da đỏ lựng lên. Người lo không biết mình khóa cửa chưa thì bị thôi thúc đi kiểm tra cửa mỗi vài phút.

Theo định nghĩa, người lớn mắc bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế ở một thời điểm nào đó sẽ phát hiện ra những nỗi ám ảnh và những hành động cưỡng chế quá mức và không hợp lý. Điều này không áp dụng lên trẻ em vì trẻ

em còn thiếu những nhận thức cộng thêm sự cảnh giác để có thể phát hiện ra những bất thường.

Những hoạt động tôn giáo không thuộc phạm trù của bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế, trừ khi nó vượt trên những tiêu chuẩn bình thường của xã hội, được những người trong cùng tôn giáo xác định là không hợp lý, và gây rối loạn với vai trò trong xã hội.

Với những người trưởng thành, bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế thường xảy ra với cả nam và nữ. Nhưng đối với trẻ em, tỷ lệ mắc bệnh ở con trai cao hơn con gái.

Nhiều người thường lầm lẫn bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế với rối loạn nhân cách ám ảnh cưỡng chế. Bệnh rối loạn nhân cách ám ảnh cưỡng chế là chủ yếu nằm ở nhân cách. Bệnh nhân thường quá chú ý đến những chi tiết, quy luật và cách tổ chức mà quên mất đi trọng điểm của hoạt động. Họ bị mắc chứng hoàn hảo quá tất cả mọi thứ và để nó làm ảnh hưởng đến công việc. Ví dụ như không thể hoàn thành được công việc của mình nếu những quy định mà bản thân đề ra không được đáp ứng. Nói cách khác, họ quá cứng nhắc và

khuyết thiếu sự thích ứng với thay đổi. Họ thường muốn nắm quyền chủ động, chú ý vào từng chi tiết nhỏ nhất quá mức cần thiết. Ví dụ như bệnh nhân làm lạc đi tờ giấy ghi lại những gì mình cần làm. Thì anh ta sẽ bỏ ra hàng giờ chỉ để tìm lại tờ giấy đó, hơn là bỏ ra vài phút cố gắng nhớ lại những gì mình cần phải làm. Họ phân phối thời gian rất tệ, và điều đó cũng gây trở ngại với những ng xung quanh. Bởi vì thế nên họ dành hầu hết thời gian cho công việc và khả năng hoàn thành công việc, hầu như không có thời gian rảnh cho các hoạt động gia đình bạn bè (trong trường hợp kinh tế gia đình ổn định). Họ cũng không thể bỏ đi những vật dụng cũ, hoặc hư nát mặc dù nó chẳng còn giá trị sử dụng gì nữa, thêm vào đó là khả năng chi tiêu quản lý tiền bạc của họ rất tệ.

Với những triệu chứng và hành vi tôi nói trên, thử xem trong hai trường hợp dưới đây bạn có thể phân biệt ra cái nào là rối loạn ám ảnh cưỡng chế và cái nào là rối loạn nhân cách ám ảnh cưỡng chế không nhé.

Trường hợp thứ nhất: Tim, một cậu bé tám tuổi được bác sĩ của mình cho nhập viện bởi vì trong năm vừa rồi,

cân nặng của cậu tụt quá mức nghiêm trọng mà ông không thể tìm ra bất kỳ nguyên nhân bệnh trạng nào. Tim cực kỳ cực kỳ quan tâm đến cân nặng của mình, và cân bản thân mỗi ngày. Cậu lúc nào cũng than rằng cậu mập quá, và nếu như cậu không thể sụt kí thì cậu ăn ít lại. Cậu đã sụt hơn 5 kí trong năm qua nhưng cậu vẫn cho rằng mình còn mập, mặc dù thật sự là cậu bị thiếu dinh dưỡng và thiếu kí. Vì quá mệt mỏi, ba mẹ cậu đã quăng cái cân đi, và thế là cậu ghi chú lượng calo mà mình ăn hằng ngày. Cậu tiêu tốn rất nhiều thời gian vào đó, cứ kiểm tra rồi lại kiểm tra để chắc rằng mình đã đo đúng.

Thêm vào đó, Tim được cho là quá mức ám ảnh với sạch sẽ và ngăn nắp. Hiện tại, câu không có bạn bè bởi vì cậu từ chối không đến nhà họ chơi, cảm giác rằng nhà họ quá dơ. Cậu nổi giận nếu một người nào khác chạm vào cậu. Cậu lúc nào cũng kiểm tra xem cậu có làm mọi việc theo kiểu mà nó nên được hoàn thành không. Hơn nữa, Tim lúc nào cũng dậy sớm hai tiếng trước khi đi học để chắc rằng mình có đủ thời gian để chuẩn bị. Gần đây, cậu thức dậy lúc 1:30 sáng để chuẩn

bị đi học.

Trường hợp thứ hai: Một bệnh nhân 45 tuổi là luật sự nhập viện dưới sự kiên trì của vợ ông. Bà không thể chịu đựng được thái độ lạnh lùng, không cảm xúc, thời gian làm việc của ông quá dài, hành vi bạo lực và thường đi công tác xa. Bệnh nhân không cảm thấy hôn nhân mình có vấn đề gì cả nhưng chấp nhận nhập viện để chọc cười vợ mình.

Nhưng sau đó, bệnh nhân có vẻ gặp rắc rối trong công việc của mình. Ông được biết như một thành viên chăm chỉ nhất trong công ty. Tuy ông là thành viên trẻ nhất nhưng ông nổi tiếng là có thể làm cùng lúc nhiều vụ án. Dạo gần đây ông phát hiện ông không thể nào bắt kịp được tiến độ công việc. Ông quá sĩ diện để từ chối bất kỳ vụ nào, và quá mức hoàn hảo hóa mọi thứ để có thể vừa lòng với những gì mà trợ lý ông làm. Ông không thích cách mà họ viết hay câu văn của họ. Ông nhận thấy mình thường xuyên phải sửa chữa những thứ nhỏ nhặt mà họ làm và vì thế ông không thể nào làm mọi việc theo thời khóa biểu của mình được. Những người trong công ty thường than phiền vì ông quá quan tâm

đến những chi tiết và không biết cách phân phối công việc, trách nhiệm dẫn đến chất lượng công việc của ông bị hạn chế. Ông có thay từ hai đến ba thư ký mỗi năm trong 15 năm vì không ai chịu được tính khí của ông. Ông chỉ trích họ từ những lỗi nhỏ nhất. Khi những vụ án bị đình trệ, ông không thể quyết định được vụ nào sẽ được xử lý trước, bắt đầu phân công công việc cho từng người nhưng cuối cùng không thể gặp họ được dẫn đến ông phải làm việc 15 tiếng mỗi ngày.

Bệnh nhân là con của hai người cực kỳ ham làm việc. Ông lớn lên lúc nào cũng cảm thấy mình làm chưa đủ, và những gì mình gặt hái được quá ít. Ông không thích nghỉ ngơi nhưng thích được sắp xếp công việc , hoạt động của từng thành viên trong gia đình và sẽ nổi giận nếu có ai đó không theo sự sắp xếp của ông.

Sau khi bạn đọc xong hai trường hợp này, theo bạn, người nào mắc bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế và người nào mắc bệnh rối loạn nhân cách ám ảnh cưỡng chế ? Đoán thử xem, áp dụng những triệu chứng bệnh lý và những thông tin tôi đưa ra, bạn hãy trổ tài làm bác sĩ xem nào. Không được nhìn lời giải đáp ở phía dưới đây

nhé.

Rồi, bạn quyết định xong rồi chứ gì, vậy thì hãy kéo xuống để xem coi mình có chuẩn đoán bệnh lý của hai người kia đúng không nhé.

Trường hợp thứ nhất: Tim bị ám ảnh bởi sự dơ bẩn và nỗi ám ảnh này cứ lặp đi lặp lại khiến cho cậu mỏi mệt và không vui. Hơn nữa, cậu lúc nào cũng kiểm tra xem những thứ mình làm có hoàn thành theo kiểu nó đáng ra phải được hoàn thành hay không. Và những hành động như vậy là ảnh hưởng đến cuộc sống thường ngày của cậu. Những suy nghĩ này không nằm trong quyền điều khiển của cậu và khoảng thời gian dài cậu phải thức dậy để chuẩn bị đến trường là hành động cưỡng chế phục vụ cho nỗi ám ảnh này của cậu. Cậu thậm trí tránh đến nhà bạn vì cậu nghĩ nhà họ dơ . Từ những triệu chứng này, chúng ta có thể khẳng định cậu bị rối loạn ám ảnh cưỡng chế.

Thật ra trường hợp này là bệnh lồng trong bệnh, Tim còn mắc cả chứng rối loạn tâm sinh lý khi cậu quá mức quan tâm về cân nặng của mình và lúc nào cũng nghĩ

mình bị béo phì. Nhưng vì mục tiêu của bài là chứng rối loạn ám ảnh cưỡng chế nên mình không đi sâu vào bệnh này để tránh mọi người bị loạn.

Trường hợp thứ hai: vị luật sư này lạnh lùng, cứng nhắc và bị mắc chứng muốn mọi thứ phải hoàn hảo, và quá mức ám ảnh với từng chi tiết nhỏ. Mặc dù ông không thể quyết định chắc chắn, nhưng ông muốn mọi người phải theo ông. Hôn nhân của ông gặp khó khăn vì thời gian ông làm việc quá dài và không còn thời gian với gia đình và bạn bè. Ông cứng nhắc và lạnh lùng, không thích bất kỳ sự thay đổi nào. Đây là những đặc điểm của chứng rối loạn nhân cách ám ảnh cưỡng chế.

Thế nào, bạn cảm thấy mình hiểu rõ hơn về triệu chứng hai bệnh chưa? Xong rồi thì cùng tôi đi xuống phần nguyên nhân và cách chữa trị nhé.

Nghiên cứu cho thấy bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế và rối loạn nhân cách ám ảnh cưỡng chế có liên quan đến hàm lượng chất dẫn truyền thần kinh, Serotonin, thấp. Serotonin đảm nhận nhiệm vụ truyền thông tin giữa những tế bào não và chất này có vai trò

trong việc điều chỉnh cảm xúc, giận dữ, sự thôi thúc, sự thèm ăn, nhiệt độ cơ thể và cơn đau. Những loại thuốc điều trị bệnh rối loạn ám ảnh cưỡng chế đều có tác dụng nâng cao hàm lượng Serotonin trong não lên và cũng đồng thời điều trị chứng trầm cảm.

Một trong những phương pháp chữa cả hai chứng là sự kết hợp giữa nhận thức- hành vi. Bệnh nhân phải nói chuyện với chuyên viên tâm lý, đối mặt với nỗi sợ của mình và bắt đầu làm chủ nó. Ví dụ như đối với người bị mắc chứng quá sạch sẽ, ban đầu họ sẽ nói chuyện với bác sĩ tâm lý, nghe lời khuyên. Bệnh nhân sẽ phải kháng cự lại sự thôi thúc muốn làm ra hành động cưỡng chế nào đó để giảm thiểu nỗi ám ảnh. Người bệnh sẽ không bao giờ bị bắt phải bỏ đi những hành động cưỡng chế đó Sau đó họ bắt đầu làm quen với những tình huống có liên quan đến chứng bệnh của họ nhưng họ sẽ phải dời hành động đó lại. Sự thôi thúc phải làm ra hành động sẽ giảm dần nếu như bệnh nhân nghe theo lời chỉ dẫn mà hành động chậm lại. Giống như cách 5 phút họ phải đi xuống coi cửa khóa chưa, thì bây giờ tăng lên 10 phút, 15 phút, rồi 20 phút, từ từ rồi sự thôi thúc bắt buộc phải

làm ra hành động giảm dần và có thể sẽ biến mất. Đối với bệnh nhân sợ bị dơ và không thể ngăn nổi sự thôi thúc phải rửa tay thật sạch thì họ sẽ phải tiếp xúc với nguyên nhân kích thích sự thôi thúc đó, ví dụ như làm dơ tay họ lại bằng cách chạm vào bồn cầu. Một ví dụ khác là họ phải tiếp cần một tờ khăn giấy hơi dơ một chút, tiếp đó mức độ dơ sẽ tăng dần, và họ sẽ phải làm chủ bản thân mình bắt đầu đối mặt từ loại bỏ nỗi ám ảnh muốn quăng tờ giấy đi và rửa tay cho đến khi tróc da. Phương pháp này được cho là hữu hiệu nhất trong việc chữa trị chứng rối loạn ám ảnh cưỡng chế.

Tuy nhiên phương pháp tốt nhất để chữa chứng này là để cho bệnh nhân tự đấu tranh với tâm lý của bản thân và chuyên viên điều trị chỉ quan sát và giúp đỡ khi cần thiết hơn là họ chỉ dẫn từng bước một. Bệnh nhân phải tự tập luyện một mình như là bài tập về nhà. Vai trò của chuyên viên điều trị sẽ phai mờ dần với bệnh nhân tự biết chịu trách nhiệm với bản thân mình, đến một lúc nào đó, họ không cần chuyên viên điều trị nữa và có thể tự mình điều khiển hành vi. Như vậy, bệnh mới chấm dứt hoàn toàn.

Tôi nghĩ đến đây mọi người có thể hiểu rõ hơn về hai chứng rối loạn ám ảnh cưỡng chế và rối loạn nhân cách ám ảnh cưỡng chế rồi nhỉ, đồng thời cũng hiểu thêm về cách chữa trị nó. Hai chứng này có thể tự bản thân mình tự chữa nhưng nó đòi hỏi người phải có tố chất tâm lý cực mạnh để có thể kháng cự lại những sự thôi thúc kia. Tôi hy vọng, người nào không biết thì bây giờ biết thêm để tăng thêm sự hiểu biết của mình, còn người mắc chứng này thì có thể tự mình chữa cho mình và có thể giúp đỡ những người cùng mắc bệnh khác.

Rối Loạn Nhân Cách Hoang Tưởng (Paranoid Personality Disorder)

Dịch và Viết: Hải Đường Tĩnh Nguyệt

.

.

Khi học về rối loạn nhân cách, tôi may mắn được một vị khách mời là bác sĩ tâm lý điều trị tại một bệnh viện nổi tiếng đến làm giảng viên khách mời. Điều duy nhất tôi tiếc nuối chính là do mình quá ham ngủ mà đến muộn gần hai mươi phút bài giảng thế nên tôi đã bỏ lỡ một số thứ hay. Thầy giảng bài rất cuốn hút khiến cho 80 phút trôi qua trong chớp mắt và điều tôi thích nhất trong bài giảng ngày hôm đó chính là việc thầy diễn tả các bệnh rối loạn nhân cách dưới góc nhìn về bảy tội lỗi lớn nhất của con người trong Kinh Thánh chính là phẫn

nộ, phàm ăn, lười biếng, kiêu ngạo, đố kỵ, trụy lạc và tham lam. Theo thầy, bảy tội lỗi đó tượng trưng cho bảy tính cách xấu xa hủy hoại lòng nhân từ, thấu hiểu của con người. Chứng rối loạn nhân cách chống đối xã hội mà tôi nói trong bài viết hai, ba tuần trước về Hannibal Lecter chính là bệnh rối loạn nhân cách đại diện cho Trụy Lạc (Lust) luôn có khao khát, mong muốn mãnh liệt với quyền lực, tiền bạc, chỉ quan tâm đến bản thân và sẵn sàng xâm phạm quyền lợi của người khác để mang lại lợi ích cho mình.

Tuy nhiên chúng ta có đến 9 bệnh rối loạn nhân cách, và trong bảy tội lỗi của con người, phàm ăn (là ví dụ trái ngược của sự điều độ) được dùng làm đại biểu cho rắc rối trong sự phát triển tâm lý từ thuở nhỏ. Bất kỳ sự quá mức nào cũng có thể dẫn đến sự bất bình thường trong việc phát triển tâm lý. Ví dụ trải nghiệm quá mức thống khổ đau đớn như đánh đập, lạm dụng tình dục có thể dẫn đến bệnh trầm cảm, lưỡng cực, hay bệnh đa nhân cách. Còn lại sáu tội lỗi được chia cho hai trong ba nhóm bệnh rối loạn nhân cách chính là nhóm B và C, mỗi nhóm có những đặc điểm tính cách riêng biệt

tượng trưng. Bệnh rối loạn nhân cách chống đối xã hội - ASPD nằm trong nhóm B với những đặc điểm về tính cách như kịch tính, thất thường và đầy xúc cảm. Nhóm C tôi sẽ bàn tới trong loạt bài kế tiếp vì sợ luồng thông tin quá nhiều mọi người sẽ không hiểu hết được. Riêng nhóm A thì không có tội lỗi nào làm đại diện nhưng nhóm được gọi là nhóm kỳ quặc (The Weird- tên thầy tôi đặt) với tính cách, hành vi kỳ dị, khó hiểu.Và trong bài viết ngày hôm nay, chúng ta sẽ nói về một bệnh rối loạn nhân cách nằm trong nhóm A - Bệnh Hoang Tưởng (Paranoid Personality Disorder)

Nhóm A cũng là nhóm bệnh rối loạn nhân cách có liên quan đến các loại tội phạm giết người hàng loạt và thảm sát hàng loạt thế nên chúng ta hãy bắt đầu với một case study trước khi đi vào triệu chứng, chẩn đoán và chữa trị nhé.

Anh C. người Hàn Quốc, 23 tuổi. Khi còn bé, anh là một đứa trẻ im lặng, lạnh lùng và dường như có chút xa cách với gia đình. Anh chuyển đến Mỹ sinh sống vào năm 8 tuổi, lúc học tiểu học, anh được bạn bè và thầy cô nhận xét là một học sinh ngoan và giỏi toán, tuy có

chút cô độc nhưng đó là do anh chọn như vậy. Khi lên trung học và cấp ba thì C bị bạn bè cùng trang lứa bắt nạt và chọc ghẹo. Có một lần thầy giáo dọa là sẽ cho anh ở lại lớp nếu anh không chịu tham gia thảo luận cùng bạn thì C mới chịu mở miệng nhưng nói rất nhỏ, rời rạc và trầm thấp như thể anh đang ngậm cái gì trong miệng vậy. Lúc học đại học, C được giáo viên nhận xét là học sinh cá biệt, có vấn đề. C học chuyên ngành anh văn nhưng những bài anh viết lúc nào cũng tối tăm, u ám và dọa dẫm. Có lần C còn bị giáo viên mời ra khỏi lớp vì hành vi của anh gây ảnh hưởng đến lớp học và các sinh viên. C bị tố cáo là theo dõi hai sinh viên nữ và còn chụp những bức ảnh từ chân hướng lên của các bạn nữ khác. Có một lần C gửi tin nhắn có ý định tự tử tới bạn cùng phòng của mình. Người bạn này báo cảnh sát và anh bị giám sát. Tuy C bị tòa bắt đi khám bác sĩ tâm lý nhưng sau hai lần khám thì họ đề nghị không giữ anh trong viện tâm thần mà cho điều trị tại nhà. Vào 7h15' sáng ngày 16 tháng 4 năm 2007, C cầm theo hai khẩu súng bắn chết bạn cùng phòng của mình và bắt đầu cuộc thảm sát đẫm máu khiến toàn nước Mỹ rúng động và làm dấy động lên làn sóng yêu cầu kiểm soát nghiêm ngặt hơn về súng và

tình trạng sức khỏe, đặc biệt là tình trạng tâm lý của học sinh sinh viên khi nhập học (Do ở Mỹ, hồ sơ sức khỏe chỉ có bác sĩ và bệnh nhân được biết, bác sĩ không được đưa hồ sơ bệnh án cho bất kỳ đoàn thể, cơ quan nào mà không có sự đồng ý của bệnh nhân, do đó trường học không có hồ sơ sức khỏe của học sinh, sinh viên, cũng như không hề biết về tình trạng tâm lý của họ).

Cuộc thảm sát đó chính là cuộc thảm sát đại học công nghệ Virginia. Hung thủ chính là Seung Hui Cho

Bức thư nằm trong gói đồ Cho gửi cho đài NBC cùng ngày cuộc thảm sát xảy ra chứa đầy giận dữ,

"Các người có cả trăm tỷ cơ hội để ngăn chặn điều này xảy ra nhưng các người không làm. Các người quyết định để tôi đổ máu. Các người ép tôi vào bước đường cùng, chỉ cho tôi một sự lựa chọn duy nhất. Quyết định đã nằm trong tay các người. Và bây giờ những đôi tay ấy sẽ đẫm ướt máu tươi mà không bao giờ gột rửa cho sạch được."

"Cảm ơn, vì các người mà tôi có thể chết như Chúa

Jesu, người đã truyền cảm hứng cho các thế hệ yếu đuối và không thể tự bảo vệ bản thân."

Chưa có một chẩn đoán chính thức về Seung Hui Cho mặc dù có rất nhiều giả thuyết về chứng bệnh tâm thần mà Cho mắc phải, trong đó có chứng Tâm thần phân liệt dạng hoang tưởng được nhiều nhà tâm lý học đồng ý nhất. Vì để tránh nhiễu thông tin vì mức độ phức tạp, chúng ta sẽ tập trung phân tích dạng rối loạn nhân cách hoang tưởng mà Cho mắc phải.

Bệnh nhân mắc chứng rối loạn nhân cách hoang tưởng thường không tin tưởng người khác, lúc nào cũng nghi ngờ mọi người nghĩ xấu hay có ý đồ xấu với mình mà không có bằng chứng hay lý do chính đáng. Người mắc chứng này tin rằng mọi người ngoài kia muốn hãm hại, lợi dụng, sỉ nhục họ. Với bạn gái/trai hay chồng/vợ của mình, họ lúc nào cũng nghĩ là người kia ngoại tình, không chung thủy mặc dù họ không có bằng chứng gì để chứng minh điều đó. Họ đổ lỗi cho người khác cho những điều không may xảy ra với họ. Họ luôn luôn đúng, chỉ có người khác sai. Người mắc chứng rối loạn nhân cách hoang tưởng thường hay chỉ trích, ganh tỵ,

đổ thừa... Họ bỏ rất nhiều công sức để tự bảo về mình và xa lánh với mọi người, tấn công người khác khi họ cảm thấy bị đe dọa bởi người đó. Lúc nào cũng giận dữ, thù dai, ganh tỵ một cách bệnh hoạn, suy nghĩ lệch lạc. Những hành động, lời nói, cử chỉ bình thường, hay mang tính tốt đẹp đều bị họ coi là xấu xa, cười nhạo họ. Vì thế nên họ không bao giờ tâm sự với người khác, không cho phép bản thân thiết lập bất kỳ mối quan hệ nào. Cảm xúc chủ đạo trong họ chính là giận dữ và nghi kỵ. Nói ngắn gọn, đặc điểm chính của rối loạn nhân cách chính là,

- Đa nghi (Suspect)

- Không tha thứ, thù dai (Unforgiving)

- Nghi ngờ người khác lợi dụng, hãm hại mình (Suspect)

- Nóng tính, dễ tấn công người khác (Perceives attacks on character)

- Kẻ thù hay bạn bè? Không tin vào lòng trung thành

(Enimies or Friend?)

- Không muốn tâm sự với người khác (Confiding - Reluctance)

- Cảm thấy bị đe dọa ngay cả từ những hành động bình thường (Threatening meaning read in benign remarks)

Mỗi chữ cái trong bảy gạch đầu dòng trên tạo thành chữ 'SUSPECT' - Nghi ngờ, cũng chính là đặc điểm nổi bật riêng biệt của bệnh rối loạn nhân cách hoang tưởng. Mặc dù người thường ai cũng có nghi ngờ nhưng người mắc chứng rối loạn nhân cách hoang tưởng nghi ngờ tột độ dẫn đến gây hại cho người khác và hủy hoại các mối quan hệ cá nhân của người đó. Hung thủ Cho có biểu hiện một số triệu chứng của bệnh này như nghi ngờ người khác muốn hại mình, muốn mình đổ máu, cách ly gia đình và xã hội, suy nghĩ lệch lạc, hành vi quá khích, vượt mức bình thường, đổ thừa mọi sự bất hạnh của mình là do người khác mang lại.

Chưa có nguyên nhân chính thức gây ra bệnh rối

loạn hoang tưởng nên bệnh được giải thích dưới mô hình xã hội - sinh lý - tâm lý (biopsychosocial model). Từ việc những người mắc chứng rối loạn nhân cách hoang tưởng có thân nhân mắc chứng tâm thần phân liệt cho thấy sự di truyền giữa hai bệnh này và gien có vai trò quan trọng. Trải nghiệm thời thơ ấu như bị đánh đập, lạm dụng cho là một trong những nguyên nhân gây bệnh.

Giải thích dưới góc nhìn thuyết phân tâm học (psychoanalytic theory), các bệnh rối loạn nhân cách là hệ quả từ việc các cơ chế tự bảo vệ bản thân trong tiềm thức hoạt động không thống nhất. Đối với bệnh rối loạn nhân cách hoang tưởng, cơ chế giải phóng suy nghĩ (projection) hoạt động không bình thường. Giải phóng suy nghĩ chính là động lực, ý tưởng, mong muốn mà một người không thể nào giải quyết hay chấp nhận được thì sẽ được giải phóng ra thế giới bên ngoài và áp đặt vào người khác. Theo suy nghĩ của mình, nếu cơ chế này không hoạt động thì có thể dẫn đến bệnh trầm cảm (Tự nhận tất cả mọi việc không may xảy ra đều là lỗi của mình trong khi thật ra nó không phải), còn nếu hoạt động quá mức thì dẫn đến rối loạn nhân cách hoang

tưởng (Tất cả chuyện không hay xảy ra với mình đều là lỗi của người khác) . Với những nhà khoa học theo phương pháp nhận thứ- hành vi, họ cho rằng những người mắc bệnh này là hệ quả từ những niềm tin ẩn giấu bên dưới rằng người khác lúc nào cũng lừa dối cộng thêm việc thiếu tự tin vào bản thân.

Với sự hoạt động bất thường của cơ chế tự bảo vệ bản thân, việc chữa trị phổ biến cho bệnh rối loạn nhân cách hoang tưởng cũng dựa trên thuyết phân tâm học (psychotherapy). Đa số bệnh nhân mắc chứng rối loạn nhân cách không cho rằng họ có vấn đề, do đó họ không tự đi khám hay tư vấn tâm lý, nhất là với người mắc chứng rối loạn nhân cách hoang tưởng. Sự đa nghi khiến cho họ nghi ngờ tất cả mọi người khiến cho việc điều trị khó khăn vì chuyện ngưng điều trị giữa chừng xảy ra thường xuyên. Chữa trị theo phân tâm học cần thời gian dài vì đó là phương thức điều trị gián tiếp. Chuyên viên tâm lý sẽ không nói thẳng vào vấn đề mà bệnh nhân đang mắc phải, thay vào đó họ sẽ lắng nghe bệnh nhân nói nhiều hơn và thu thập thông tin. Họ ngồi sau lưng bệnh nhân, không để cho cảm xúc của bệnh

nhân ảnh hưởng đến mình hay của mình ảnh hưởng đến bệnh nhân vì điều đó dễ gây ra việc chẩn đoán sai lầm. Vì tính chất nghi ngờ của bệnh nhân mắc chứng rối loạn hoang tưởng, chuyên viên liệu trị phải tốn rất nhiều công sức để gầy dựng niềm tin nơi bệnh nhân. Ngày qua ngày, bệnh nhân sẽ tin tưởng họ thêm và sẽ tiết lộ ra nhiều suy nghĩ lệch lạc khác. Họ sẽ phải giải quyết các suy nghĩ lệch lạc này một cách cẩn thận để không mất đi mục tiêu trị liệu và đồng thời không làm dấy lên nỗi nghi ngờ của bệnh nhân. Những sự nghi ngờ vô căn cứ của bệnh nhân đa phần là hoang tưởng thế nên không thể giải thích cho bệnh nhân theo logic được vì họ sẽ không nghe theo và điều đó có thể hủy hoại sự tin tưởng giữa họ và chuyên viên trị liệu. Mục tiêu cuối cùng của phương thức chữa trị này là giúp cho bệnh nhân có một số kỹ năng hòa nhập cơ bản, cũng như giao tiếp xã hội, và niềm tự tin nơi bản thân.

Do đa nghi nên bệnh nhân thường không dùng thuốc, tuy nhiên một số thuốc như chống trầm cảm, lo lắng có thể được kê đơn nếu bệnh nhân có triệu chứng lo âu quá mức (Anxiety disorder), là hệ quả từ việc nghi kỵ và

không tin tưởng bất kỳ ai. Hiện nay chưa có cách nào để phòng bệnh này nhưng một số kế hoạch trị liệu giúp cho bệnh nhân nào có xu hướng mắc bệnh học cách giải quyết tình huống tốt đẹp hơn.

Một số các show truyền hình tội phạm Mỹ như Criminal Minds trong mùa một khoảng ep 5 cho đến ep 10, họ thường dùng Paranoid Personality Disoder hay Paranoid Disorder để miêu tả một tên tội phạm nào đó hành động hung hăng, nóng vội đồng thời cũng cẩn thận. Theo ý tôi, nhà làm phim hay biên kịch không lột tả được đặc điểm chính của chứng này là sự đa nghi của tội phạm, khiến cho tôi khó lòng mà phân biệt được giữa tên tội phạm mắc rối loạn nhân cách hoang tưởng và những tên tội phạm khác. Nhưng nhìn chung đó là một series hay và hấp dẫn, tôi vẫn còn đang xem mùa đầu thế nên hy vọng những mùa sau rõ ràng hơn

Đại Cương Về Chứng Thái Nhân Cách

Thái nhân cách (psychopathy) là một thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp psukhe (tâm) và pathos (bệnh tật, đau khổ), và từng được dùng để chỉ bất kì rối loạn tâm thần nào. Vào thời điểm hiện tại, chứng thái nhân cách được mô tả chính xác nhất trong hai công trình có ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực này: Without Conscience(Không có Lương tâm) của Robert Hare và The Mask of Sanity (Mặt nạ của sự bình thường) của Hervey M. Cleckley. Một kẻ thái nhân cách đúng chính xác là như vậy: vô lương tâm, và quan trọng hơn cả, điều này được ẩn giấu sau một cái mặt nạ bình thường tốt đến nỗi ngay cả các chuyên gia cũng bị đánh lừa. Một công trình thứ ba gần đây hơn, Snakes in Suits (Rắn độc mặc Com lê) của Robert Hare và Paul Babiak, đã nâng nghiên cứu trong lĩnh vực này lên một tầng cao mới bằng cách nhấn mạnh thực tế là: Nhờ khả năng che

giấu bản chất thực sự của chúng, những kẻ thái nhân cách dễ dàng trở thành những con rắn độc mặc com lê nắm quyền kiểm soát thế giới của chúng ta. Nhà tâm lý học từ trường đại học Harvard, Martha Stout, mô tả sự phối hợp chết người này như sau:

null

Hãy tưởng tượng - nếu bạn có thể - không có lương tâm, không một chút nào, không một cảm giác tội lỗi hay hối hận dù bạn làm bất cứ điều gì, không chút ý thức kiềm chế bắt nguồn từ sự quan tâm đến người khác, dù là người lạ, bạn bè, hay thậm chí thành viên gia đình. Hãy tưởng tượng không phải đấu tranh với sự hổ thẹn, dù chỉ là một lần trong cả đời bạn, dù bạn làm bất cứ hành động ích kỉ, lười biếng, tai hại hay vô đạo đức nào.

Và thử giả bộ bạn không hề biết đến khái niệm về trách nhiệm, ngoại trừ việc nó là một gánh nặng mà những người khác có vẻ chấp nhận mà không hỏi han gì, như những thằng ngu cả tin.

Bây giờ thêm vào sự tưởng tượng kì quặc này khả năng che mắt những người khác rằng cấu trúc tâm lí của bạn khác xa so với họ. Vì mọi người đều cho rằng lương tâm là thứ tồn tại trong tất cả con người, việc che giấu sự thật rằng bạn không có lương tâm gần như không mất chút công sức nào. [1]

Chứng thái nhân cách được định nghĩa trong tâm thần học là một trạng thái đặc trưng bởi sự thiếu hụt khả năng đồng cảm hoặc lương tâm, tính khoa trương, ngạo mạn, nhẫn tâm, nông cạn, kém khả năng kiềm chế và hay sử dụng thủ đoạn để giành quyền kiểm soát của cải, tài nguyên hoặc con người. Kẻ thái nhân cách cũng được biết đến là dễ nóng giận, không cảm thấy hối lỗi hay lo lắng và dễ phạm pháp hay gây tội ác. [2]

Mặc dùng được sử dụng rộng rãi như một thuật ngữ tâm thần học, thái nhân cách không có đề mục chính xác tương ứng [3] trong Cẩm nang Chẩn đoán và Thống kê Các Rối loạn Tâm thần - Phiên bản IV - Có Sửa đổi (DSM-IV-TR), trong đó đề mục gần nhất là rối loạn nhân cách chống xã hội (anti-social personality disorder), hay trong Bảng Phân loại Bệnh tật Quốc tế -

Phiên bản 10 (ICD-10), trong đó đề mục gần nhất là rối loạn nhân cách lẩn tránh xã hội (dissocial personality disorder). Vấn đề này sẽ được thảo luận trong phần "Lịch sử".

Trong thực hành lâm sàng hiện nay, phương pháp phổ biến nhất để chẩn đoán chứng thái nhân cách là dùng Bảng Kiểm tra Thái nhân cách - Có Sửa đổi (PCL-R) của Robert Hare. Hare mô tả những kẻ thái nhân cách như là "những con thú săn mồi trong cùng loài, những kẻ dùng sự hấp dẫn, thủ đoạn, đe dọa và bạo lực để kiểm soát những người khác và đáp ứng nhu cầu riêng ích kỉ của chúng. Do không có lương tâm và cảm xúc với người khác, chúng nhẫn tâm lấy bất cứ cái gì chúng muốn và làm bất cứ điều gì chúng thích, vi phạm chuẩn mực và đạo đức xã hội mà không có chút cảm giác hối hận hay vương vấn nào." Hare cũng cho rằng mặc dù tỉ lệ thống kê của những kẻ thái nhân cách trong một xã hội bất kì là rất nhỏ, phần đóng góp của chúng vào những đau khổ trong xã hội là đặc biệt lớn. [4] Qua việc nghiên cứu cho thấy những kẻ thái nhân cách rất lão luyện trong việc leo lên những vị trí cao trong giới kinh

doanh và chính trị, chúng ta có thể nói chứng thái nhân cách là vấn đề quan trong nhất của xã hội hiện đại.

Với một người ngoài ngành, thuật ngữ thái nhân cách thường được hiểu rộng hơn, và thường bị nhầm lẫn với các rối loạn tâm thần nói chung. Người ta thường coi "kẻ thái nhân cách" là đại diện cho cảm nhận cá nhân của họ về một con người tà ác, thường dưới hình thức một kẻ điên rồ giết người hàng loạt như vẫn được mô tả trong phim ảnh và văn học. Đây là một nhận thức sai lầm đáng tiếc.

null

Kẻ thái nhân cách là thế nào?

Lịch sử

Kẻ thái nhân cách là thế nào?: Những tranh cãi trong chẩn đoán

Quan hệ của chứng thái nhân cách với các rối loạn tâm thần khác

Mức độ phổ biến của chứng thái nhân cách

Chứng thái nhân cách ở trẻ em

Nuôi dạy hay tự nhiên?

Thể nền bản năng hay cơ sở tâm sinh học

Bộ não bò sát

Thất bại của dưỡng dục - Liên kết tình cảm?

Rối loạn nhân cách chống xã hội trong DSM-IV và trẻ em

Mô hình hai ngưỡng của Cloninger cho chứng thái nhân cách qua di truyền

Chẩn đoán chứng thái nhân cách ở trẻ em

Các dấu hiệu của chứng thái nhân cách trong thời thơ ấu

Mối liên quan đến luật pháp và xã hội

1. Kẻ thái nhân cách là thế nào?

"Dễ mến", "hấp dẫn", "thông minh", "lanh lợi", "gây ấn tượng", "tạo sự tin cậy", và "rất thành công với phụ nữ": Đó là những cách mô tả được lặp lại nhiều lần bởi Hervey Cleckley trong các trường hợp nghiên cứu nổi tiếng của ông về những kẻ thái nhân cách The Mask of Sanity (Mặt nạ của sự bình thường). Dĩ nhiên, bọn chúng cũng "vô trách nhiệm", "tự hủy hoại bản thân" và những thứ tương tự mặc dù những đặc điểm này thường

được che giấu kĩ càng sau chiếc mặt nạ. Những mô tả có vẻ như trái ngược này nêu bật sự thất vọng và bối rối to lớn xung quanh các nghiên cứu về chứng thái nhân cách.

Các nhà nghiên cứu thường chỉ ra rằng, bề ngoài, kẻ thái nhân cách dường như có thừa thãi những đặc tính mà người bình thường mong ước nhất. Sự tự tin thanh thản của kẻ thái nhân cách có vẻ gần như là một giấc mơ không thể đạt được. Đó cũng thường là điều những người "bình thường" cố gắng đạt được khi họ tham dự các lớp huấn luyện tính mạnh mẽ. Trong nhiều trường hợp, sự hấp dẫn như nam châm của kẻ thái nhân cách với những người khác giới có vẻ gần như là siêu nhiên.

Kẻ thái nhân cách thiếu khả năng suy xét và không có bất cứ ý thức trách nhiệm hay ý thức về hậu quả nào. Nếu có tồn tại, những cảm xúc của chúng cũng bị coi là hời hợt và nông cạn. Chúng bị xem là nhẫn tâm, thủ đoạn và không có khả năng hình thành các mối quan hệ lâu bền hay cảm nhận bất cứ tình yêu nào. Người ta cho rằng mọi cảm xúc mà một kẻ thái nhân cách đích thực thể hiện chỉ là lặp lại bằng cách quan sát và bắt

chước cảm xúc của người khác.

Mức độ thông minh trung bình của kẻ thái nhân cách, nếu đo bằng các trắc nghiệm thường dùng, thấp hơn người bình thường một chút, mặc dù khả năng trí óc của mỗi cá thể trong số chúng cũng đa dạng như người bình thường. Trái với quan niệm thông thường, không có mức độ thông minh rất cao trong số những kẻ thái nhân cách và đặc biệt không có tài năng về kĩ thuật hay tay nghề thủ công trong số chúng. [5]

Về mặt sinh học mà nói, hiện tượng này tương tự như hiện tượng mù màu, ngoại trừ việc, không giống như bệnh mù màu, chứng thái nhân cách ảnh hưởng đến cả hai giới tính. Mức độ của nó cũng khác nhau... từ mức độ chỉ vừa đủ để một người quan sát có kinh nghiệm nhận ra cho đến mức độ bệnh hoạn rõ ràng. Cũng như bệnh mù màu, dị tật có vẻ như cũng đại diện cho một sự thiếu hụt trong xử lý kích thích, chỉ có điều không phải là trên cấp độ giác quan mà là trên cấp độ bản năng. Phân tích tâm lý cho thấy sự thiếu hụt rõ ràng chỉ xuất hiện ở nam giới. Ở nữ giới, nó thường được giảm nhẹ, dường như được bù đắp bởi một alen bình

thường thứ hai. Điều này gợi ý rằng dị tật này được di truyền qua nhiễm sắc thể X, nhưng ở một gen nửa trội. Điều này chưa được xác nhận bằng việc loại trừ khả năng di truyền từ cha sang con trai. Việc phân tích cách cư xử của những cá nhân này khiến chúng tôi kết luận rằng cả thể nền bản năng của chúng cũng không hoàn thiện, chứa những lỗ hổng nhất định và thiếu hụt một số phản ứng tự nhiên hài hòa mà các thành viên của loài Homo Sapiens vẫn thường có. [6]

Mặc dù kẻ thái nhân cách bị thiếu hụt trong khả năng trải nghiệm và thấu hiểu cảm xúc con người, và có những hạn chế nhất định về mặt trí tuệ, người ta đã quan sát thấy rằng chúng có một thiên bẩm đặc biệt, một loại tri thức của riêng chúng. Thiên bẩm này dường như bắt nguồn từ thực tế là chúng có khả năng quan sát và đánh giá - một cách hoàn toàn vô cảm - những người khác trong mọi loại tình huống và quan hệ khác nhau, và lập kế hoạch cho hành động của chúng mà không bị ảnh hưởng bởi các liên hệ hay cân nhắc về tình cảm. Kẻ thái nhân cách quan sát cẩn thận những người bình thường, đánh giá, rút ra kết luận và qua đó trở nên thông thạo và

tường tận với các yếu điểm tâm lý của con người. Chúng thường tiến hành các thí nghiệm nhẫn tâm chỉ để giải trí. Những đau khổ mà chúng gây ra cho người khác không bao giờ làm chúng hối hận, bởi vì, trong cách nhìn của chúng, những đau khổ ấy là kết quả của những yếu điểm của người bình thường, những cá nhân mà chúng không coi là cùng loài với chúng. Cũng như người bình thường cảm thấy hạnh phúc khi làm người khác hạnh phúc, kẻ thái nhân cách dường như tìm thấy một thứ hạnh phúc - hay sự hài lòng - khi làm người khác đau khổ.

Kẻ thái nhân cách học cách nhận biết lẫn nhau trong đám đông ngay từ khi còn bé, và chúng hình thành nhận thức về sự tồn tại của những cá nhân khác tương tự như chúng. [7] Chúng cũng ý thức về sự khác biệt giữa chúng với phần đa số của loài người, những người bình thường khác. Người ta đã quan sát thấy rằng chúng xem những người bình thường như một cái gì đó giống như một loài khác, và cái nhìn này thường là giống như một con thú săn mồi bám theo con mồi. Những người bình thường với thế giới quan bình thường của họ không thể nhận thức hay đánh giá đúng mức sự tồn tại của thế giới

những khái niệm dã thú thái nhân cách ấy.

Các nhà nghiên cứu có thể thu thập được một số kiến thức về thế giới bên trong của kẻ thái nhân cách chỉ nhờ vào những phần tử không thành công trong số chúng, những kẻ gây ra tội ác và kết thúc ở nhà tù hay bệnh viện tâm thần, nơi chúng có thể được nghiên cứu. Bằng cách này, những nhà nghiên cứu đã có thể "học ngôn ngữ của chúng" và biết được một chút về thế giới quan của chúng, mặc dù chúng tôi phải lưu ý rằng kẻ thái nhân cách chỉ đồng ý chịu để nghiên cứu nếu chúng tin rằng sẽ thu được lợi ích gì đó cho bản thân. Các nhà nghiên cứu đã quan sát thấy rằng kẻ thái nhân cách không có khả năng thu nạp các khái niệm và thế giới quan của người bình thường ngay cả khi chúng cố gắng. Mọi tiến bộ bề ngoài đã bị chứng tỏ lần này qua lần khác rằng đó chỉ là màn kịch chúng diễn (thường là khá tốt) và cái mặt nạ để chúng che giấu thực trạng dị thường của chúng.

Trong bất kì xã hội nào trong thế giới này, những cá nhân thái nhân cách thường tạo ra một mạng lưới tích cực những kẻ cùng thông đồng, tách rời khỏi cộng đồng

những người bình thường. Chúng nhận thức sự khác biệt của bản thân. Thế giới của chúng vĩnh viễn chia thành "chúng ta và chúng nó"; một bên là thế giới của chúng với những luật lệ và quy tắc riêng và bên kia là "thế giới xa lạ" của những người bình thường mà chúng coi là đầy những ý tưởng và quy tắc ngạo mạn về sự thật, danh dự và đoan chính, những mực thước mà chúng biết là chúng sẽ bị lên án về mặt đạo đức nếu áp dụng lên bản thân chúng. Khái niệm méo mó về danh dự của chúng khiến chúng lừa gạt và căm ghét những người bình thường và những giá trị của họ. Ngược với những lý tưởng của người bình thường, những kẻ thái nhân cách cảm thấy không giữ lời hứa là hành vi bình thường. Chúng không chỉ thèm muốn của cải và quyền lực mà chúng còn có niềm vui đặc biệt khi chiếm đoạt của người khác (từ anh chị em của chúng chẳng hạn); những thứ chúng có được thông qua ăn cắp, lừa đảo, tống tiền là những trái ngọt hơn nhiều so với những gì chúng kiếm được qua lao động một cách trung thực. Chúng cũng biết rằng bản thân tính cách và cách cư xử của chúng gây ra chấn thương tâm lý cho người bình thường và chúng biết cách lợi dụng nỗi kinh hoàng này

để đạt được mục đích của chúng.

Như đã nói ở trên, hầu hết các nghiên cứu về kẻ thái nhân cách đều diễn ra trong quần thể nhà tù, mặc dù nó thường được gợi ý rằng bên cạnh ngồi sau song sắt, kẻ thái nhân cách cũng hoàn toàn có thể ngồi trên ghế hội đồng quản trị, che giấu bản chất thực sự của hắn đằng sau một cái "Mặt nạ của sự Bình thường" được thiết kế cẩn thận. Cleckley đã tạo cơ sở cho ý kiến rằng chứng thái nhân cách khá phổ biến trong cộng đồng bên ngoài. Ông đã thu thập một số trường hợp kẻ thái nhân cách hoạt động bình thường trong cộng đồng với tư cách nhà doanh nghiệp, bác sĩ, hay thậm chí bác sĩ tâm thần.

Không có cảm xúc có nghĩa là kẻ thái nhân cách thực chất là một cỗ máy rất hiệu quả, như một cái máy tính; chúng có thể thực hiện những thao tác rất phức tạp nhằm mục đích moi được từ người khác sự ủng hộ cho những gì chúng muốn. Bằng cách này, nhiều kẻ thái nhân cách có thể đạt được những vị trí rất cao trong cuộc sống. Chỉ có qua thời gian và bằng cách quan sát cẩn thận, những cộng sự của chúng mới nhận thức được thực tế là chúng trèo lên bậc thang danh vọng

bằng cách chà đạp lên quyền lợi của người khác, thường là một cách ngấm ngầm đằng sau hàng tầng lớp những sự dối trá. "Ngay cả khi chúng coi rẻ quyền lợi của các cộng sự, chúng thường vẫn có thể tạo ra cảm giác tin cậy và tự tin."

null Ted Bundy

Nó đã được chỉ ra rằng sự trừng phạt và những phương pháp sửa đổi hành vi không cải thiện hành vi của một kẻ thái nhân cách. Điều thường xuyên được quan sát là chúng đối phó với những nỗ lực ấy bằng cách trở nên xảo quyệt hơn và che giấu hành vi của chúng tốt hơn. Điều này sẽ được thảo luận kỹ lưỡng hơn trong mục "Mức độ đáp ứng với điều trị".

Những kẻ thái nhân cách còn có một nhận thức rất méo mó về hậu quả tiềm năng của những hành động của chúng, không chỉ đối với người khác mà còn đối với bản thân chúng. Ví dụ, chúng không nhận thức sâu sắc được nguy cơ bị bắt, bị vạch mặt hay bị thương từ hành vi của chúng. Điều này có thể liên quan đến việc không có khả năng hình dung những khái niệm trừu tượng như

quá khứ hay tương lai.

Trong khi suy đoán về cái gì là điểm mấu chốt trong kẻ thái nhân cách khiến chúng trở nên như vậy, [8] Cleckley đi rất gần đến việc gợi ý rằng chúng là con người về mọi khía cạnh - nhưng chúng không có linh hồn. Sự thiếu vắng "phần hồn" này biến chúng thành những "cỗ máy" rất hiệu quả. Chúng có thể hùng biện, viết những tác phẩm uyên thâm, có thể bắt chước những từ ngữ biểu đạt cảm xúc và tạm thời diễn đạt những cảm xúc ấy, nhưng cùng với thời gian, người ta nhận thấy rõ ràng là những từ ngữ của chúng không đi đôi với hành động hay những gì thực sự bên trong chúng.

Khả năng bắt chước thường được kẻ thái nhân cách sử dụng để thuyết phục những người khác rằng hắn là một người bình thường và có những cảm xúc bình thường. Hắn làm như vậy để tỏ ra vẻ đồng cảm với nạn nhân của hắn. Kẻ thái nhân cách sẽ tìm cách làm nạn nhân của hắn và những người xung quanh tin rằng hắn có những cảm xúc bình thường bằng cách thêu dệt những câu chuyện sướt mướt hay tự nhận là đã có những trải nghiệm sâu sắc, xúc động. [9] Yếu tố thương

hại là một lý do tại sao các nạn nhân thường sa vào bẫy của những con người "đáng thương" này. Nói dối đối với kẻ thái nhân cách cũng tự nhiên như hơi thở vậy. Khi bị bắt quả tang và vạch trần là nói dối, chúng bịa ra những câu chuyện dối trá mới, và không để tâm nếu bị phát hiện. Như Hare nói:

Dối trá, lừa gạt và thủ đoạn là tài năng tự nhiên của kẻ thái nhân cách... Khi bị bắt quả tang nói dối và vạch trần bằng sự thật, chúng hiếm khi lúng túng hay xấu hổ - chúng chỉ đơn giản là thay đổi câu chuyện hay sửa lại các dữ kiện sao cho có vẻ phù hợp. Kết quả là hàng loạt những tuyên bố trái ngược và một người nghe hoàn toàn bị hoang mang. [10]

Thông thường, hành vi của chúng được thiết kế để gây hoang mang và trấn áp các nạn nhân của chúng, hay để gây ảnh hưởng tiêu cực lên bất cứ ai lắng nghe những gì các nạn nhân ấy kể. Thủ đoạn là chìa khóa cho các cuộc chinh phục của chúng, và dối trá là một cách để chúng đạt được điều đó.

Adolf Guggenbuhl-Craig nói rằng "chúng rất có tài tỏ

ra khiêm tốn hơn nhiều những người bình thường, nhưng thực tế thì không phải như vậy". [11] Những kẻ thái nhân cách hướng tới các vị trí trong chính trị rất giỏi giả bộ quan tâm đến các tầng lớp dưới và tự nhận là đứng về phía những người nghèo, v.v...

Một số kẻ thái nhân cách thậm chí còn có thể rất yêu quý thú vật (trái với quan niệm thông thường), nhưng chúng chỉ xem các con thú ấy là đồ vật của chúng.

2. Lịch sử

Như đã đề cập ở trên, từ "thái nhân cách" (psychopathy, dịch nghĩa đen là "tâm bệnh") từng được dùng để chỉ bất cứ bệnh tâm thần nào. Trong thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, thuật ngữ này được áp dụng cho những hội chứng trong đó có những rối loạn về cảm xúc hay hành vi nhưng không có bất cứ khuyết tật trí tuệ nào. Những hội chứng này thường được gọi là điên rồ về mặt đạo đức (moral insanity), điên rồ đơn sắc thái (monomania), v.v... [12] Các trường hợp như vậy đã xác định một cách rõ ràng thực tế là rối loạn tâm thần có thể tồn tại trong một cá thể với trí tuệ nguyên vẹn.

Một trong những hội chứng được xác định trong giai đoạn đầu của tâm thần học hiện đại này được gọi là Bốc đồng (Impulsion) hay chứng điên cuồng bốc đồng (impulsive insanity). Cái này được giải thích là một sự xáo trộn "không suy xét" trong hành động (không xem xét đến hậu quả) hay sự "hung hăng không tự chủ" và sự vắng mặt của bất cứ triệu chứng xáo động tâm thần nào khác. Theo Berrios [13], đây là "điểm cốt lõi mà từ đó về sau khái niệm thái nhân cách được xây dựng nên". [14]

Có một lý do quan trọng trong pháp y tại sao khái niệm ấy được phát triển lên như vậy: để lời khai của các bác sĩ được chấp nhận trong các phiên tòa hình sự, cần một phân loại nào đó khác hơn, hay vượt ra ngoài, phân loại "mất trí toàn diện". Mọi người đều thấy rõ rằng có những kẻ tội phạm hoàn toàn bình thường về mặt chức năng, nhưng lại gây ra những tội ác cực kỳ tàn ác và ghê tởm bởi vì có một cái gì đó rõ ràng là "không bình thường" với chúng.

Một thay đổi đến trong nửa đầu thế kỷ 20: khái niệm thái nhân cách được thu hẹp lại để chỉ rối loạn nhân cách

nói chung. Rối loạn nhân cách khi đó được định nghĩa là "một xáo động kinh niên về cảm xúc hay ý chí, hay một xáo động trong sự liên kết của chúng với các chức năng trí tuệ, dẫn đến các hành vi phá hoại xã hội." [15] Đây là một chuyển biến quan trọng từ tư duy coi những kẻ thái nhân cách là những cá nhân "bị tổn thương" sang tư duy coi chúng "gây tổn thương" cho người khác. [16] Tuy nhiên, vào thời điểm đó, các bác sĩ chưa nhất trí được làm thế nào để phân biệt các chứng rối loạn nhân cách khác nhau hay gọi tên chúng thế nào. Mặc dù vậy, có sự nhất trí là có một nhóm hội chứng rối loạn quan trọng đặc trưng bởi hành vi bốc đồng, hung hăng và chống xã hội.

Theo nhà tâm lý học lâm sàng người Đông Âu, Andrew Lobaczewski, các bác sĩ ở châu Âu vào lúc bấy giờ cho rằng có nhiều loại thái nhân cách bao gồm thái nhân cách nhược thần (asthenic), phân lập (schizoidal), ám ảnh cưỡng chế (anankastic), kích động (hysterical). [17] Ông cũng gợi ý rằng tâm thần học và tâm lý học là những nghề đặc biệt hấp dẫn với những kẻ thái nhân cách, một ý tưởng cũng được Hervey Cleckley, Robert

Hare và Paul Babiak ủng hộ, và rằng đây là lý do chính cho sự rối loạn trong chẩn đoán chứng thái nhân cách và sự suy thoái trong các nghiên cứu về bản thân chứng thái nhân cách.

Lobaczewski nói về thực tế là dưới chế độ Đức Quốc xã và chế độ Stalin ở Nga, ngành tâm lý học đã bị đồng hóa và sử dụng để hỗ trợ chế độ độc tài và điều này được thực hiện bởi những kẻ thái nhân cách cầm quyền, những kẻ sau đó triệt tiêu mọi khả năng các thông tin chính xác về hội chứng ấy có thể được truyền bá rộng. Ông chỉ ra rằng bất cứ chế độ nào mà bao gồm chủ yếu những kẻ tâm lý bệnh hoạn cũng không thể để bộ môn tâm lý học phát triển tự do được bởi vì kết quả là mọi người sẽ nhận ra bản thân chế độ đó là bệnh hoạn và nhìn ra "kẻ núp sau tấm màn". Nhận thức đó sẽ củng cố sức đề kháng tâm lý của những người bình thường, những người chiếm số đông trong bất cứ xã hội nào, và sẽ cung cấp cho họ các biện pháp tự vệ mới. Ông đặt câu hỏi: "Liệu có đế chế bệnh hoạn nào có thể để điều đó xảy ra?" Mọi khả năng dẫn tới một tình huống như vậy phải bị chặn đứng từ xa một cách khéo léo, cả trong và

ngoài đế chế.

Dựa trên những quan sát trực tiếp về hiện tượng đó, Lobaczewski nói rằng việc kìm hãm tri thức được thực hiện theo cách tiêu biểu của kẻ thái nhân cách: ngấm ngầm và đằng sau một cái "Mặt nạ của sự Bình thường". Để có thể kiểm soát các môn tâm lý học, chúng phải nắm được những gì đang diễn ra và ai đang làm gì. Một chế độ chính trị bệnh hoạn tìm xem những cá nhân nào trong ngành là thái nhân cách (thường là những nhà khoa học rất tầm thường), tạo cho chúng điều kiện học tập, lấy bằng cấp và leo lên những vị trí quản lý của các tổ chức khoa học và văn hóa. Ở đó, thúc đẩy bởi cả lợi ích cá nhân và cảm giác ghen tỵ điển hình của kẻ thái nhân cách đối với những người bình thường, chúng sẽ đánh bật những người tài năng hơn xuống. Chúng là những kẻ theo dõi xem các bài viết khoa học có đi theo "hệ tư tưởng đúng đắn" không và tìm cách làm cho những nhà khoa học có tài không có được các tài liệu khoa học mà họ cần. Lobaczewski viết về vấn đề này như sau:

Các bài viết khoa học xuất bản dưới những chế độ

như vậy hay nhập khẩu từ nước ngoài đều bị theo dõi, các quỹ nghiên cứu từ chối tài trợ những người thực hiện nghiên cứu theo một số hướng nhất định nào đó. Các chuyên gia đặc biệt xuất sắc có thể trở thành đối tượng bị hăm dọa và bị kiểm soát một cách ngấm ngầm, hiểm độc. Dĩ nhiên điều này khiến ngành tâm lý học nghiên cứu các hội chứng tâm lý bệnh hoạn bị thui chột. Và tất nhiên toàn bộ hoạt động đó được tiến hành theo một cách nào đó tránh sự chú ý của dư luận. Thông thường, các nhà khoa học nghiên cứu trong lĩnh vực này bị biến mất không một tăm hơi và nhiều người bị buộc phải ra nước ngoài để rồi trở thành đối tượng cho các chiến dịch quấy rối có tổ chức ở đó. Những danh sách chính thức và không chính thức về các bộ môn không được phép dạy được biên soạn và các chỉ thị tương ứng được đưa ra để bóp méo các bộ môn liên quan. Trong lĩnh vực tâm lý học, danh sách này lớn đến mức hầu như không còn chút gì của môn khoa học này ngoại trừ một cái khung trơ đã bị loại bỏ bất cứ điều gì có thể liên quan hay gợi đến những điểm quan trọng.

Chương trình học cho sinh viên tâm thần không có

những kiến thức tối thiểu trong các lĩnh vực tâm lý học đại cương, tâm lý học phát triển và tâm lý học lâm sàng, cũng như những kỹ năng cơ bản trong trị liệu tâm lý. Nhờ vào tình trạng như vậy, những bác sĩ kém cỏi nhất cũng có thể trở thành bác sĩ tâm thần sau một khóa học tối thiểu nhất. Điều này mở toang cánh cửa ngành tâm thần học cho những cá nhân, do bản chất của họ, có xu hướng thích phục vụ một chế độ bệnh hoạn, và nó có ảnh hưởng quyết định đến mặt bằng tri thức trong ngành. Về sau nó cũng tạo điều kiện để cho tâm thần học bị lạm dụng cho những mục đích nó không bao giờ nên được sử dụng. [...]

Dĩ nhiên bản chất của chứng thái nhân cách không bao giờ được phép nghiên cứu hay làm sáng tỏ. Vấn đề này được che giấu trong bóng tối bằng một thứ định nghĩa của chứng thái nhân cách cố ý bao hàm nhiều loại rối loạn nhân cách khác nhau, cùng với những hội chứng gây ra bởi những nguyên nhân hoàn toàn khác và đã được biết rõ.

Chúng ta phải thán phục cái định nghĩa của chứng thái nhân cách kể trên trong việc nó ngăn chặn một cách

có hiệu quả mọi khả năng thấu hiểu thực chất của vấn đề... Do vậy cuộc chiến "ý thức hệ" diễn ra ở một nơi mà hầu hết mọi người không ngờ tới, bao gồm cả các nhà khoa học và nhà nghiên cứu trong lĩnh vực đó.

Mặc dù vậy, các bài viết và dữ liệu khoa học cần thiết vẫn có thể được kiếm ra dù có khó khăn. Tuy nhiên, sinh viên và các nhà nghiên cứu mới vào nghề không biết về những gì đã bị lấy ra khỏi chương trình học của họ để tìm cách tiếp cận chúng. Khoa học bắt đầu suy thoái với một tốc độ đáng lo ngại một khi nhận thức ấy bị mất đi.

Chúng ta cần phải hiểu bản chất của hiện tượng xã hội vĩ mô ấy cũng như quan hệ và sự đấu tranh cơ bản giữa hệ thống bệnh hoạn và những môn khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý và tâm lý bệnh hoạn. Nếu không chúng ta sẽ không thể ý thức đầy đủ về nguyên nhân của những hành động đó. [...]

Những hành động và phản ứng của người bình thường, những ý tưởng và tiêu chuẩn đạo đức của họ thường được xem là không bình thường trong mắt của

những cá nhân không bình thường. Và nếu một kẻ thái nhân cách coi hắn ta là bình thường, điều này dĩ nhiên là dễ dàng hơn nếu hắn ở vị trí nắm quyền, khi đó hắn sẽ coi một người bình thường khác biệt với tiêu chuẩn "bình thường" của hắn là không bình thường... Điều này giải thích tại sao một chế độ bệnh hoạn luôn có xu hướng coi những người bất đồng chính kiến là "tâm thần không bình thường".

Những chiến dịch gán cho những người bình thường là mắc bệnh tâm thần và việc sử dụng các bệnh viện tâm thần cho mục đích này diễn ra ở nhiều nước nơi những kẻ thái nhân cách nắm quyền lực chính trị. Hệ thống pháp luật hiện hành ... không dựa trên những hiểu biết đầy đủ về bản chất tâm lý của những hành động như vậy, và do đó không phải là một biện pháp phòng ngừa hữu hiệu chống lại nó. [...]

Trong mắt kẻ thái nhân cách, người bình thường chỉ là một kẻ ngây thơ đi tin vào những lí thuyết không hiểu nổi; nếu gọi là "điên rồ" cũng không xa mấy.

Vì vậy, khi chúng ta đã nghe đủ những câu chuyện

kiểu như vậy hay có đủ kinh nghiệm trong lĩnh vực này, chúng ta thấy rõ động cơ cho những hành động như vậy ở một mức độ cơ bản hơn. Điều xảy ra gần như thành quy luật là ý tưởng vu cho ai đó là mắc bệnh thần kinh thường xảy đến từ những đầu óc với nhiều loại khuyết tật và lệch lạc tâm lý khác nhau... Vì vậy một hệ thống pháp luật tốt cần bắt buộc xét nghiệm tâm lý với những cá nhân buộc tội người khác là tâm lý không bình thường một cách quá hăng hái hay dựa trên những bằng chứng quá mong manh.

Mặt khác, bất kỳ hệ thống nào trong đó sự lạm dụng tâm thần học cho các lý do chính trị đã trở thành hiện tượng phổ biến cũng cần được kiểm tra dựa trên những tiêu chí tâm lý tương tự mở rộng cho quy mô xã hội vĩ mô. Bất cứ một người nào có tư tưởng chống lại một hệ thống chính quyền mà anh ta thấy là xa lạ và vô đạo đức, nhưng không che giấu kĩ càng suy nghĩ của anh ta, đều có thể dễ dàng bị các đại diện của chính quyền đó gán cho là "tâm thần không bình thường", người có "rối loạn tâm thần" và bị buộc phải điều trị tâm thần. Những bác sĩ tâm thần suy đồi về chuyên môn và đạo

đức dễ dàng trở thành công cụ cho mục đích này. Đây trở thành một phương pháp khủng bố và tra tấn người...

Do vậy, sự lạm dụng tâm thần học là xuất phát từ bản chất của thể chế trong đó những kẻ thái nhân cách nắm quyền. Xét cho cùng, tri thức và phương pháp điều trị trong lĩnh vực đó đầu tiên cần phải bị làm thoái hóa để ngăn nó khỏi gây nguy hiểm cho bản thân hệ thống bằng cách đưa ra chẩn đoán, và sau đó phải bị thu nạp để trở thành công cụ đắc lực trong tay nhà cầm quyền...

Những kẻ thái nhân cách nắm quyền ngày càng cảm thấy bị đe dọa mỗi khi ngành y học và tâm lý học có những tiến bộ đáng kể. Xét cho cùng, những ngành khoa học này không chỉ có khả năng đánh bật vũ khí trong cuộc chiến tâm lý ra khỏi tay chúng; họ thậm chí còn có thể đánh vào tận gốc rễ của một thể chế như vậy, và làm điều đó từ ngay bên trong của đế chế đó. Do đó, nhận thức cụ thể về vấn đề này khiến những kẻ thái nhân cách nắm quyền luôn cảnh giác đối với ngành tâm lý học. Điều này cũng giải thích tại sao bất cứ ai biết quá sâu trong lĩnh vực này và nằm ngoài tầm kiểm soát của chính quyền đó phải bị gán cho bất cứ nhãn hiệu gì họ

có thể dựng nên, kể cả bệnh tâm thần. [18]

Năm 1941, Hervey Cleckley viết công trình vĩ đại của ông: The Mask of Sanity: An Attempt to Clarify Some Issues About the So-Called Psychopathic Personality (Mặt nạ của Sự Bình thường: Một cố gắng làm rõ một số vấn đề về cái gọi là hội chứng thái nhân cách). Đây trở thành một bước ngoặt trong nghiên cứu tâm thần và được tái bản nhiều lần sau đó, mặc dù hiện nay nhà xuất bản đã bán hết và người nắm bản quyền tuyên bố không có kế hoạch tái bản lần nữa. [19] Tiến sĩ Cleckley chỉnh sửa và phát triển cuốn sách với mỗi lần tái bản khi ông còn sống. Lần xuất bản thứ hai ở Mỹ vào năm 1950 trải qua nhiều bổ sung và cải tiến nhất. "Bảng kiểm tra Thái nhân cách" của Robert Hare dựa một phần trên công trình của tiến sĩ Cleckley.

Mặt nạ của sự bình thường nổi bật lên bởi luận đề trung tâm của nó, rằng kẻ thái nhân cách thể hiện các chức năng bình thường dựa trên các tiêu chí tâm thần tiêu chuẩn, nhưng tham gia vào những hành vi phá hoạitrong bí mật. Cuốn sách được viết nhằm mục đích hỗ trợ việc phát hiện và chẩn đoán những kẻ thái nhân

cách khó nắm bắt ấy để làm giảm nhẹ tác hại của chúng chứ không phải để chữa trị bản thân hội chứng đó. Hình ảnh về một bậc thầy lừa đảo, không cảm thấy chút kiềm chế đạo đức hay lương tâm nào, nhưng lại cư xử một cách tuyệt vời nơi công cộng, kích thích xã hội Mỹ và khiến nhiều người chú ý đến việc tự xem xét nội tâm và việc phát hiện những kẻ thái nhân cách ẩn thân trong xã hội nói chúng. Điều này đưa đến việc chỉnh sửa bản thân từ ấy thành một thuật ngữ được xem là nhẹ hơn, "thái nhân cách xã hội" (sociopath).

Thực tế là, trong 50 năm qua, khái niệm thái nhân cách đã được thu hẹp rất nhiều và bây giờ chỉ một rối loạn nhân cách cụ thể, mặc dù có những cố gắng loại bỏ phân loại đó hoàn toàn và chuyển sang "Rối loạn Nhân cách Chống Xã hội", một thuật ngữ chỉ đến nhiều hành vi đa dạng và không nhất thiết đòi hỏi phải có chẩn đoán lâm sàng thái nhân cách. Robert Hare nhấn mạnh điều quan trọng là phải hiểu thái nhân cách không đồng nghĩa với tội phạm hay bạo lực; không phải mọi kẻ thái nhân cách đều tham gia vào các hành vi bạo lực hay tội phạm. Ngược lại, không phải mọi tội phạm hay cá nhân với

hành vi bạo lực đều là những kẻ thái nhân cách. Ông viết:

Mặc dù những kẻ thái nhân cách rõ ràng là có xu hướng dễ vi phạm nhiều quy tắc và chuẩn mực của xã hội, một số đã tìm cách tránh được hệ thống tư pháp hình sự. [20] Chúng là những nhân viên không đáng tin cậy; những nhà kinh doanh nhẫn tâm, vô liêm sỉ; những nhà chính trị tham nhũng; hoặc là những chuyên gia vô đạo đức dùng uy tín và quyền lực của chúng để lợi dụng, lừa bịp các khách hàng, bệnh nhân và công chúng nói chung. Ngoại trừ một số tin tức thỉnh thoảng xuất hiện hay các giai thoại trong ngành, chúng tôi biết rất ít về những cá nhân này. Những nghiên cứu có hệ thống cần được tiến hành để xác định tỉ lệ phổ biến của chứng thái nhân cách trong dân số, những hình thức phạm pháp và không phạm pháp mà hội chứng rối loạn đó thể hiện ra ngoài; và mức độ mà những nghiên cứu về tội phạm thái nhân cách cho chúng ta biết về những kẻ thái nhân cách nói chung. Về vấn đề cuối cùng kể trên, có những dấu hiệu cho thấy nhân cách và xu hướng thực hiện các hành vi vô đạo đức gần như là giống nhau trong

những kẻ thái nhân cách tội phạm cũng như không tội phạm. [21]

3. Kẻ thái nhân cách là thế nào?: Những tranh cãi trong chẩn đoán

Điều quan trọng khi xem xét câu hỏi này là hiểu rằng có những tranh cãi. Một bên là mô tả truyền thống về chứng thái nhân cách bắt nguồn từ dòng tâm lý học châu Âu như nói đến ở trên và tổng kết bởi Lobaczewski kết hợp với dòng tâm lý học lâu đời hơn nữa ở Bắc Mỹ với những tên tuổi như Hervey Cleckley, Robert Hare và những người khác. Những nghiên cứu này nói chung là trùng khớp với kinh nghiệm của các nhà tâm thần học, tâm lý học, nhân viên tư pháp hình sự, nhà thực nghiệm tâm lý bệnh học và thậm chí cả các thành viên bình thường trong cộng đồng đã từng có tiếp xúc cá nhân với chứng thái nhân cách.

Ở bên kia của cuộc tranh cãi là cái gọi là trường phái "tân Kraepelin" (Emil Kraepelin) trong chẩn đoán tâm lý, có liên quan chặt chẽ với những nghiên cứu từ trường đại học Washington ở St. Louis, bang Missouri. Quan

điểm của trường phái này đi theo các tiêu chí chẩn đoán trong DSM-III, DSM-III-R và DSM-IV cho chứng rối loạn nhân cách chống xã hội (ASPD). Phương pháp cơ bản của trường phái này trong việc đánh giá một kẻ thái nhân cách gần như dựa hoàn toàn vào những hành vi được biết đến hoặc được quan sát công khai. Giả định của họ là bác sĩ không có khả năng đánh giá một cách chính xác các đặc tính về cảm xúc hay quan hệ cá nhân. Một giả định nữa là phạm pháp ở tuổi vị thành niên là triệu chứng cơ bản của ASPD. Điều này có xu hướng nhấn mạnh vào những hành vi phạm pháp hay chống xã hội, nghĩa là những hành vi quan sát được công khai mặc dù chúng có thể không phản ánh mấy cấu trúc nội tâm của cá nhân đó.

Các tiêu chí trong DSM-III cho ASPD được quyết định bởi ủy ban dự thảo DSM-III của Hiệp hội Tâm thần Mỹ và chỉ được sửa đổi chút ít bởi một ủy ban khác cho phiên bản DSM-III-R. Các tiêu chí trong DSM-IV cũng được quyết định bởi một ủy ban mà hầu như không có để ý gì đến kết quả nghiên cứu thực nghiệm. [22] Những tiêu chí này ít chú trọng đến hành vi hơn trước,

do đó phần nào tương tự các tiêu chí cho các rối loạn nhân cách khác trong DSM-IV.

Theo Robert Hare, Cleckley, Lobaczewski và nhiều chuyên gia khác về chứng thái nhân cách, chẩn đoán chứng thái nhân cách không thể chỉ dựa trên cơ sở hành vi nhìn thấy bên ngoài mà không xem xét đến các triệu chứng về cảm xúc hay quan hệ cá nhân, bởi vì cách chẩn đoán như vậy về cơ bản sẽ biến nhiều người chỉ bị tổn thương tình cảm bởi cuộc sống hay xã hội thành thái nhân cách, trong khi để cho những kẻ thái nhân cách thực sự, những kẻ có những chiếc "mặt nạ của sự bình thường" rất tốt, lọt lưới. Ngày một nhiều những nghiên cứu cho thấy nhiều (hay phần lớn) những kẻ thái nhân cách lớn lên trong những gia đình ổn định, sung túc và trở thành tội phạm trí thức, nhờ vào tiền bạc và địa vị, không bao giờ để lộ các hành vi hủy hoại trong đời tư của chúng cho công chúng biết và thường là có khả năng nằm ngoài tầm tay của hệ thống tư pháp. [23]

Công trình được biết đến rộng khắp của Robert Hare và Paul Babiak trong cuốn sách Snakes in Suits (Rắn độc mặc Com lê) của họ chứng tỏ rằng chứng thái nhân

cách cần được chẩn đoán thông qua một bảng điểm toàn diện lập bởi những người quan sát trình độ cao dựa trên phỏng vấn tâm lý, xem xét lịch sử cá nhân bao gồm cả hồ sơ hình sự và tâm thần nếu có, các cuộc phỏng vấn với gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, người quản lý và nhân viên dưới quyền, cùng với việc quan sát hành vi bất cứ lúc nào có thể được.

Các tiêu chí của DSM-IV không cấu thành một thang điểm hay một bảng trắc nghiệm. Theo đó, người giám định chỉ quyết định xem mỗi tiêu chí là hiện hữu / đúng hay vắng mặt / sai. Quyết định cuối cùng là: nếu tất cả các tiêu chí đều hiện hữu, một chẩn đoán ASPD cho cả đời được đưa ra; nếu một tiêu chí hay nhiều hơn không thỏa mãn, không có chẩn đoán nào được đưa ra. Chúng ta có thể thấy là nhiều kẻ thái nhân cách sẽ dễ dàng tránh bị phát hiện với một hệ thống như thế và nhiều cá nhân, những người có thể bị lạm dụng hay chấn thương tinh thần trong quá khứ, sẽ bị phân loại là ASPD.

Do có nhiều vấn đề với các chẩn đoán ASPD dựa trên DSM-III và DSM-III-R, Hiệp hội Tâm thần Mỹ tiến hành thử nghiệm ở nhiều nơi để thu thập dữ liệu chuẩn bị

cho DSM-IV. [24] Cuộc thử nghiệm được thiết kế để xác định xem các đặc điểm nhân cách có thể được sử dụng trong các tiêu chí cho ASPD (lúc chỉ dựa vào những hành vi có thể thấy công khai), mà không làm giảm độ tin cậy. Ý định của các bác sĩ vận động cho chương trình này là để đưa ASPD trở lại truyền thống như các chứng tâm thần khác và kết thúc sự nhầm lẫn giữa ASPD và chứng thái nhân cách.

Kết quả cuộc khảo nghiệm cho thấy hầu hết các đặc điểm nhân cách phản ánh các triệu chứng của chứng thái nhân cách có độ tin cậy tương đương các tiêu chí chỉ dựa vào hành vi như ở trong DSM-III-R; qua đó bác bỏ tiền đề ban đầu dùng để loại các đặc điểm nhân cách khỏi chẩn đoán ASPD / thái nhân cách. [25] Nói một cách khác, đưa các đề mục loại 1 trong PCL-R (Bảng kiểm tra thái nhân cách - có sửa đổi) vào tiêu chí chẩn đoán sẽ cải thiện tính hợp lệ của ASPD mà không làm giảm độ tin cậy. Các phân tích IRT cho thấy PCL-R của Hare trên thực tế đo được các đặc tính thái nhân cách tiềm ẩn ở mọi mức độ! Những phân tích tương tự từ dữ liệu khảo nghiệm cho thấy tiêu chí cho ASPD ít có khả

năng phát hiện các đặc tính thái nhân cách hơn, đặc biệt là ở mức độ cao! Nói một cách khác, các tiêu chí ASPD như trong DSM-III-R được thiết kế - không biết có phải cố ý hay không - để bỏ qua những kẻ thái nhân cách ở cấp độ cao nhất!

Mặc dù nghiên cứu này cung cấp cơ sở thực nghiệm ủng hộ cho việc gia tăng các tiêu chí về nội tâm cho ASPD trong DSM-IV, điều này đã không xảy ra. Ủy ban DSM-IV lập luận rằng một bác sĩ bình thường sẽ không sử dụng phương pháp phức tạp để đánh giá các đặc điểm nhân cách như trong cuộc khảo nghiệm đó.

Điều đáng ngạc nhiên là những tiêu chí được sử dụng trong DSM-IV thậm chí không được đánh giá trong cuộc khảo nghiệm. Những gì được đánh giá trong cuộc khảo nghiệm đó là tập hợp 10 triệu chứng ở người lớn (tiêu chí C) cho ASPD liệt kê trong DSM-III-R. Tập hợp 7 hạng mục hiện liệt kê trong DSM-IV được lấy ra từ tập hợp 10 hạng mục trước. Tuy nhiên cuộc khảo nghiệm không đánh giá tiêu chí B (rối loạn hành vi trước tuổi 15), một tiêu chí liệt kê trong DSM-IV là một điều kiện tiên quyết cho một chẩn đoán ASPD!

Đoạn mô tả ASPD trong DSM-IV (mà nó nói là "cũng được biết đến là chứng thái nhân cách") có nhắc đến những đặc tính truyền thống của chứng thái nhân cách, nhưng lại không phù hợp với các tiêu chí chẩn đoán chính thức ở nhiều điểm. Phần "Các đặc điểm liên quan" có chứa một nhận xét được diễn giải lại của Robert Hare: "Thiếu khả năng đồng cảm, tự đánh giá cao, kiêu ngạo, mồm miệng linh hoạt và hấp dẫn bề ngoài là những đặc tính của ASPD mà có thể đặc biệt hữu ích trong môi trường nhà tù hay pháp lý nơi mà các hành vi tội phạm và hung bạo ít đặc trưng cho rối loạn này hơn." [27]

Vấn đề nảy sinh ra là ở chỗ những từ được dùng để mô tả các đặc điểm cảm xúc và quan hệ cá nhân ở trên là những từ thường gắn liền với chứng thái nhân cách và dựa phần lớn vào tập hợp 10 hạng mục của rối loạn thái nhân cách và bắt nguồn từ PCL-R. Chúng ta buộc phải kết luận là DSM-IV chứa hai tập hợp tiêu chí chẩn đoán cho ASPD: một bao gồm các hành vi tội phạm và chống xã hội, và cái kia bao gồm các hành vi đó cộng với các suy luận lâm sàng về nhân cách của đối tượng. Điều tệ

hơn nữa là bác sĩ không có bất cứ hướng dẫn nào về việc làm thế nào để thực hiện các suy luận đó.

Một trong những hậu quả của sự nhập nhằng gắn liền với các tiêu chí về ASPD / thái nhân cách trong DSM-IV là nó mở rộng cửa cho những vụ xét xử trước tòa trong đó một bác sĩ có thể nói bị can đáp ứng các định nghĩa trong DSM-IV về ASPD và một bác sĩ khác có thể nói ngược lại và cả hai đều đúng! Bác sĩ đầu có thể chỉ dùng các tiêu chí chẩn đoán chính thức trong khi bác sĩ thứ hai có thể nói "vâng, bị cáo có thể đáp ứng các tiêu chí chính thức, nhưng anh ta hay cô ta không có những đặc điểm nhân cách mô tả trong phần "Các đặc điểm liên quan" của đoạn đó trong DSM-IV". Nói một cách khác, một kẻ thái nhân cách lão luyện cùng với một luật sư giỏi có thể phạm bất cứ tội ác nào mà vẫn thoát thân.

Sự thất bại này của DSM-IV trong việc phân biệt rõ ràng giữa chứng thái nhân cách và ASPD có thể (và chắc chắn là sẽ) có những hậu quả rất nghiêm trọng cho xã hội. Robert Hare viết:

... hầu hết các cấp thẩm quyền coi chứng thái nhân

cách là yếu tố tăng nặng hơn là yếu tố giảm nhẹ trong việc xác định trách nhiệm hình sự. Ở một số bang, một bị cáo bị kết tội giết người ở mức độ thứ nhất và bị chẩn đoán là thái nhân cách dễ có khả năng nhận án tử hình với lý do kẻ thái nhân cách về bản chất là nhẫn tâm, không biết ăn năn, không chữa trị được và gần như chắc chắn sẽ phạm tội lần nữa. Nhưng nhiều kẻ giết người lĩnh án tử hình đã, và tiếp tục sẽ, bị gán danh hiệu thái nhân cách một cách nhầm lẫn dựa trên cơ sở các tiêu chí cho ASPD trong DSM-III, DSM-III-R hay DSM-IV. Chúng ta không biết bao nhiêu trong số những người lĩnh án tử hình này thực sự thể hiện cấu trúc nhân cách của kẻ thái nhân cách, hay bao nhiêu người chỉ đáp ứng tiêu chí cho ASPD, một chứng rối loạn áp dụng với phần lớn tội phạm và chỉ có một liên hệ mong manh đến khả năng chữa trị và xác suất phạm tội trở lại. Nếu một chẩn đoán thái nhân cách dẫn đến án tử hình, hay một mức án tăng nặng nào khác như là tù chung thân, người bác sĩ đưa ra chẩn đoán đó cần biết chắc là họ không nhầm lẫn giữa ASPD và chứng thái nhân cách. [...] Sự nhầm lẫn trong chẩn đoán giữa hai chứng rối loạn có khả năng làm hại cả bệnh nhân tâm thần lẫn xã hội.

Xã hội ngụy trang

Trong cuốn sách Without Conscience (Không có lương tâm) của tôi, tôi lập luận rằng chúng ta đang sống trong một "xã hội ngụy trang", một xã hội trong đó một số đặc tính thái nhân cách - tính vị kỷ, không quan tâm đến người khác, sự nông cạn, thích bề ngoài hơn là nội dung, lạnh lùng, thủ đoạn và những thứ tương tự - ngày càng được chấp nhận và thậm chí đánh giá cao. Có thể dễ thấy là những kẻ thái nhân cách hay những kẻ với chứng ASPD sẽ dễ dàng hòa mình vào các nhóm đề cao các giá trị tội phạm hay chống xã hội. Điều khó hình dung hơn là làm thế nào những kẻ với chứng ASPD có thể ẩn trốn trong các thành phần xã hội nhân đạo và chan hòa hơn. Vậy mà những kẻ thái nhân cách không gặp chút khó khăn nào khi thâm nhập các lĩnh vực kinh doanh, chính trị, thực thi pháp luật, chính phủ, nghiên cứu và các cấu trúc xã hội khác. Chính là những kẻ thái nhân cách vị kỷ, nhẫn tâm, không biết ăn năn đã hòa nhập vào mọi khía cạnh của xã hội và gây ra những tác động thảm khốc cho những người xung quanh và làm các nhân viên thực thi pháp luật phải ớn lạnh sống lưng.

4. Quan hệ của chứng thái nhân cách với các rối loạn tâm thần khác

Khả năng xuất hiện nhiều chứng rối loạn cùng một lúc là một chủ đề gây tranh giữa các luồng tư tưởng nói trên và những vấn đề của DSM-IV đã thảo luận. Có vẻ như khả năng xuất hiện chứng thái nhân cách cùng lúc với các rối loạn tâm thần khác là hạn chế và dễ gây nhầm lẫn. [28] Nhiều trong số những đặc điểm thường được sử dụng để định nghĩa chứng thái nhân cách - tính bốc đồng, vị kỷ nhẫn tâm, vô trách nhiệm, v.v... - cũng xuất hiện ở các rối loạn khác trong các dạng kết hợp khác nhau. Ở góc độ này, chứng thái nhân cách tương tự như các rối loạn nhân cách khác định nghĩa trong DSM-IV. Như đã đề cập ở trên trong phần lịch sử, theo nhà tâm lý học Đông Ấu Andrew Lobaczewski, các bác sĩ của trường phái châu Âu cũ cho rằng có nhiều loại thái nhân cách bao gồm thái nhân cách nhược thần, phân lập, ám ảnh cưỡng chế, kích động. [29]

Chứng thái nhân cách, khi được đo trên PCL-R, là tương quan âm với tất cả các rối loạn Trục I trong DSM-IV ngoại trừ các rối loạn lạm dụng chất gây

nghiện. PCL-R Yếu tố 1 có tương quan với rối loạn nhân cách ái kỷ và rối loạn nhân cách kịch tính. PCL-R Yếu tố 1 có liên hệ với tính hướng ngoại và tình cảm tích cực. Yếu tố 1, những cái gọi là đặc tính nhân cách cốt lõi của chứng thái nhân cách, thậm chí có thể mang lại lợi ích cho kẻ thái nhân cách (về mặt hoạt động xã hội bình thường).

PCL-R Yếu tố 2 tương quan đặc biệt mạnh với rối loạn nhân cách chống xã hội và tội phạm. PCL-R Yếu tố 2 có liên hệ với phản ứng tức giận, lo lắng, gia tăng nguy cơ tự vẫn, tội phạm và bạo lực bốc đồng.

5. Mức độ phổ biến của chứng thái nhân cách

Ước tính về mức độ phổ biến của bất cứ hội chứng rối loạn nào dĩ nhiên là phụ thuộc vào việc nó được định nghĩa thế nào, đánh giá thế nào, ai là người đánh giá và tại sao. Và dĩ nhiên là nếu có các lý do chính trị để che giấu sự phổ biến của chứng thái nhân cách (ví dụ như có những kẻ thái nhân cách ở vị trí nắm quyền lực chính trị, nơi thu hút chúng đến một cách tự nhiên và chúng có kỹ năng cần thiết để đạt tới), khi đó định nghĩa và

cách đánh giá sẽ được thiết kế để dùng cho các lý do chính trị.

Trong một bài viết gần đây, [30] các tác giả viết:

Chứng thái nhân cách, như được trình bày ban đầu bởi Cleckley (1941), không chỉ giới hạn vào việc tham gia các hoạt động bất hợp pháp, mà bao gồm cả các đặc điểm nhân cách như tính thủ đoạn, không thành thật, vị kỷ và không cảm thấy tội lỗi - những đặc điểm thường có trong tội phạm nhưng cũng có ở trong vợ/chồng, cha mẹ, ông chủ, luật sư, chính trị gia và giám đốc, chỉ kể ra một số (Bursten, 1973; Stewart 1991). Đánh giá của chúng tôi về mức độ phổ biến của chứng thái nhân cách trong cộng đồng trường đại học gợi ý rằng có lẽ 5% hoặc hơn trong số các đối tượng được đánh giá có thể coi là thái nhân cách, và tuyệt đại đa số những đối tượng đó là nam giới (hơn 1/10 nam giới so với khoảng 1/100 nữ giới).

Như vậy, chứng thái nhân cách có thể được mô tả là... có xu hướng thiên về cả sự thống trị lẫn tính lạnh lùng. Wiggins (1995), khi tổng kết nhiều nghiên cứu

trước đó, chỉ ra rằng những cá nhân ấy thường dễ nổi giận, bực tức và sẵn sàng lợi dụng người khác. Chúng kiêu ngạo, thủ đoạn, hay chỉ trích cay độc, phô trương, hay tìm cảm giác mạnh, nham hiểm, thù dai và làm mọi việc để thu lợi cá nhân. Trong tương tác xã hội (Foa & Foa, 1974), chúng thoải mái nhận tình yêu và sự tôn trọng từ người khác, tự coi bản thân là rất quan trọng và xứng đáng, nhưng lại không hoàn lại tình yêu và sự tôn trọng cho người khác, coi họ là không xứng đáng và không đáng kể. Cách mô tả này rõ ràng là phù hợp với bản chất của chứng thái nhân cách như thường được mô tả.

Nghiên cứu này tìm cách trả lời một số câu hỏi cơ bản về cấu trúc của chứng thái nhân cách ở ngoài môi trường pháp lý... Trong khi làm vậy, chúng ta quay lại với điểm Cleckley (1941) nhấn mạnh ban đầu là chứng thái nhân cách là một kiểu nhân cách không chỉ có ở trong bọn tội phạm mà cả trong các cá nhân thành công trong cộng đồng.

Điều lộ rõ từ những kết quả nghiên cứu của chúng tôi là (a) các tiêu chuẩn đánh giá chứng thái nhân cách

đã hội tụ về một nguyên mẫu thái nhân cách có liên quan đến các đặc tính thích thống trị và lạnh lùng trong quan hệ cá nhân; (b) chứng thái nhân cách có trong cộng đồng với một tỷ lệ có thể là cao hơn dự kiến; và (c) chứng thái nhân cách có vẻ hầu như không có điểm chung nào với các rối loạn nhân cách khác ngoại trừ rối loạn nhân cách chống xã hội...

Rõ ràng là trong khi chúng ta cần nhiều nghiên cứu hơn nữa để hiểu rõ thêm những yếu tố nào phân biệt giữa kẻ thái nhân cách tuân thủ pháp luật (mặc dù có lẽ là không tuân thủ đạo đức) và kẻ thái nhân cách vi phạm pháp luật; những nghiên cứu đó chắc chắn cần sử dụng nhiều các đối tượng nghiên cứu ngoài môi trường pháp lý hơn mức độ từ trước tới nay.

6. Chứng thái nhân cách ở trẻ em

"Nếu bạn có hành vi chống xã hội mà lại lớn lên trong một gia đình êm ấm, lý do cho hành vi bạo lực của bạn có thể liên quan đến sinh học nhiều hơn là quá trình lớn lên của bạn," tiến sĩ tâm sinh lý học Adrian Raine từ trường đại học Nam California nói.

Năm 1979, cô gái 16 tuổi Brenda Spencer nhận được quà sinh nhật là một khẩu súng trường. Cô ta dùng nó để bắn trẻ em tại một trường tiểu học ở gần nhà (San Diego). Chín bị thương, hai chết. Sau đó một phóng viên hỏi tại sao cô ta làm vậy và cô ta trả lời "Tôi không thích ngày thứ hai. Tôi làm vậy để cho nó náo nhiệt hơn một chút."

Năm 1986, cậu bé 9 tuổi Jeffrey Bailley, Jr. đẩu một đứa trẻ 3 tuổi xuống phần sâu của một bể bơi của một nhà nghỉ ở Florida bởi vì cậu ta muốn thấy ai đó chết đuối. Trong khi đứa bé chìm xuống đáy bể, Jeffrey lôi ra một cái ghế để ngồi xem. Khi mọi chuyện đã xong, cậu ta đứng lên và về nhà. Khi được hỏi, cậu ta quan tâm đến việc cậu ta là trung tâm của sự chú ý hơn là cảm thấy hối hận về việc đã làm.

Vào ngày 13/4/2000, ba học sinh lớp một bị bắt gặp đang lập mưu giết một bạn cùng lớp. Chúng đã lập một câu lạc bộ "hận thù" và đang tìm cách chiêu mộ những bạn gái khác để cùng tham gia vào kế hoạch giết người. Chúng còn chưa biết chắc sẽ bắn chết nạn nhân của chúng, hay đâm chết với một con dao mổ thịt hay treo

cổ.

Những trường hợp này, và bên cạnh đó còn nhiều nữa, cho thấy ngày một rõ hơn rằng chứng thái nhân cách không phải chỉ là một vấn đề của người lớn. Một số chuyên gia phát triển trẻ em tin rằng chứng thái nhân cách ở trẻ em đang gia tăng với một tỷ lệ đáng báo động. Trong nghiên cứu, những đứa trẻ này được coi là "thái nhân cách còn non trẻ" và chúng sẽ trở nên ngày một nguy hiểm hơn khi chúng lớn lên. Như các nghiên cứu cho thấy, hầu hết trong số chúng sẽ không trở thành kẻ giết người nhưng chắc chắn chúng sẽ học cách thi triển thủ đoạn, lừa gạt và lợi dụng người khác để thu lợi cho bản thân tốt hơn.

Một số nhà nghiên cứu tin rằng những đứa trẻ như vậy đã không phát triển được các gắn bó tình cảm để khiến chúng có thể đồng cảm với nỗi đau của người khác. Thay vào đó, chúng phát triển những đặc tính kiêu ngạo, dối trá, ái kỷ, không biết xấu hổ và nhẫn tâm.

Như đã nói ở trên, trong nhiều năm, các tiêu chí chẩn đoán cho chứng thái nhân cách ở người lớn đã trải

qua một số thay đổi về khái niệm gây nhiều nhầm lẫn. Kẻ thái nhân cách từng được gọi là thái nhân cách xã hội (sociopath) nhưng chúng cũng từng được phân biệt thành một nhóm riêng biệt khỏi thái nhân cách xã hội. Một yếu tố gây rắc rối nữa đã được thảo luận ở trên là sự phát triển của các tiêu chí chẩn đoán cho rối loạn nhân cách chống xã hội. Các tiêu chí này có nhiều trùng lặp với các đặc tính của một kẻ thái nhân cách, nhưng lại cũng có những điểm khác biệt cơ bản. Vì vậy, không có gì là ngạc nhiên khi chứng thái nhân cách vị thành niên cũng được định nghĩa một cách mơ hồ và dễ gây nhầm lẫn với nhiều loại rối loạn hành vi vị thành niên khác hoặc có những đứa trẻ đã được chẩn đoán là rối loạn hành vi trong khi đáng ra phải được chẩn đoán là thái nhân cách.

Trong bộ phim The Bad Seed (Hạt giống hỏng), 1956 dựa trên cuốn tiểu thuyết cùng tên xuất bản năm 1954, đứa trẻ thái nhân cách Rhoda được mô tả là dễ thương, đáng yêu, đầy thủ đoạn và chết người. Tác giả của cuốn sách, William March, đã chịu ảnh hưởng từ công trình của Hervey Cleckley. Wikipedia tuyên bố sai lầm là thuật

ngữ "thái nhân cách" chưa được sử dụng vào thời điểm cuốn sách được viết. [31]

Trong Không có Lương tâm Robert Hare trích từ Hạt giống hỏng:

Những người tốt hiếm khi nghi ngờ. Họ không thể tưởng tượng việc người khác làm những điều bản thân họ không làm được, và thường họ chấp nhận đáp án ít kịch tính là sự thật và để cho mọi chuyện qua đi. Đồng thời, những người bình thường có xu hướng hình dung kẻ thái nhân cách là một kẻ bề ngoài cũng quái dị như nội tâm của hắn. Điều này không thể xa sự thật hơn nữa... Những con quái vật trong cuộc sống thực này thường trông và cư xử một cách bình thường hơn những người anh chị em bình thường của chúng. Chúng trình diễn một bức tranh của đức hạnh còn thuyết phục hơn là chính bản thân đức hạnh - cũng giống như bông hồng bằng sáp hay hay quả đào bằng nhựa trông còn hoàn hảo hơn, giống hình ảnh mà chúng ta có trong đầu về một bông hồng hay quả đào hơn là bản gốc không hoàn hảo mà từ đó chúng được tạo ra.

6.1. Nuôi dạy hay tự nhiên?

Những kẻ thái nhân cách là được sinh ra hay tạo ra?

Robert Hare gợi ý rằng cả hai chiều đều có dính líu. [32] J. Reid Meloy viết:

...một đứa trẻ đi vào thế giới này với một kiểu gen nhất định và kiểu gen đó bộc lộ ra ngoài tùy theo kinh nghiệm cá nhân. [33]

6.1.1. Thể nền bản năng hay cơ sở tâm sinh học

Andrew Lobaczewski thảo luận về vai trò của cái mà ông gọi là thể nền bản năng. Ông viết:

Thể nền bản năng của con người có cấu trúc sinh học hơi khác của động vật một chút. Về mặt sức mạnh, nó đã trở nên ít mạnh mẽ hơn và mềm dẻo hơn, qua đó từ bỏ vai trò chỉ đạo hành vi độc quyền của nó. Nó trở nên dễ tiếp nhận sự điều khiển của lý trí hơn mà vẫn không đánh mất nội dung bản năng phong phú của con người... Thể nền này chứa đựng kết quả của hàng triệu năm phát triển tâm sinh học bắt nguồn từ điều kiện sống

của loài vượn người, vì vậy nó không phải và cũng không thể là một tạo vật hoàn hảo. Những yếu điểm thuộc về bản chất con người mà hầu hết mọi người đều biết và những sai lầm trong nhận thức về tự nhiên và lĩnh hội thực tế vì vậy đã được hình thành trên cả loài người từ hàng thiên niên kỷ. […]

Con người sống theo bầy đàn trong suốt thời tiền sử, vì vậy thể nền bản năng của loài người được hình thành theo liên kết đó và qua đó định hình các cảm xúc của chúng ta về những gì chúng ta thu nhận từ cuộc sống. Nhu cầu có một cơ cấu nội bộ phù hợp, tương đồng và việc phấn đấu để đạt được một vai trò xứng đáng trong cơ cấu đó được mã hóa ở tận mức độ này. […]

Sự sốt sắng tìm cách kiểm soát bất cứ ai gây hại cho chúng ta hay nhóm của chúng ta là nguyên thủy đến gần như thành phản xạ vô điều kiện khiến chúng ta không còn chút nghi ngờ nào rằng nó cũng được mã hóa ở mức độ bản năng. […]

Cũng chính ở cấp độ này bắt đầu xảy ra sự khác biệt giữa các cá nhân, ảnh hưởng đến sự hình thành cá tính,

thế giới quan và thái độ của họ. Khác biệt chủ yếu xảy ra ở các tương tác tâm sinh học tại thể nền này; khác biệt trong nội dung chỉ là thứ yếu. Đối với một số người, các bản năng chủ đạo đóng vai trò thay thế tâm lý; đối với những người khác, bản năng dễ dàng nhường chỗ cho lý trí. Cũng có lý do để cho rằng một số người được phú cho bản năng phong phú và tinh tế hơn những người khác. Một tỷ lệ rất nhỏ trong dân số có khiếm khuyết đáng kể trong thể nền bản năng, và chúng ta coi số người này là bệnh hoạn thuộc về bản tính. [34]

J. Reid Meloy viết cùng một ý:

"Ngôi nhà của kẻ thái nhân cách" được xây trên một cái nền tâm sinh học không có sự gắn bó tình cảm, rất ít nhạy cảm và lo âu...

Sự gắn bó tình cảm là một hệ thống hành vi có nguồn gốc sinh học và đặc trưng theo loài. Nó duy trì sự gần gũi giữa trẻ em và người chăm sóc. Khái niệm này lần đầu tiên được hình thành và nghiên cứu bởi John Bowlby, James Robertson và Mary Ainsworth tại Phòng khám Tavistock ở London (Robertson và Bowlby, 1952;

Bowlby, 1953; Ainsworth và Bowlby, 1954). Sự gắn bó tình cảm ăn sâu trong loài chim và động vật có vú, nhưng thường là vắng mặt ở loài bò sát. [35]

Meloy nhắc đến đến "bản chất bò sát" của những kẻ thái nhân cách ở một số chỗ khác trong công trình của ông:

Một quan sát lâm sàng nữa hỗ trợ giả thuyết về một trạng thái bò sát trong một số nhân vật thái nhân cách nguyên ủy là sự thiếu vắng cảm xúc trong mắt của chúng. Mặc dù thông tin này chỉ bắt nguồn từ trực giác và có tính giai thoại, trong quá trình làm việc trong môi trường pháp y và trại giam, tôi đã nghe những mô tả về cặp mắt của một số bệnh nhân hay tù nhân là lạnh lùng, không chớp, khắc nghiệt, trống rỗng và thiếu vắng cảm xúc. Phản ứng của các nhân viên khi nhận thấy điều này trong mắt kẻ thái nhân cách bao gồm: "Tôi cảm thấy sợ hãi... hắn ta trông rất kỳ quái; tôi cảm thấy hắn như đang nhìn xuyên qua tôi; khi hắn nhìn tôi, tóc gáy tôi dựng đứng cả lên."

Nhận xét cuối cùng đặc biệt đáng chú ý vì nó mô tả

được phản ứng sợ hãi tự nhiên, nguyên thủy của con mồi trước một con thú ăn thịt.

Tôi rất ít khi nghe những nhận xét tương tự từ những người nhân viên giàu kinh nghiệm ấy khi họ đối phó với những cơn đe dọa, bạo lực hay bùng phát của các bệnh nhân khi đang hùng hổ, tức giận. Có vẻ như họ cảm nhận được sự thiếu hụt khả năng cảm nhận tình cảm và khả năng đồng cảm ở một cá nhân thái nhân cách, mặc dù cá nhân đó không hề tỏ ra bạo lực trong lúc đó...

Tôi hầu như không thấy có tài liệu nghiên cứu nào, cả lý thuyết lẫn thực nghiệm, tìm hiểu hành vi săn mồi bằng mắt này của kẻ thái nhân cách... Cái nhìn chăm chăm của kẻ thái nhân cách trỏ đến sự thích thú bản năng hơn là sự quan tâm đồng cảm. Tương tác này được định hình bởi các thông số về quyền lực chứ không phải là sự gắn bó tình cảm. [36]

Việc nhìn nhận kẻ thái nhân cách như là loài bò sát về bản chất cũng được nhắc đến bởi Andrew Lobaczewski khi ông viết về tác động của kẻ thái nhân cách lên người bình thường:

Khi tâm trí của người bình thường tiếp xúc với một hiện thực quá khác biệt so với những trải nghiệm của một người bình thường lớn lên trong một xã hội chi phối bởi những người bình thường, sự tiếp xúc này tạo ra những triệu chứng sốc tâm sinh lý trong não, dẫn đến hoạt động vỏ não cũng như cảm xúc bị ức chế một cách không kiểm soát được. Tâm trí người ấy khi đó hoạt động chậm hơn và kém sắc bén hơn vì các cơ chế liên kết đã trở nên kém hiệu quả. Đặc biệt khi một người tiếp xúc trực tiếp với một cá nhân thái nhân cách, kẻ nhân cơ hội đó dùng nhân cách bệnh hoạn của hắn làm chấn thương tâm thần của những người khác, tâm trí của anh ta thường bị sa vào một trạng thái đờ đẫn tạm thời. Thái độ kiêu ngạo và nhục mạ người khác của những kẻ thái nhân cách, thứ luân lý giả tàn bạo mà chúng dùng làm u mê mạch suy nghĩ và khả năng tự vệ của anh ta, để rồi những giá trị lệch lạc của kẻ thái nhân cách có thể bám rễ vào tâm trí anh ta...

Chỉ sau khi những trạng thái tâm lý cực kỳ khó chịu ấy qua đi nhờ việc nghỉ ngơi bầu bạn cùng những người tốt bụng, anh ta mới có thể suy ngẫm lại - luôn luôn là

một quá trình khó khăn và đau đớn - và nhận thức được tâm trí và khả năng suy xét của anh ta đã bị đánh lừa bởi một cái gì đó mà người bình thường không tưởng tượng được. [37]

6.1.2. Bộ não bò sát (reptilian brain)

Theo các học thuyết tiến hóa, khoảng nửa tỷ năm trước, nhiều loài động vật có xương sống phát triển tràn lan trên bề mặt trái đất. Tiếp sau đó là nhiều chủng loại đa dạng của côn trùng, lưỡng cư và cuối cùng là những loài khủng long đầu tiên. Cùng với thời gian, não bộ cũng đã tiến hóa để đáp ứng với những tác động liên tục thay đổi của môi trường. Hệ viền và "não bò sát" của các dạng sinh vật nguyên thủy không bị thay thế, mà chỉ phát triển tiếp lên.

Não bộ con người phát triển thành một chuỗi bốn bộ não riêng biệt, mỗi bộ não có bộ nhớ, dây thần kinh vận động và các chức năng khác của riêng chúng. Mỗi bộ não mở rộng và chi tiết hóa thêm vào các xử lý của các tầng não trước, và tăng cường khả năng tổ chức và sinh tồn cho các chức năng của não sau, não giữa và tủy

sống. "Bộ não" đầu tiên mô tả bởi Maclean là "bộ não bò sát". Phần não này chứa các kiến thức sơ cấp truyền từ đời này qua đời khác qua di truyền và điều hành các hành vi lặp lại thuộc về nghi thức như di cư, bảo vệ lãnh thổ, gây hấn, tán tỉnh. Maclean mô tả một thành tựu quan trọng của bộ não bò sát là "trở về", hay là xu hướng trở về một khung tham khảo được nhận biết từ trước sau khi rời ra để thực hiện hoạt động sinh sản, kiếm mồi, v.v... Mahoney liên hệ điều này đến sự phát triển của "hiện thực" con người, hình ảnh chúng ta tạo ra về một thế giới trật tự và ổn định về mặt thời gian.

"Bộ não" thứ hai cần phát triển là hệ viền (limbic system) hay "não cổ thú" (paleomammalian brain). Ở mức độ này các mẫu hành vi liên quan đến đời sống (ăn uống, gây hấn, và sinh sản) được hợp nhất và cải tiến. Nó được biết đến nhiều nhất bởi vai trò của nó trong xử lý mức độ tình cảm và động lực (Mahoney, 1991). Hệ viền phối hợp cơ chế duy trì sự sống nội môi, hành vi có chủ đích, trí nhớ, việc học tập và tình cảm. Như vậy, nó có hình thái sơ cấp của sự suy ngẫm và tự điều khiển.

Bộ não thứ ba, bộ não "thú mới" (neomammalian

brain), còn được biết đến với cái tên "vỏ não mới" (neocortex), chiếm 85% não bộ người trưởng thành. Phần vỏ não trước, liên quan đến các tổ chức trí não bậc cao, chủ ý và sự tự nhận thức, lớn gấp sáu lần so với các loài linh trưởng khác cùng kích cỡ như con người (Mahoney, 1991). Mahoney cảnh báo không nên nghĩ rằng vì nó phát triển sau, các chức năng lý trí của vỏ não mới có thể thắng thế hay kiểm soát các tình cảm từ não viền. Mặc dù bị ức chế bởi vỏ não mới, một số bộ phận của hệ viền với các chức năng sinh tồn sơ cấp có thể thắng thế sự kiểm soát của vỏ não mới. (Joseph, 1992; Joseph, 1993, Mahoney, 1991).

Bộ não thứ tư của con người được nhìn nhận là khác biệt với vỏ não mới và được chia thành hai "não cao cấp" hay bán cầu não riêng biệt và hoạt động độc lập. Trong mô tả ban đầu của ông về "bộ não ba ngôi", MacLean không nhìn nhận sự cần thiết phải mô tả cấp bậc thứ tư của hoạt động não độc lập này, tuy nhiên phần lớn các nhà thần kinh học hiện đại không đồng ý với quan điểm đó (Mahoney, 1991). Sự phân chia giữa bốn hệ thống não này và những thay đổi thích hợp trong cảm xúc và

suy nghĩ xảy ra chủ yếu trong thời thơ ấu, nhưng tiếp tục đến tuổi thiếu niên và thậm chí trưởng thành. Hầu hết chúng ta khi nhìn thấy người khác đau khổ, trung tâm tình cảm của chúng ta, hệ viền, được đánh thức. Chúng ta cảm thấy một chút những gì người khác đang cảm nhận. Hare và các đồng nghiệp của ông (dùng chụp ảnh cộng hưởng từ (fMRI)) nghiên cứu các hoạt động thần kinh khi những kẻ thái nhân cách xử lý các từ khác nhau. Khi những người bình thường xử lý các từ mang cảm xúc tiêu cực (ví dụ, hãm hiếp, cái chết, ung thư), hoạt động trong hệ viền của não gia tăng. Với những kẻ thái nhân cách, có rất ít hay không có sự gia tăng hoạt động trong những khu vực này.

Trong Journal of Biological Psychiatry (Tạp chí Tâm thần Sinh học), Adrian Raine của trường Đại học California giải thích rằng trung bình não của những kẻ giết người có tỉ lệ hấp thu glucose thấp hơn đáng kể so với bộ não lành mạnh của các đối tượng đối chứng. Raine ghi lại rằng "hoạt động kém hiệu quả của các vùng viền giúp giải thích tại sao những kẻ tội phạm bạo lực không rút ra được bài học từ kinh nghiệm và ít có khả

năng điều chỉnh cảm xúc của chúng." [38]

6.1.3. Thất bại của dưỡng dục - Liên kết tình cảm?

Nhiều nhà nghiên cứu thiên về - và thậm chí là bám lấy - giải thích "thất bại của dưỡng dục" cho chứng thái nhân cách. Về điều này, Meloy viết:

Tầm quan trọng của sinh học trong... chứng thái nhân cách không nên bỏ qua (Raine, 1993; Cooke, Forth, và Hare, 1998)... Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng chứng thái nhân cách có có mối quan hệ phi tuyến nghịch với các kinh nghiệm thời thơ ấu bị bỏ mặc hay lạm dụng (Marshall và Cooke, 1999). Nói một cách khác, những kẻ bị chứng thái nhân cách nghiêm trọng ít chịu ảnh hưởng bởi yếu tố gia đình khi chúng lớn lên; trong khi những kẻ bị chứng thái nhân cách nhẹ hay trung bình chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi hoàn cảnh gia đình. Chụp não (PET) cũng cho thấy sự thiếu hụt về chức năng đo bởi glucose phóng xạ trong những kẻ giết người với nhiều tiền án trầm trọng hơn ở những kẻ từ môi trường gia đình tốt so với những kẻ từ môi trường gia đình xấu (Raine, Stoddard, et al., 1998) [39]

Meloy mô tả kẻ thái nhân cách như sau:

Kẻ thái nhân cách là một kẻ giả mạo. Không có khả năng đồng hóa sâu sắc với mọi người, hầu hết các hành vi của hắn khi trưởng thành bao gồm việc bắt chước và mô phỏng một cách có ý thức các suy nghĩ, tình cảm và hoạt động của người khác... Tôi dùng từ bắt chước để chỉ việc làm theo một cách chủ ý và có ý thức thái độ hay hành vi của một người khác...

Không như một người với chứng rối loạn nhân cách ái kỷ đôi khi còn cảm nhận một cách có ý thức sự giả tạo của bản thân, kẻ thái nhân cách không có chút nhận thức nào về "cái tôi giả" này hay cái bản chất giả tạo của những trải nghiệm của hắn. Hắn không chỉ đóng vai và quan sát các giới hạn của vai đó. Hắn thực sự sống vai hắn đóng.

Quá trình thái nhân cách cũng có thể được thể hiện bởi những cá nhân mà sự mô phỏng của chúng quá lão luyện, cho dù là nhận thức, tình cảm hay hành vi, đến nỗi tuyệt đối không có chút nghi ngời nào là một sự đồng hóa giả tạo có thể đang diễn ra. Đặc biệt khó khăn

khi đánh giá là với kẻ thái nhân cách thông minh và có duyên giao thiệp... Mọi thành công trong việc chỉ ra những cá nhân này chủ yếu phụ thuộc vào các thông tin chứng thực từ người thân, gia đình, người quen và các bác sĩ khác. [40]

6.2. Rối loạn nhân cách chống xã hội trong DSM-IV và trẻ em

Rối loạn nhân cách chống xã hội được mô tả trong DSM-IV như là "một tình trạng phổ biến của việc bỏ qua và vi phạm các quyền của những người khác, bắt đầu từ khi còn nhỏ hay chớm niên thiếu và tiếp tục đến lúc trưởng thành... Tình trạng này còn được gọi là thái nhân cách, thái nhân cách xã hội, hay rối loạn nhân cách lẩn tránh xã hội." [41] Sự lẫn lộn giữa các thuật ngữ, như đã thảo luận ở trên, là đặc biệt có hại cho nghiên cứu vì trong khi DSM-IV mô tả rối loạn nhân cách chống xã hội là "gắn liền với địa vị kinh tế xã hội thấp kém", [42] chứng thái nhân cách lại "có vẻ ít có khả năng gắn liền với nghịch cảnh hay bất lợi xã hội". [43]

Chứng thái nhân cách không gắn với cân nặng thấp

lúc sinh, biến chứng lúc sinh, nuôi dạy không tốt, nghèo khó, chấn thương tâm lý khi còn bé hay các trải nghiệm bất lợi khác, và quả thực Robert Hare nhận xét "Tôi không thấy có bằng chứng thuyết phục nào rằng chứng thái nhân cách là kết quả trực tiếp của các yếu tố xã hội hay môi trường khi còn bé". [44]

6.3. Mô hình hai ngưỡng của Cloninger cho chứng thái nhân cách qua di truyền

Mô hình 'hai ngưỡng' của Cloninger gợi ý một đóng góp đa gen và giới hạn theo giới tính cho chứng thái nhân cách. Theo đó, nhiều đàn ông hơn là phụ nữ sẽ vượt quá ngưỡng để kích hoạt các khuynh hướng gen có sẵn. Mô hình này dự đoán rằng nam giới dễ bị ảnh hưởng bởi tác động môi trường hơn và những người phụ nữ trở thành thái nhân cách có khuynh hướng gen thái nhân cách cao hơn nam giới. Điều này được xác nhận bởi khám phá là con cái của những kẻ thái nhân cách nữ giới dễ trở thành thái nhân cách hơn con cái của những kẻ thái nhân cách nam giới. [45]

Một đặc tính của chứng thái nhân cách là các hành

vi cực kì bạo lực và chống xã hội xuất hiện ở lứa tuổi rất sớm, thường là bao gồm nói dối vặt và không suy nghĩ, ăn cắp vặt, một quá trình giết hại thú vật, thử nghiệm tình dục từ sớm, và ăn cắp. [46] Trong một nghiên cứu trên 653 đối tượng phạm tội nghiêm trọng, các hành vi có vấn đề trong thời thơ ấu cung cấp bằng chứng về sự tồn tại của chứng thái nhân cách như là một lớp người riêng. Tuy nhiên, 'các thông số về lịch sử tội phạm lúc trưởng thành được phân bố liên tục và bản thân chúng không đủ để phát hiện thành viên của lớp đó.' [47] Trong một nghiên cứu khác, những kẻ thái nhân cách tội phạm nam giới có điểm số về các vấn đề lúc sinh ra và chỉ số không đối xứng thấp hơn những kẻ tội phạm thông thường. Những kẻ tội phạm đáp ứng những tiêu chí nghiêm ngặt nhất về chứng thái nhân cách có chỉ số không đối xứng thấp nhất trong những kẻ tội phạm. [48]

Giáo sư Adrian Raine chỉ đạo một nghiên cứu trong đó các nhà khoa học từ trường Đại học Nam California và trường Đại học California tại Irvine dùng Chụp Cắt lớp bằng Phát xạ Positron (PET) để chụp não bộ của 38 đối tượng nam và nữ đã bị truy tố vì tội giết người. Một

số trong đó đã có đơn xin miễn tố vì mắc bệnh tâm thần, trong khi số còn lại đã được chứng nhận không đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Chụp bằng PET đo sự hấp thụ đường huyết (glucose) ở các vùng não khác nhau trong quá trình thực hiện những công việc đơn giản, lặp đi lặp lại. (Glucose là nhiên liệu cơ bản cho hầu hết các hoạt động của tế bào. Lượng tiêu thụ glucose liên quan đến mức độ hoạt động của tế bào.)

Các nhà nghiên cứu xem qua hàng đống hồ sơ xét xử, phỏng vấn của luật sư, hồ sơ y tế và tâm thần và các bài báo để tìm kiếm bằng chứng về quá trình lớn lên của các đối tượng; liệu họ có từng bị trải qua lạm dụng thể xác hay tình dục, bỏ bê, nghèo khổ cùng cực, cho làm con nuôi, có xung đột nghiêm trọng trong gia đình, có cha mẹ tội phạm - tất cả các rủi ro thường được gắn với xu hướng bạo lực trong tâm trí mọi người.

Các nhà nghiên cứu cho điểm mức độ nghiêm trọng của những rủi ro họ tìm thấy trên một thang điểm 5, với 0 nghĩa là không bị lạm dụng, 1 rất ít, 2 thỉnh thoảng, 3

thường xuyên và 4 cùng cực.

Trong 38 kẻ giết người, chỉ có 12 có bằng chứng là đã trải qua lạm dụng và thiếu hụt tâm lý đáng kể (điểm 2 đến 4). Số 26 còn lại trải qua rất ít lạm dụng và thiếu hụt tâm lý hoặc không chút nào (điểm 0 đến 1).

So với các đối tượng từ những môi trường thơ ấu tiêu cực, 26 đối tượng còn lại từ môi trường bình thường có hoạt động của vùng giữa vỏ não dưới trán (medial prefontal cortex) trên trung bình 5.7% thấp hơn. Đáng chú ý hơn nữa, một phần đặc biệt của vùng giữa vỏ não dưới trán - vùng trán ổ mắt ở bán cầu não phải - cho thấy hoạt động 14.2% ít hơn.

"Phụ huynh của những đứa trẻ bạo lực thường tự hỏi, 'Tôi đã làm gì sai?'" Raine, giáo sư sinh lý học của College of Letters, Arts and Sciences, trường Đại học Nam California, nói. "Khi những đứa trẻ này đến từ một gia đình tốt, câu trả lời có thể là hoàn toàn không gì cả. Một thiếu hụt về mặt sinh học có thể là nguyên nhân."

6.4. Chẩn đoán chứng thái nhân cách ở trẻ em

Thông thường chứng thái nhân cách không được chẩn đoán ở trẻ em hay thiếu niên và một số nơi có luật rõ ràng cấm chẩn đoán chứng thái nhân cách và các rối loạn nhân cách tương tự ở trẻ vị thành niên. Các xu hướng thái nhân cách đôi khi có thể được nhận biết từ thời thơ ấu hay chớm niên thiếu và nếu được nhận ra, có thể chẩn đoán dưới dạng rối loạn hành vi. Phải nhấn mạnh là không phải tất cả trẻ em chẩn đoán là rối loạn hành vi đều lớn lên thành thái nhân cách, hay thậm chí là có chút rối loạn nhân cách nào, nhưng những dấu hiệu từ thời thơ ấu này được tìm thấy với tỷ lệ cao hơn đáng kể trong số những kẻ thái nhân cách so với trong dân số nói chung.

Những trẻ em có dấu hiệu thái nhân cách mạnh thường tỏ ra miễn nhiễm với sự trừng phạt; có vẻ như không gì có thể thay đổi hành vi tiêu cực của chúng. Do vậy, cha mẹ thường đầu hàng, và các hành vi đó càng xấu đi. [49]

6.5. Các dấu hiệu của chứng thái nhân cách trong thời thơ ấu

Một thời gian, dưới sự ảnh hưởng của DSM-III, nó được cho rằng các dấu hiệu của chứng thái nhân cách ở trẻ em bao gồm những đặc điểm sau:

Một giai đoạn đái dầm dài hơn bình thường

Độc ác với thú vật

Đốt phá và các hành vi phá hoại khác

Nói dối

Trốn học

Trộm cắp

Hung hăng với bạn bè

Thách thức uy quyền

Ba dấu hiệu, đái dầm, độc ác với thú vật và đốt phá được gọi là bộ ba MacDonald, và được mô tả lần đầu tiên bởi J.M. MacDonald là những dấu hiệu của chứng thái nhân cách. [50] Tính xác đáng của dấu hiệu đái dầm sau đó đã bị chính MacDonald nghi ngờ. [50] Những

thông tin mới nhất cho thấy đái dầm có nhiều khả năng chỉ là một vấn đề gắn với kỳ vọng của những người xung quanh và sự phát triển chậm của đứa trẻ. Trong quá khứ, những đứa trẻ đái dầm thường phải chịu những biện pháp chữa trị đau đớn như là thuốc men, dùng các thiết bị cơ khí và các bào chế dược khác, đến mức đôi khi bị tàn tật vĩnh viễn. Điều này hoàn toàn có thể dẫn đến các hành vi phản ứng. Cách chữa trị hiện đại cho chứng đái dầm tập trung vào các liệu pháp hành vi và giáo dục cho cả phụ huynh và trẻ em. Mặc dù vậy, một khi đã bị cho là một dấu hiệu của chứng thái nhân cách ở trẻ em, nhãn hiệu ấy khó mà loại bỏ được.

Phải đến gần đây mới bắt đầu có nghiên cứu lâm sàng có kiểm soát để trả lời câu hỏi liệu các trẻ em với những dấu hiệu bị cho là biểu hiện của chứng thái nhân cách này phản ứng với can thiệp chữa trị thế nào so với những trẻ em chẩn đoán rối loạn hành vi nhưng không có những đặc điểm ấy. Kết quả từ nghiên cứu này phù hợp với các bằng chứng khác - trỏ đến khả năng điều trị thấp. [51]

Một nghiên cứu khác cho rằng những kẻ thái nhân

cách có một kiểu gen riêng dẫn đến một "tính khí hay cá tính bẩm sinh, cộng với một xu hướng kém phản ứng thuộc về bản năng, dẫn đến đứa trẻ trở nên không phản ứng một cách có chọn lọc với những chỉ dẫn cần thiết cho việc giao tiếp xã hội bình thường và sự phát triển đạo đức." [52]

Do ít có bằng chứng trỏ đến lịch sử phát triển bất ổn định hay tổn thương não ở những kẻ thái nhân cách, chúng ta cần chú ý đến khả năng những trẻ em thái nhân cách bị chẩn đoán nhầm là mắc chứng rối loạn quá hiếu động - thiếu tập trung, rối loạn hành vi, hay rối loạn chống đối. Theo Hare, 'tất cả các hạng mục chẩn đoán này đều không phù hợp với trẻ em thái nhân cách. Rối loạn hành vi là gần nhất, nhưng nó không nắm bắt được những đặc điểm tình cảm, nhận thức và quan hệ xã hội..., những đặc điểm rất quan trọng trong chẩn đoán chứng thái nhân cách.' [53]

7. Mối liên quan đến luật pháp và xã hội

Điều quan trọng cần lưu ý là chứng thái nhân cách có một số định nghĩa khác nhau trong luật pháp và tư

pháp mà không nên lẫn lộn với định nghĩa trong y học. Các bang và các quốc gia khác nhau, tại nhiều thời điểm khác nhau, đã ban hành những luật pháp cụ thể để đối phó với những kẻ tội phạm thái nhân cách, và nhiều trong số các luật này hiện nay vẫn còn giá trị:

Ban lập pháp bang Washington định nghĩa "cá tính thái nhân cách" nghĩa là "sự tồn tại ở bất kì người nào các điều kiện di truyền, bẩm sinh hay mắc phải gây ảnh hưởng đến lĩnh vực tình cảm hay ý chí chứ không phải trí tuệ và thể hiện ra ngoài bởi những bất thường trong cá tính khiến cho người đó khó hay không thể hòa nhập với xã hội."

Năm 1939, California ban hành một luật tội phạm thái nhân cách [55] trong đó định nghĩa kẻ thái nhân cách hoàn toàn dựa vào những kẻ tội phạm với khuynh hướng "phạm tội tình dục với trẻ em." Một luật năm 1941 tìm cách làm rõ hơn và quy định rằng bất cứ ai bị phát hiện là thái nhân cách phải bị đưa vào một bệnh viện của bang và những người khác bị tuyên án bởi tòa án.

"Rối loạn thái nhân cách" được định nghĩa trong Đạo

luật Sức khỏe Tâm thần (Vương quốc Anh) [57] là "một chứng rối loạn dai dẳng hay một khuyết tật về tâm trí (kể cả có hoặc không bao gồm một suy giảm đáng kể về trí thông minh) mà dẫn đến các hành vi hung hăng một cách bất thường hay vô trách nhiệm một cách nghiêm trọng của cá nhân đó."

Trong vài năm qua, hệ thống pháp luật đã có nhiều thay đổi đối với việc chẩn đoán chứng thái nhân cách trong các tội phạm. Trong khi trước kia, một chẩn đoán lâm sàng của chứng thái nhân cách có rất ít giá trị trong việc dự đoán hành vi tội phạm về sau, sau khi Bảng Kiểm tra Thái nhân cách - Có sửa đổi (PCL-R) của Robert Hare được sử dụng rộng rãi, mối liên hệ giữa chứng thái nhân cách và tội phạm đã được thiết lập qua thực nghiệm. Có nhiều bằng chứng rộng rãi cho thấy, mặc dù tỷ lệ thống kê rất nhỏ của chúng trong dân số nói chung, những kẻ thái nhân cách chiếm một tỷ lệ khá lớn trong quần thể tù nhân và gây ra một tỷ lệ tội ác và tệ nạn xã hội lớn đến mức gây sốc.

Đặc tính tiêu biểu của kẻ thái nhân cách - chúng không liên hệ về tình cảm với phần còn lại của loài người

và chúng coi những người khác chỉ như những vật thể - khiến chúng dễ dàng khai thác những người yếu đuối và có thể sử dụng bất cứ cách gì chúng chọn để đạt được cái chúng muốn trên phương diện vật chất và quyền lực.

Mặc dù vậy, hành vi tội phạm phổ biến trong xã hội hơn chứng thái nhân cách rất nhiều. Những người không phải thái nhân cách thường xuyên tham gia vào các hành vi tội phạm ít nghiêm trọng hay một số trường hợp cá biệt, những hành vi tội phạm nghiêm trọng. Nhưng sự nghiệp tội phạm của kẻ thái nhân cách khác về bản chất. [58] Hành vi phạm tội của kẻ thái nhân cách thậm chí khác cả với những hành vi phạm tội cực kì nghiêm trọng và kéo dài của những người không phải thái nhân cách. Hơn thế nữa, nhiều nghiên cứu cho thấy các hành vi chống xã hội của những kẻ thái nhân cách được thúc đẩy bởi những yếu tố khác so với những gì thúc đẩy những kẻ tội phạm không phải thái nhân cách. Cách hoạt động, loại nạn nhân mà chúng chọn, đặc điểm hành vi của chúng khi phạm tội cũng khác.

Những kẻ thái nhân cách bắt đầu sự nghiệp tội phạm của chúng ở một độ tuổi rất sớm và tiếp tục tham gia

vào các hoạt động đó trong suốt cuộc đời chúng [59] mặc dù các nghiên cứu cho thấy sự suy giảm đáng kể trong hành vi tội phạm vào khoảng lứa tuổi 35-40 ở những tội ác không bạo lực. [60] Nhưng điều này không có nghĩa là chúng từ bỏ tội ác, nó chỉ có nghĩa là hoạt động tội ác của chúng giảm xuống ngang với mức trung bình của kẻ tội phạm chuyên nghiệp không phải thái nhân cách. Nó cũng có thể có nghĩa rằng chúng đã học được cách lẩn tránh pháp luật. Xu hướng phạm tội ác bạo lực và hành vi hung hăng của kẻ thái nhân cách có vẻ không giảm theo tuổi. [61]

Câu hỏi cần được hỏi là: sự suy giảm theo tuổi trong hành vi tội phạm của kẻ thái nhân cách có phải là phản ánh của những thay đổi trong đặc điểm nhân cách cốt lõi của chúng không?

Câu trả lời có vẻ là không. Một nghiên cứu dùng PCL-R trên một số lớn những kẻ tội phạm nam giới trong độ tuổi từ 16 đến 70 được tiến hành bởi Harpur và Hare trong năm 1994. Các điểm số về Yếu tố 2 (các đặc tính lệch lạc xã hội) giảm mạnh theo tuổi, trong khi điểm số về Yếu tố 1 (các đặc tính tình cảm / quan hệ xã hội)

giữ nguyên. Điều này cho thấy sự thay đổi theo tuổi trong hành vi chống xã hội của kẻ thái nhân cách không đi kèm với thay đổi trong các đặc tính vị kỷ, thủ đoạn và nhẫn tâm, nền tảng của chứng thái nhân cách.

Những kẻ thái nhân cách có tỷ lệ phạm tội ác bạo lực như cướp có vũ trang, cướp tài sản, đánh người cao hơn, và chúng cũng tham gia vào hành vi bạo lực và lạm dụng tình dục cùng giới với tỷ lệ cao hơn trong nhà tù. Trong quần thể nhà tù, số tội ác bạo lực do những kẻ thái nhân cách gây ra nhiều gấp khoảng ba lần so với những tội phạm không phải thái nhân cách.

Những kẻ thái nhân cách không chỉ có tỷ lệ phạm tội ác bạo lực cao hơn, chúng còn phạm những loại tội ác bạo lực khác hơn những kẻ không phải thái nhân cách. 2/3 số nạn nhân của những kẻ thái nhân cách là nam giới lạ mặt trong khi 2/3 số nạn nhân của những tội phạm không phải thái nhân cách là thành viên nữ trong gia đình hay người quen. Những tội phạm không phải thái nhân cách gây ra hành vi bạo lực trong tình trạng kích thích cùng cực, trong khi những kẻ thái nhân cách lạnh lùng lựa ra nạn nhân của chúng để trả thù. Điều đó nói

lên rằng đối với kẻ thái nhân cách, bạo lực là công cụ, là phương tiện của chúng. [62]

Việc chứng thái nhân cách là một nguy cơ dẫn đến tỷ lệ tái phạm cao hơn đã được khẳng định.

8. Kẻ thái nhân cách và bạo lực tình dục

Trong số những kẻ tội phạm tình dục tại một cơ sở điều trị, những kẻ hiếp dâm, những kẻ từng tấn công thiếu niên, và những kẻ từng tấn công trẻ em, có tỷ lệ thái nhân cách (PCL-R) trung bình lần lượt là 76,5%, 24,0% và 14,8%. Một nửa số những kẻ hiếp dâm hàng loạt có thể là thái nhân cách. [63]

Những kẻ hiếp dâm được chia thành bốn loại cơ bản: trả thù, cơ hội, bạo dâm và không bạo dâm. Động lực chính của loại bạo dâm và không bạo dâm là tình dục; động lực chính của loại trả thù và cơ hội là tính hung hăng hay thù địch. Chứng thái nhân cách có tỷ lệ cao ở những kẻ hiếp dâm cơ hội hoặc bạo dâm. 81% những kẻ hiếp dâm thái nhân cách và 56% những kẻ hiếp dâm không phải thái nhân cách được phân loại là cơ hội hoặc

trả thù. [64]

Những kẻ thái nhân cách sử dụng đến bạo lực một cách thường xuyên và nghiêm trọng hơn trong khi gây ra tội ác tình dục. Các nghiên cứu chỉ ra rằng chứng thái nhân cách có thể được gắn với tính tàn bạo tình dục. Điểm PCL-R cao có mối tương quan dương với sự kích thích tình dục qua bạo lực được chứng tỏ qua phép đo thể tích dương vật. [65]

Những kẻ tội phạm tình dục thường khó điều trị, [66] nhưng chính những kẻ thái nhân cách trong số chúng là có nhiều khả năng tái phạm sớm và thường xuyên nhất. [67]

Một nghiên cứu cho thấy trong vòng sáu năm kể từ khi ra tù, hơn 80% những kẻ tội phạm tình dục thái nhân cách phạm tội bạo lực ít nhất một lần, trong khi con số đó ở những kẻ không phải thái nhân cách là 20%. Nhiều, nhưng không phải tất cả những tội ác này là về tình dục. [68] Trong một nghiên cứu tiếp theo trên một mẫu nghiên cứu lớn, các nhà nghiên cứu thu được những kết quả tương tự, và thêm vào đó còn tìm ra: sự tái phạm tội

ác tình dục có thể được dự đoán rất tốt bởi sự kết hợp của một điểm PCL-R cao và bằng chứng qua đo thể tích dương vật cho thấy sở thích với những sự kích thích không bình thường như trẻ em, cảnh hiếp dâm hay các cảnh bạo lực không mang tính tình dục. [69]

9. Mức độ đáp ứng với điều trị

Một nghiên cứu gần đây tại Canada trên một điều trị tập thể cho 238 kẻ tội phạm tình dục (hiếp dâm, phạm tội loạn luân) ở nhà lao Warkworth ở bang Ontario. Những tù nhân này bao gồm một số kẻ thái nhân cách đã được xác định rõ. Tất cả chúng được dạy cách "đồng cảm" với nạn nhân và hiểu biết về "chu kì phạm tội" của chúng trong quá trình điều trị. Sau khi được ra tù, nghiên cứu cho thấy những kẻ có điểm số cao nhất về "hành vi tốt trong điều trị" và những kẻ có điểm cao nhất về "khả năng đồng cảm" là những kẻ dễ tái phạm nhất sau khi được thả vào cộng đồng. [...]

Trị liệu tâm lý không chỉ cần một lý thuyết tốt và một bác sĩ giỏi. Nó còn cần bệnh nhân. Từ bệnh nhân (patient) xuất phát từ tiếng Latin có nghĩa là "chịu đau

khổ". Một bệnh nhân, theo định nghĩa, đang bị khó chịu về một điều gì đó. Thế nhưng hầu hết các trị liệu của tù nhân bắt nguồn không phải từ sự đau khổ của tù nhân mà là sự bắt buộc bởi hệ thống pháp luật. Hệ thống cải tạo ở Canada biết rằng bao nhiêu kẻ thái nhân cách cuối cùng sẽ được thả vào cộng đồng, vì thế họ tìm cách thay đổi chúng, mặc dù mọi trị liệu tâm lý cho người trưởng thành mà phải bắt buộc đều có kết quả đáng ngờ. [70]

Sự bi quan của các bác sĩ về khả năng chữa trị của những kẻ thái nhân cách là chính đáng. Những kẻ thái nhân cách không cảm thấy đau khổ và do đó không nghĩ rằng có điều gì không ổn với chúng cả. Chúng không bị căng thẳng hay rối loạn tâm căn, và do đó không tự nguyện tìm đến điều trị. Chúng không coi thái độ và hành vi của chúng có gì không ổn cả, và các chương trình trị liệu thiết kế để giúp chúng "phát triển khả năng đồng cảm" và kỹ năng giao tiếp không có ích gì cho chúng cả. Kẻ thái nhân cách không thấy có khuyết tật gì trong tâm thần của chúng và không thấy có nhu cầu phải thay đổi.

Freud lập luận rằng tâm lý trị liệu không có khả năng chữa trị những kẻ thái nhân cách chính là vì điều kiện tiên quyết để có thể dùng tâm lý trị liệu là phải có lương tâm. Chính lương tâm và khả năng quan tâm đến người khác là cái khiến cho một người xem xét một cách nghiêm túc các động cơ dẫn đến hành vi của họ. Thế nhưng những kẻ thái nhân cách về định nghĩa là không có lương tâm và khả năng quan tâm đến người khác.

Khi tỷ lệ tái phạm của những kẻ thái nhân cách đã tham gia trị liệu được xem xét, người ta tìm ra rằng tỷ lệ tái phạm nói chung trong nhóm đã qua trị liệu và chưa qua là cao tương đương nhau, lần lượt là 87% và 90%, tuy nhiên tỷ lệ tái phạm bạo lực cao hơn một cách đáng kể ở nhóm đã qua trị liệu so với nhóm chưa qua trị liệu, lần lượt là 77% và 55%. Ngược lại, nhóm tội phạm không phải thái nhân cách đã qua trị liệu có tỷ lệ tái phạm nói chung và tái phạm bạo lực thấp hơn nhiều, 44% và 22%, so với nhóm không qua trị liệu, 58% và 39%. Vậy là có vẻ như chương trình trị liệu có kết quả với những tội phạm không phải thái nhân cách, nhưng thực tế lại làm những kẻ thái nhân cách thực sự tồi tệ

hơn. Một lý do nữa để cực kỳ cẩn thận với các tiêu chí chẩn đoán. [71]

Câu hỏi ở đây là: Làm sao mà trị liệu có thể làm ai đó nặng thêm? Phỏng đoán của Robert Hare là liệu pháp nhóm và cách điều trị theo hướng nhận thức trên thực tế đã giúp những kẻ thái nhân cách phát triển những thủ đoạn tốt hơn để lừa gạt và khai thác người khác nhưng không làm gì để giúp chúng hiểu được chính bản thân chúng.

Các vấn đề trong chữa trị chứng thái nhân cách có một phần nguyên nhân từ sự yếu kém của các tài liệu nghiên cứu làm nền tảng cho phương pháp chẩn đoán định ra trong DSM-IV. Khi không có một đánh giá chính xác, khó mà có thể xây dựng một kế hoạch điều trị rõ ràng. Hơn nữa, sự thiếu hụt các nhóm thực nghiệm và so sánh cũng gây khó khăn để kết luận "không gì có tác dụng cả". Robert Hare đã gợi ý một chương trình điều trị thay vì hướng tới việc giúp kẻ thái nhân cách phát triển khả năng đồng cảm và lương tâm (thay đổi nhân cách), thì hướng tới việc thuyết phục kẻ thái nhân cách rằng chính chúng phải chịu trách nhiệm cho hành vi của

chúng và rằng chúng có thể học cách sử dụng những điểm mạnh và điểm yếu vốn có của chúng để đạt được các nhu cầu và mong muốn của chúng theo những cách có ích cho xã hội. Có vẻ yếu điểm duy nhất của một ý tưởng như thế là nó không thỏa mãn một trong những xu hướng nổi bật nhất của kẻ thái nhân cách: khát vọng cho quyền lực và kiểm soát người khác.

10. Tiêu chí chẩn đoán

10.1. Danh sách của Hervey Cleckley

Hervey Cleckley định nghĩa chứng thái nhân cách như sau: [103]

Sự hấp dẫn hờI hợt và mức độ thông minh trung bình

Không có sự ảo tưởng và những suy nghĩ không logic khác

Không có sự hồI hộp và các biểu hiện xúc cảm thần kinh khác.

Không đáng tin cậy

Giả dốI, thiếu thành thật

Không biết hốI hận hay xấu hổ

Hành vi chống đốI xã hộI mà không có biểu hiện ăn năn

Khả năng phán đoán kém và không biết học hỏI từ kinh nghiệm

Vị kỷ một cách bệnh hoạn và không có khả năng yêu thương

Nói chung là nghèo nàn trong các phản ứng tình cảm chính khác

Thiếu khả năng nhận thức sâu sắc

Thụ động trong các quan hệ giữa các cá nhân nói chung

Hành vi kỳ cục, phản cảm khi uống rượu bia, đôi khi cả khi không uống rượu bia

Lời đe dọa tự tử rất hiếm khi thực hiện

Cuộc sống tình dục không có tình cảm, tầm thường và không tích hợp vớI cuộc sống nói chung

Không có khả năng thực hiện kế hoạch dài hạn trong cuộc sống

11.2. PCL-R: Bảng Kiểm tra Thái Nhân cách

Trong các nghiên cứu và điều trị lâm sàng hiện đạI, chứng thái nhân cách thường được đánh giá và chẩn đoán bởI Bảng Kiểm tra Thái nhân cách - Có Sửa đổI (PCL-R) của Hare. Đây là một thang điểm đánh giá lâm sàng vớI 20 mục. MỗI mục trong bảng PCL-R được cho điểm trên một thang 3 điểm (0, 1, 2) theo những tiêu chí cụ thể dựa trên thông tin trong hồ sơ lý lịch và phỏng vấn. Như đã nói ở trên, công cụ chẩn đoán này cũng bao gồm cả các hồ sơ hình sự hay tâm thần, các cuộc phỏng vấn vớI gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, ngườI quản lý, ngườI dướI quyền, cùng vớI những quan sát hành vi khác khi có thể.

1. Lém lỉnh và hấp dẫn hời hợt: Có xu hướng ăn nói lưu loát, bề ngoài hấp dẫn, thu hút ngườI khác.Kẻ thái nhân cách không tỏ ra một chút nào vẻ nhút nhát, lo lắng về bản thân hay e ngại khi nói bất cứ điều gì. Kẻ thái nhân cách không bao giờ ấp úng. Chúng cũng đã tự giảI phóng bản thân khỏI quy tắc xã hộI là để thờI gian cho ngườI khác được nói.

2. Tự đánh giá quá mức về bản thân: Nhìn nhận khả năng và giá trị của bản thân một cách phóng đạI quá mức đến nực cười. Rất tự tin, tự phụ, hay khoe khoang, không nhìn nhận quan điểm ngườI khác. Kẻ thái nhân cách tin rằng hắn thuộc về một đẳng cấp cao hơn của loài người.

3. Có nhu cầu được kích thích hay dễ buồn chán: Một nhu cầu quá mức vớI những kích thích mớI lạ, hồI hộp, hấp dẫn. Hay làm những việc mạo hiểm. Kẻ thái nhân cách thường ít có ý thức làm việc đến nơi đến chốn vì chúng rất dễ chóng chán. Ví dụ như chúng không làm lâu được ở một nơi nào, hay không hoàn thành những việc mà chúng cho là nhàm chán hay lặp đi lặp lại.

4. Nói dốI bệnh hoạn: Có thể ở mức trung bình hoặc cao. Ở dạng trung bình, chúng là khôn ranh, xảo quyệt, tinh quái. Ở mức cao, chúng lừa lọc, gian dốI, bất chính, vô đạo đức.

5. Lừa gạt và điều khiển ngườI khác: Nói về việc sử dụng sự dốI trá, bịp bợm để lừa gạt ngườI khác nhằm mục đích cá nhân. Khác vớI điểm 4 ở mức độ của sự nhẫn tâm lợI dụng ngườI khác, phản ảnh thông qua việc không quan tâm đến cảm xúc và nỗI đau khổ của các nạn nhân của chúng.

6. Không có khả năng hốI hận: Nói về việc không có cảm xúc hay mốI quan tâm đến những mất mát, đau đớn và đau khổ của các nạn nhân; một xu hướng không quan tâm, lạnh lùng, không cảm xúc. Điểm này thường được thể hiện bằng một thái độ khinh thị đốI vớI nạn nhân.

7. Tình cảm nông cạn: Nghèo nàn về tình cảm hay hạn chế về bề rộng và chiều sâu của cảm xúc; lạnh lùng trong quan hệ xã hộI mặc dù rất thích giao thiệp rộng rãi.

8. Nhẫn tâm và không có khả năng đồng cảm: Không có tình cảm vớI ngườI khác nói chúng; lạnh lùng, khinh khỉnh, không chu đáo, bất lịch sự.

9. LốI sống ăn bám: Sống phụ thuộc vào ngườI khác một cách cố ý, ích kỷ, lợI dụng, phản ánh qua sự thiếu động lực tiến thủ, ý thức tự giác thấp, và không có khả năng bắt đầu hay kết thúc những việc thuộc trách nhiệm của mình.

10. Khả năng điều khiển hành vi kém: Biểu hiện ra ngoài sự khó chịu, thiếu kiên nhẫn, hay đe dọa, hung hăng, chửI bớI ngườI khác. Thiếu khả năng kiểm soát sự nóng giận, hành động thiếu suy nghĩ.

11. Hành vi tình dục bừa bãi: Có một loạt những mốI quan hệ ngắn ngủI, hờI hợt; không kén chọn bạn tình; có nhiều mốI quan hệ cùng một lúc; từng tìm cách ép buộc ngườI khác vào quan hệ tình dục hay rất tự hào khi kể lạI những thành công về tình dục của mình.

12. Có vấn đề sớm về hành vi: Nhiều vấn đề về hành vi trước khi đến tuổI 13, bao gồm dốI trá, trộm cắp,

gian lận, phá hoạI, bắt nạt bạn bè, hành vi tình dục, đốt phá, sử dụng thuốc kích thích, uống rượu, bỏ nhà.

13. Không có mục đích sống dài hạn mang tính thực tế: Không có khả năng lập ra và thực hiện những kế hoạch hay mục tiêu dài hạn; cuộc sống lang bạt, không định hướng.

14. Bốc đồng: Có những hành vi không định trước, phản ánh sự thiếu suy nghĩ hay kế hoạch trước khi làm; không có khả năng chống lạI sự cám dỗ, nỗI thất vọng, sự thúc dục; không suy tính đến hậu quả; dạI dột, khó lường, thất thường và liều lĩnh.

15. Thiếu trách nhiệm: Thường xuyên không hoàn thành hay giữ đúng trách nhiệm và cam kết, như là không trả hóa đơn hàng tháng, không trả tiền nợ, làm việc cẩu thả, vắng mặt hay đi làm muộn, không tôn trọng thỏa thuận hợp đồng.

16. Không nhận trách nhiệm về hành vi của bản thân: Phản ánh trong việc chốI bỏ, lẩn tránh trách nhiệm, đổ lỗI cho ngườI khác, thiếu tận tâm trong công việc.

17. Nhiều quan hệ hôn nhân ngắn hạn: Không có khả năng duy trì những quan hệ lâu dài trong đờI sống, bao gồm cả quan hệ hôn nhân.

18. Tiền án, tiền sự vị thành niên: Có những vấn đề về hành vi trong khoảng tuổI 13-18, liên quan chủ yếu đến tộI phạm hoặc những hành vi có biểu hiện rõ ràng sự lợI dụng ngườI khác, hung hăng, hay tàn nhẫn, nhẫn tâm.

19. Được tự do tạm thờI nhưng bị hủy vì những vi phạm mang tính kỹ thuật như bất cẩn, không đến đang ký đúng hạn, không đến dự tòa.

20. Tội phạm đa năng: Phạm nhiều dạng tộI hình sự, bất kể đã bị bắt và kết án hay chưa; rất tự hào khi phạm tộI chót lọt.

HỒ SƠ TỘI PHẠM

Diệp Mộc Nhiên

Lời Nói Đầu

Đây không phải sản phẩm do mình làm ra mà là những kết tinh trí tuệ của các nhà tâm lý tội phạm học. Là kết quả tìm hiểu và sưu tầm của mình với mục đích học tập và giải trí nhằm thỏa mãn nhu cầu khám phá về phương diện tâm lý cũng như chia sẻ cho mọi người đọc.

Trong chuỗi bài sưu tầm có thể có những vụ án mạng kinh hãi,dễ gây ảnh hưởng đến tâm lý sau này. Xin hãy suy xét kĩ trước khi đọc,hãy đọc khi đủ tuổi trưởng thành...

Cuối cùng,cảm ơn vì đã ủng hộ. Nếu cảm thấy hay thì vote cho mình 1 phiếu. Cảm ơn!